

9(V) 151

V 308

VIỆT NAM
NGHĨA
LIỆT
SỬ

thuongmaitrucgiao.vn

VĂN
HỌC

Mồng sáu tháng giêng năm Mậu ngọ niên hiệu Thành Thái
in lần thứ nhất

Hai mươi bốn tháng sáu năm Mậu ngọ niên hiệu Thành Thái
in lần thứ hai.

CÓ CHÍ THÌ NÊN

Trước giả: ĐẶNG ĐOÀN PẴNG
Tu đính giả: PHAN THỊ HÁN
Nơi ấn loát: Chấn Á xã
(Thượng-hải pháp giới đại mả lộ Trung thị)

Soạn giả: ĐẶNG ĐOÀN BẰNG

Tu đính giả: PHAN THỊ HÁN

90/151 + 80/1
V308

VIỆT-NAM NGHĨA LIỆT SỬ

TÔN QUANG PHIỆT

dịch và chú thích

thuongmaithuongxua.vn

THƯ VIỆN
TÔN QUANG NINH

M.13302

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

HÀ NỘI — 1972

LỜI NGƯỜI DỊCH

Căn cứ vào bài tựa cũ (nguyên tự) thứ nhất ký tên Đặng Đoàn Bằng của quyển « *Việt-nam nghĩa liệt sử* » thì quyển này viết ra từ năm Bình thìn sau tết đoàn ngọ (mồng 5 tháng 5 âm lịch) tức vào khoảng tháng 6 năm 1916. Đặng Đoàn Bằng tác giả bài tựa ấy mà cũng là tác giả quyển sách là ai? Theo Bùi Ngọc Thành, người đã xuất dương từ năm 1913 đến khi Cách mạng tháng Tám thành công mới về nước và hiện làm cán bộ trường Nguyễn Ái Quốc, thì Đặng Đoàn Bằng tức là Đặng Tử Mẫn, người làng Hành-thiện, phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-định. Bùi Ngọc Thành nói là ông đã ở chung với Đặng Tử Mẫn, tức Đặng Đoàn Bằng trong một thời gian.

Đặng Tử Mẫn, theo « *Phan Bội Châu niên biểu* », là một người rất có tâm huyết trong đoàn học sinh Việt-nam xuất dương du học. Lúc ở Nhật, vì thiếu tiền ăn học, Đặng đã phải đi làm thuê mà theo học trong nửa năm. Khi bị Nhật trục xuất thì Đặng lại trở về Trung-hoa đi lại các nơi Hương-cảng, Vân-nam và Lương-quảng, giao thiệp với các đảng viên cách mạng Trung-hoa và một số đầu sỏ trong đám lục lâm. Đến đâu ông cũng có thể dung hòa được với những người xung quanh mình. Đã nhiều lần, Đặng Tử Mẫn mưu tính việc bạo động ở biên giới Việt-nam, tuy bị thất bại luôn luôn mà vẫn vững chí bền gan không bao giờ chán nản. Khi ở Hương-cảng chế thuốc nổ không có khói và chế tạc đạn, đã bị thuốc bùng nổ suýt nguy đến tính mạng, nhưng may sau chỉ cụt mất ba ngón tay bên phải mà thôi. Có một lần Đặng đã vận chuyển quân khí ở Hương-cảng bị cảnh sát Anh bắt và bị sáu tháng tù. Đặng lại thường đi lại ở biên giới Xiêm — Lào định vào Trung-kỳ khởi sự. Nhưng lúc ấy bọn mật thám của Pháp khá nhiều mà kiều bào ta ở Xiêm thế lực còn non nớt nên không thành được việc gì cả.

Đặng đã ăn ở chung nhiều với Phan Bội Châu trên đất Xiêm hoặc trên đất Trung-hoa, đã cùng nhau chịu đựng gian khổ mà không bao giờ có vẻ buồn rầu cả. Phan Bội Châu nói về Đặng Tử Mão đại để như thế.

Bùi Ngọc Thành cho biết thêm: Đặng Tử Mão hoạt động nhiều ở biên giới Hoa — Việt hay Xiêm — Lào, nên bọn Pháp rất đề ý. Chúng đã liên lạc với bọn quân phiệt Trung-hoa để bắt Đặng Tử Mão. Nhiều lần Đặng bị bắt theo yêu cầu của Pháp, nhưng vì quen biết nhiều, nên nhờ sự can thiệp của một số bạn Trung-hoa mà lại được tha. Sau vụ Phạm Hồng Thái (1924) Đặng định đi Nga nhưng không hiểu vì có gì còn chần chừ ở Nam-ninh (Quảng-tây). Một bọn thổ phỉ nhận tiền thuê của Pháp đã bắn chết Đặng Tử Mão rồi chặt tay nộp cho Pháp, vì tay Đặng cụt ba ngón, Pháp có thể nhìn nhận được.

Qua các tài liệu trên thì Đặng Tử Mão đã hoạt động lâu, đã đi lại nhiều nơi, quen biết nhiều người, mà lại sống lại sau để có thể viết quyển sách « Việt-nam nghĩa liệt sử ».

Tiếp sau bài tựa cũ thứ nhất, có bài tựa cũ thứ hai, tác giả là Trần Quốc Duy, đề ngày tháng giêng năm Đinh ty, tức vào khoảng tháng hai năm 1917. Trần Quốc Duy là ai? Tên này chúng tôi chưa thấy ở đâu cả. Có người nói đó tức là một tên Phan Bội Châu đặt ra, chứ các đối liên hay thơ đề tên Trần Quốc Duy đều là của Phan Bội Châu; thế thì bài tựa cũng là của Phan Bội Châu. Chúng tôi thấy cái kết luận này không ổn. Theo thời gian thì tháng 2 năm Đinh ty (vào khoảng tháng 3 năm 1917) Phan mới được ra khỏi nhà tù Quan-âm ở Quảng-đông, mà bài tựa lại đề tháng giêng năm Đinh ty; như thế thì Trần Quốc Duy không thể là Phan Bội Châu được. Cũng không có cơ gì cần thiết để Phan phải đổi cả tên họ, cả thời gian như thế. Hơn nữa trong quyển *Việt-nam nghĩa liệt sử*, có các bài thơ điệu Nguyễn Thúc Đường, điệu Đỗ Cơ Quang, Nguyễn Đức Công, Nguyễn Thúc Đường, điệu Vũ Quán, điệu Phạm Dương Nhân, Đặng Hữu Quý đều có đề rõ tên tác giả là Sào Nam công, hoặc Sào Nam tử, hoặc Sào Nam Phan công nghĩa là Phan Bội Châu. Không có lẽ gì ở các bài khác lại không đề thẳng tên Phan mà lại mượn tên Trần Quốc Duy. Tên Trần Quốc Duy có thể là tên đặt, nhưng người đặt đó không phải là Phan Bội Châu, thì các bài văn mang tên Trần Quốc Duy cũng không phải văn của Phan Bội Châu.

Dầu sao, phần đóng góp của Phan Bội Châu vào quyển « *Việt-nam nghĩa liệt sử* » nhất định là nhiều, vì thực tế, Phan Bội Châu là người nắm được tình hình lúc bấy giờ và hiểu biết các sự việc của các người tham gia hoạt động hơn ai hết. Sau đây là một ít chứng cứ:

Trong quyển *Phan Bội Châu niên biểu*, khi nhắc lại việc Tăng Bạt Hổ chết, Phan nói: « Sau này, tôi viết quyển « *Việt-nam nghĩa liệt sử* » đem tiểu sử ông nêu lên trên hết là một việc đúng chứ không phải có tư vị gì ».

Và khi nhắc lại việc Đỗ Cơ Quang, Phan lại viết « Việc này trong quyển « *Việt-nam nghĩa liệt sử* », tôi cũng đã nói rõ... » Xem các chỗ này thì chính Phan Bội Châu là tác giả quyển sách. Lại trong một đoạn khác của quyển « *Phan Bội Châu niên biểu* » nói về những hoạt động trước tác của mình trong các năm Canh thân và Tân dậu (1920 — 1921) Phan có kể ra mấy tác phẩm, trong đó có quyển « *Việt-nam nghĩa liệt sử* ». Phan viết như sau: « Quyển này toàn là kỷ niệm các đồng bào đã phải chết vì việc nước trước tôi, những sự thực chính tôi được tai nghe mắt thấy, hay là nghe các đồng chí thuật lại, đều chép cả ở quyển này. Còn những người chưa đây nấp quan tài thì tôi chưa chép là có ý chờ đợi ». Điều này cũng chứng minh quyển « *Việt-nam nghĩa liệt sử* » chính là của Phan Bội Châu.

Thế sao trong quyển sách « *Việt-nam nghĩa liệt sử* » thì đầu bìa lại đề: « *Nam-dinh Đặng Đoàn Bằng trước* » và cuối sách lại đề: « *Trước giả Đặng Đoàn Bằng — Tu đính giả Phan Thị Hán...* »?

Theo ý chúng tôi, quyển này là do nhiều người góp lại, trong đó Phan Bội Châu đã góp phần nhiều và Đặng Đoàn Bằng là người sắp xếp lại và bổ sung vào.

Chúng ta đã thấy Phan là người viết nhiều sách mà rất đề ý đến các liệt sĩ chết vì nước. Mỗi lúc có một đồng chí nào chết thì không bao giờ Phan quên việc viết tiểu sử người ấy — ví dụ như các quyển: *Kỷ niệm lục*, *Ngư Hải ông liệt truyện*, *Tiểu La liệt truyện*, *Tái sinh sinh truyện* (chuyện Bùi Chính Lộ)...

Chắc rằng lúc Phan bị tù ở Quảng-đông (1914 — 1917) Đặng Đoàn Bằng đã sưu tầm lại các tài liệu ấy và tìm thêm các tài liệu khác để bổ sung vào. Rồi sau Phan Bội Châu ra tù lại tu chỉnh lại lần nữa. Bản sách in năm 1918 (Mậu ngọ) tức là bản này.

Trong mục «Phàm lệ» đầu quyển sách có một tiết nói: «Sách này nguyên tên là «*Hương huyết lục*» đã được Đặng Đoàn Bằng tự tay góp lại làm thành, lại được Đinh Nam⁽¹⁾ bổ nhuận ít nhiều, mới đặt tên này, xem ra đúng hơn, nên để theo tên này. Bài «Phàm lệ» này sau đề là của người tu đính, mà người tu đính tức là Phan Thị Hán, theo như sau quyển sách đã ghi rõ.

Như thế chúng ta có thể có ý kiến khá chính xác về các tác giả quyển sách «*Việt-nam nghĩa liệt sử*».

Ngoài hai bài tựa cũ nói trên, còn có hai bài tựa nữa: một bài của Cường Để đề ngày tháng giêng năm Mậu ngọ; một bài của Nguyễn Thượng Hiền đề ngày sóc (tức ngày mồng một) tháng giêng năm Mậu ngọ Nam lịch. Năm này cũng là năm quyển sách được xuất bản và tái bản. Không hiểu năm 1916 quyển sách đã xuất bản như thế nào?

Đầu quyển sách có đề năm, tháng xuất bản là:

«*Thành Thái Mậu ngọ hạ*»

Sau quyển sách lại có đề hai dòng như sau:

«*Thành Thái Mậu ngọ niên chính nguyệt lục nhật sơ bản.*

«*Thành Thái Mậu ngọ niên lục nguyệt nhị thập tứ nhật tái bản*».

Thế thì năm Mậu ngọ (1918) quyển sách đã được xuất bản rồi lại tái bản trong khoảng sáu tháng (mồng 6 tháng giêng và 24 tháng 6).

Năm Mậu ngọ là năm 1918. Triều Thành Thái đã hết từ năm 1907. Nay đã qua cả đời Duy Tân đến đời Khải Định rồi. Vì sao quyển sách lại đề niên hiệu Thành Thái? Đây nhất định không phải là một sự lầm lẫn đâu. Tác giả há lại không biết năm Mậu ngọ (1918) là thuộc niên hiệu Khải Định. Nhưng vì

1. Tức Nguyễn Thượng Hiền.

duyên có khác mà niên hiệu Thành Thái được dùng. Thành Thái là một ông vua có tư tưởng chống Pháp, và chính vì có ấy mà Pháp đã tìm cách bắt Thành Thái thoái vị rồi đưa đi đày. Người ta lại tương truyền lúc Cường Để đi Nhật, Thành Thái có biết và có khuyến khích giúp đỡ. Vì thế các nhà ái quốc lúc đó có cảm tình với Thành Thái, cho nên đầu Thành Thái đã mất ngôi mà người ta vẫn giữ lại niên hiệu, chứ không chịu thừa nhận các vua sau, nhất là Khải Định, con Đồng Khánh thì người ta liệt vào hạng vua nịnh Tây và mọi người khinh bỉ. Sở dĩ quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» mang niên hiệu Thành Thái chắc là vì thế.

Quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» viết hoàn toàn bằng chữ Hán theo lối văn xưa, dùng nhiều điển tích xưa. Quyển mà chúng tôi có trong tay để dịch lại là quyển sách viết tay, sao qua nhiều bản sao khác, cho nên có một ít chỗ sai lầm, một ít chỗ đề sót.

Lúc chúng tôi dịch chỉ cố gắng dịch thế nào cho người đọc có thể hiểu được những ý chính, chứ không có tham vọng tuyệt đối trung thành với nguyên văn. Những chỗ đề sót, chúng tôi phải phỏng đoán và thêm vào, vì không thể làm thế nào hơn được. Để khi nào tìm được bản in, nếu chúng tôi có sai thì sẽ sửa lại. Cũng mong các bạn đọc, nếu thấy được chỗ sai lầm thiếu sót thì cho chúng tôi biết.

Phần khó khăn nhất mà chúng tôi gặp phải là phần dịch văn vần chữ Hán ra văn vần chữ Việt, như thơ, đối liễn, từ... Về phần này cũng có một đôi chỗ sai lầm đề sót như phần văn xuôi, chúng tôi cũng áp dụng cách dịch văn xuôi để dịch văn vần. Ngoài ra, mà chỗ này là khó khăn nhất, phải theo vần, theo luật chữ bằng, chữ trắc nữa. Chúng tôi cố gắng cứ dịch thế văn nào theo thể văn ấy: thơ ra thơ, phú ra phú... Bất đắc dĩ lắm mới phải dịch thơ bảy chữ ra thể lục bát, hay cũng dịch ra thơ bảy chữ mà đảo câu đi, cho câu dưới lên trên, câu trên xuống dưới, để có thể giữ đúng vần và luật bằng, trắc.

Trong các bài thơ tám câu, bảy chữ có hai bài thơ lại họa vần với nhau; nguyên văn đã là một vần thì bài dịch cũng phải một vần với nhau; do đó các chữ dùng không khỏi có chỗ gượng ép.

Trong những điều kiện như thế, phần dịch văn vần tất nhiên có nhiều thiếu sót hơn phần dịch văn xuôi.

Thế thì trong phần dịch văn vần, ngoài một số bài, một số câu dịch được đúng về hình thức lẫn nội dung, còn có một số bài một số câu mà chúng tôi chưa được thỏa mãn, nhưng cũng không có cách gì làm hơn được. Để bổ cứu các sai lầm, thiếu sót có thể phạm phải, chúng tôi phiên âm ra để các bạn đọc đối chiếu được và để vào phần sau cùng tất cả nguyên văn chữ Hán.

Quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» viết vào khoảng 1916-1918, hay trước nữa, nghĩa là lúc mà Hội Việt-nam Quang phục đã bị tan rã, các nhà cách mạng Việt-nam đang bị thực dân Pháp và chính phủ Nam triều truy nã ráo riết. Lúc đó có một số người trước tham gia các cuộc vận động hoặc có trực tiếp hay gián tiếp giúp đỡ các nhà ái quốc nhưng nay đã về nhà sinh sống bằng cách này hay cách khác. Do đó, các tác giả, để tránh sự liên lụy đến các người ấy, đã không nói tên tuổi và sự việc ra một cách rõ ràng. Vì nếu dịch biết được ai đã tham gia phong trào thì sẽ thẳng tay trừng trị người ấy.

Mặt khác, quyển sách viết ra và xuất bản ở trên đất Trung-hoa. Các nhà đương cục Trung-hoa, có một số sợ Pháp, không dám dung nạp cách mạng Việt-nam, có một số hòa với Pháp để trị cách mạng Việt-nam. Do đó mỗi lúc nói đến các nhà đương cục Trung-hoa, tác giả cần phải dè dặt để tránh những hành động báo thù. Chúng ta đều nhớ rằng khi các nhà ái quốc ta hoạt động trên đất Trung-hoa thì thực dân Pháp tìm đủ mọi cách mua chuộc bọn quân phiệt Trung-hoa để truy nã các nhà cách mạng ta. Đặc biệt sau các vụ ném bom ở Thái-bình và khách sạn Hà-nội (1913) thì thực dân Pháp ra sức giao thiệp với quan lại Trung-hoa ở các tỉnh Lạng Quảng, Vân-nam... để truy nã các lãnh tụ cách mạng Việt-nam mà chúng cho là đã phạm tội giết người chứ không phải là can án chính trị nữa. Vì thế những người viết quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» không có thể nói hết cả sự thực.

Vì các lẽ trên, về mặt tài liệu, quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» bị hạn chế khá nhiều.

Quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» về mặt các nhân vật hoạt động chống Pháp đầu thế kỷ thứ XX là quyển sách tiêu biểu nhất của thời kỳ Phan Bội Châu vì nó đã nói đến nhiều cuộc vận động ái quốc trong lúc ấy, tuy nói một cách rất sơ sài.

Trong thời kỳ ấy, phần lớn những người thanh niên tuổi đã tham gia hoạt động giết giặc cứu nước. Ra hoạt động trong những điều kiện khó khăn nguy hiểm, phần lớn các vị đã hy sinh, hoặc bị giặc giết, hoặc chết trong tù hoặc chết vì bệnh hay vì lẽ này lẽ khác. Tất cả các người chết như thế, mà đã thủy chung với cách mạng, tác giả đều liệt vào hạng nghĩa liệt. Ví dụ như các ông Trần Quý Cáp, Nguyễn Đức Công... thì bị giặc bắt hành hình; các ông Đặng Thái Thân, Lương Ngọc Quyến... thì hoặc bị giặc vây không thoát được mà tự sát hoặc đương trường đánh với giặc mà hy sinh, các ông Trần Đông Phong, Võ Quán... thì vì phần uất mà tự tử, các ông Đặng Hữu Quý, Phạm Đương Nhân... thì bị bệnh mà chết, các ông Nguyễn Hàm, Chu Thư Đồng... thì lại chết trong nhà ngục. Dù chết bằng cách nào, tác giả cũng ghi chép lại trong quyển «*Việt-nam nghĩa liệt sử*» vì cách chết tuy không giống nhau, nhưng cái lòng yêu nước, căm thù địch, sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp cách mạng thì đều giống nhau cả.

Các người được nêu tên ra cả thấy có 50 vị. Ngoài ra có những cuộc vận động tập thể thì tác giả chép tên các cuộc vận động như: cuộc chống thuế ở Trung-kỳ, cuộc đầu độc ở trại lính Hà-nội, cuộc khởi nghĩa ở Móng-cái.

Đây chỉ mới là một số nhỏ đồng bào hy sinh mà thôi. Trong quãng hơn mười năm từ cuộc Đông du cho đến cuộc khởi nghĩa Thái-nguyên, đồng bào ta chết vì nước rất nhiều, mà nhiều nhất là đám người không tên tuổi, không thể ghi chép hết được. Đó là chưa kể những người hy sinh trước và sau thời gian ấy.

Lại có nhiều người ở thời Phan Bội Châu mà tên tuổi chúng ta rất quen thuộc, như Nguyễn Thượng Hiền, Mai Lão Bạng, Đặng Thúc Hứa, Đặng Tử Kinh... mà lại không có tiểu sử ở trong quyển sách, đó là vì các người đó đang còn sống trong lúc viết sách này. Quyển sách chỉ chép các liệt sĩ, nghĩa sĩ trong khoảng hơn 10 năm, từ 1906 đến 1917 mà thôi, nghĩa là từ Tăng Bạt Hổ đã chết vào mùa thu năm 1906 đến Lương Lập Nham đã chết vào mùa thu năm 1917. Những người được nêu ra phần lớn có dính líu đến phong trào Phan Bội Châu. Còn các

người khác trong các cuộc khởi nghĩa của Đề Thám, Đội Cấn, Duy Tân, Phan Xích Long... đều không nói đến. Tiểu sử các người được nêu lên cũng chỉ sơ lược vì điều kiện thời gian và không gian đã không cho phép tác giả biết được nhiều hơn.

Thế thì quyển « *Việt-nam nghĩa liệt sử* » này cần được bổ sung: bổ sung vào các người đã được đề ra trong quyển sách, bổ sung thêm các người đã hoạt động thời ấy đã thủy chung với cách mạng và đã chết sau năm 1917 hoặc trước 1917 mà chưa được chép vào.

Tôi tưởng đó là một nhiệm vụ của các cán bộ nghiên cứu lịch sử cận đại nước nhà của chúng ta.

Mùa xuân năm Kỷ hợi (2-1959)

TÔN QUANG PHIỆT

thuongmaitruongxua.vn

PHẠM LỆ

1. Quyển sách này, tác giả căn cứ vào chỗ nghe thấy được mà chép ra, nhiều điều chưa rõ, hoặc còn phải đề thiếu, đợi khi nào tra cứu được sẽ thêm vào, không dám bỏ sót, mong độc giả lượng xét cho.

2. Việc sắp thứ tự các bậc nghĩa liệt là do nhận được tin các vị chết trước hoặc sau mà đề vào không phải có ý phân biệt hơn kém, vì tác giả không dám có sự so sánh đó.

3. Tác phẩm này nguyên tên là « HƯƠNG HUYẾT LỤC » do ông Đặng Đoàn Bằng tự tay góp lại mà thành rồi ông Đình Nam có sửa chữa lại, mới đặt tên này, xem ra đúng hơn, nên để theo tên này.

4. Quyển sách này vắng mệnh chữa lại chỉ năm tháng đã xong thiết chưa phải quyển sách đầy đủ, mong các độc giả trong nước ngoài nước, có người nào việc nào thêm vào chúng tôi sẽ rất hoan nghênh, mong các bạn chỉ giáo cho.

Người sửa chữa kính ghi

BÀI TỰA THỨ NHẤT

Nước ta từ Đinh Tiên Hoàng gồm các quận Nhật-nam, Cửu-chân, Tượng-quận, Giao-chỉ làm nước Đại-cồ-Việt, tách rời nhà Bắc Tống mà lập quốc, sử sách còn ghi lại rõ ràng; nền độc lập của ta đã là xưa lắm. Sau đó, nhà Trần, tiền Lê cho đến hậu Lê nhiều phen đánh Chiêm-thành, chiếm cả Lâm-ấp. Đến liệt thánh triều ta, mở rộng đất đai; từ Nam, Ngãi, Bình, Phú về Nam, thu cả thủy lục Chân-lạp⁽¹⁾ và một dải đất Ai-lao, về bờ cõi của ta cho đến ngày nay thành một nước lớn. Diện tích đến 27 vạn cây số vuông Anh, đất đai như thế há chẳng phải là rộng lắm ru? Nhân khẩu toàn quốc có hơn bốn ngàn năm trăm vạn, người như thế cũng là đông lắm. Thế mà nay đem các cơ nghiệp do tiên vương, tiên công gây dựng ra trong hàng ngàn năm, giao cho tộc loại khác ngồi nhìn họ chiếm cứ đất nước mà mình chịu làm nô lệ? Than ôi, đó là tội ai? đó là tội ai?

Tôi ngày đêm đau đớn, ruột gan như cắt, chỉ than tài hèn trí kém, sức chẳng theo lòng. Từ xuất dương đến nay, chưa được chút thành công gì. Đồng bào trong nước chỉ vì tin yêu tôi mà phải chịu liên lụy những gian khổ tai vạ; hơn mười năm nay, trong nước ngoài nước nhiều kẻ bị chết trước. Tuy rằng các sĩ phu yêu nước, không phàn nàn gì việc đầu rơi máu chảy nhưng con người là nhà bỏ nước như tôi, ngoảnh trông bốn bề biết nói thế nào với người đã chết! Nhờ ơn phúc của trời, thiêng liêng của Tổ tiên, nếm mật nằm gai, non sông còn đó, những mong khôi phục Tổ quốc trong một ngày gần đây; có ngày thành Thăng-long mây tía, bể Cần-thơ sóng hồng, ngàng đầu nhìn chân trời thiêng liêng, rót máu quân thù mà tế, đó là điều mà đêm ngày tôi mong ước. Cái chí xưa nay không phút nào dám quên. Nhân lúc ông Đặng Đoàn Bằng làm xong quyển sử Việt-nam nghĩa liệt, tôi gặt nước mắt viết bài này, vào một ngày tháng giêng năm Mậu ngọ⁽²⁾.

Vong nhân Việt-nam CƯỜNG ĐỀ viết

1. Thủy Chân-lạp là Nam-bộ ngày nay. Lục Chân-lạp là Khơ-me ngày nay.

2. 1918.

BÀI TỰA THỨ HAI

Trên ngọn sóng lớn biển khơi ngoài bảy muôn dặm, một mai con kinh to con ngạc lớn mang chạy qua phía Đông⁽¹⁾. Lầy non sông gấm vóc bốn ngàn năm của chúng ta, tộc loại rồng hồ⁽²⁾ của chúng ta mà hạ xuống làm trâu làm ngựa. Gặp cảnh ngộ này, nếu có huyết tính, ai mà chịu nhũu mày gục trán để đội trời chung với bọn tàn tặc? Vì thế mà năm mươi năm nay, nhân dân chỉ sĩ nước ta hết trung với Tổ quốc, thà chịu bỏ cái thân bảy thước trước guơm giáo súng đạn mà không chút phàn nàn.

Tôi thường cho rằng lịch sử của những người chết vì nước của Việt-nam ta, trước sau có thể chia làm hai thời kỳ:

Từ người Pháp bắt đầu chiếm Sài-gòn, rồi cướp Bắc-kỳ đến ngày xâm phạm kinh đô chiếm toàn quốc, là thời kỳ thứ nhất; từ có nước đi đến chỗ diệt vong, như mặt trời còn mờ mờ rồi lặn hẳn. Hết sức chống giặc lúc đó có các ông Nguyễn, Hoàng, Phan, Tống, Võ, Trương,⁽³⁾ cùng các bậc tiền bối ở triều đình hoặc ở thôn dã.

Từ phong trào Đông-Á nổi dậy, nhân tâm sôi sục, quyết chí phục thù rửa thẹn. Từ năm Ất tỵ⁽⁴⁾ đến nay đã hơn mười năm, đó là thời kỳ thứ hai: Nước đã mất rồi mà muốn gây dựng lại, vì như đêm tối mà trở lại sớm. Bỏ mình vì nước lúc đó có như các ông Sư Triệu, Nam Thịnh, Hy Mã⁽⁵⁾ và các đồng chí Nam, Bắc gần đây. Chí tiết của các tiền bối, quốc sử đã chép đủ rồi.

1. Ý nói vượt bể đi Nhật-bản, kinh ngạc là giống vật dữ tợn ở dưới nước.

2. Cổ sử chép chúng ta là con Rồng cháu Tiên, đây nói rồng hồ.

3. Tức các ông: Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Võ Hữu Lợi, Trương Định, là những người đã chết từ phong trào cần vương Hàm Nghi trở lên.

4. Tức năm 1905, sau Nga—Nhật chiến tranh.

5. Sư Triệu: Tăng Bạt Hổ. Nam Thịnh: Tiểu La Nguyễn Hàm chết ở Côn-đảo; Hy Mã: Phan Chu Trinh lúc đó ở Pháp, nhưng ở Trung-hoa không biết rõ tin tức.

Còn sự việc của các đồng chí thì vì lưới của quân thù chưa phá được, chim cá còn phải ngăn cách nhau, nên tin tức nghe thấy khó đầy đủ. Nếu không hết sức tìm kiếm, sao mà biết hết sự thực để nêu tên tuổi người đã vắng mà khuyến khích người tương lai?

Vì thế mà quyền Việt-nam nghĩa liệt sĩ của ông Đặng Đoàn Bằng được làm ra. Lẽ nào tôi lại dám lấy có mình kèm mà từ chối không sửa chữa thêm bớt quyền sách này được.

Tôi sinh không gặp thời, lúc trẻ gặp vận dương cửu ⁽¹⁾, mắt đã trông thấy các tiền bối giành nhau bị nạn nước nhà. Tức lòng tôi từ trước đã tự nguyện nếm mật nằm gai; lại đã lâu ngày cùng các đồng chí gánh chung trách nhiệm còn mất của nước nhà, vượt bể trôi non, trải đủ trăm gian khổ. Vì cái thân này thủy chung vốn cùng non sông đất nước vui buồn, vinh nhục có nhau.

Than ôi! Nước cũng như người, tính nước không chết, cũng như linh thần người không suy; dầu có nguy ngập đến đâu cũng có hy vọng sống lại được. Các tiền bối ta chết vì nước đã lâu rồi, các đồng chí ta lại cầm giáo mà dậy; các đồng chí ta chết vì nước đã nhiều rồi, các nhân sĩ chúng ta trong nước ngoài nước lại nổi gót mà tiến lên, càng bị què càng nổi dậy, càng dập tắt càng dỏ bùng lên, dầu người Pháp có tàn bạo đến đâu cũng không thể không sợ nhân tâm nước ta không chết, và nước chúng ta không thể mất mãi. Ngũ Viên không bị bắt, cung điện nhà Sở tất phải tan hoang. Trương Lương còn sống, xã tắc nhà Tần rút cục bị san phẳng. Chúng ta cần phải cố gắng, vận dụng cả trí lẫn dũng, nổi dậy từ gần đến xa, khôi phục đất nước, tiêu diệt quân thù, để rửa giận cho người đã chết, há chỉ xót thương than khóc, nghĩ đến nỗi nước nhà rơi lệ; há chỉ mượn bút mực ghi chép để lưu lại một tia ánh sáng trong khoảng giới đất này mà thôi đâu! Sử Việt-nam nghĩa liệt viết ra trước tức là sử Việt-nam độc lập viết theo sau. Như thế nguyện vọng chúng ta mới được thỏa mãn, trách nhiệm chúng ta mới làm tròn.

Lịch Nam ngày mồng một tháng giêng
năm Mậu ngọ ⁽²⁾

Hà-nội, NGUYỄN THƯỢNG HIỂN, hiệu ĐỈNH NAM
viết ở lầu Nghinh-huân tại nước ngoài

1. Vận dương cửu : theo Dịch số, cứ mỗi chu kỳ 456 năm là đến vận dương cửu, loài người lúc đó sẽ gặp những tai họa lớn nhất. Đây chỉ tai họa thực dân Pháp cướp đất nước ta.

2. 1918.

BÀI TỰA CỬ THỨ NHẤT

Quyền sử Việt-nam nghĩa liệt vì sao mà làm ra? Tôi thực cũng không thể biết được. Tôi chỉ cảm thấy muôn cay ngàn đắng, muôn đau ngàn sướng kích thích trong não tôi, tôi chỉ cảm thấy thần ngâm quỹ khóc, gió thét mưa gào, vang rầm bên tai tôi, tôi chỉ cảm thấy điện chớp sấm gầm, núi đi bể chạy, nhấp nhô ở trong mắt tôi, buộc tôi phải nói, vì thế mà tôi nói ra.

Than ôi! Nước ta từ vào tay người Pháp, đến nay đã hơn năm mươi năm; các đồng bào tiền bối chúng ta, rơi đầu bỏ xác để chống giặc, thời nào cũng có, không kể hết được: Tôi sinh ra muộn không biết rõ hết nên đành để thiếu. Phương chi các tác giả trước còn đó, tôi không dám nói thêm thêm nhảm. Nay tôi chỉ nói ra theo chỗ tai nghe mắt thấy. Hơn mười năm lại đây, đồng chí chúng ta yêu nước ghét thù, bỏ nhà xuất dương, ở trong nước bị đau đớn, ra nước ngoài được kích thích, biết rằng văn minh là cái giá trị của giọt máu, cái chết là làm thang bậc cho cái sống. Mỗi lúc gió mưa gào gáy, anh em ngồi kể nhau, trò chuyện khuyến khích nhau hẹn hò lấy cái chết mà báo đền ơn nước. Thế rồi chia đường tiến bước, có người đánh giặc mà chết, có người mao hiểm mà chết, có người lo giận mà chết, có người học tập kiệt sức mà chết, có người chết để thực hiện chí mình, cách chết tuy khác nhau, nhưng mục đích chết là một. Ôi! Người chết đã dành rồi, những người sống thì phải thế nào? Kể theo người chết mà cũng là chết, người đã chết đâu có muốn như thế, phụ lòng người chết mà chỉ sống thừa, người sống đâu nỡ làm như thế. Canh khuya đêm vắng, mưa thấm

gió buồn, bỗng thấy như các đồng chí đồng sự của tôi bên kiềng dưới đèn, đang uất ức bồi hồi mà không nở bỏ đi, làm cho nước mắt tôi dầm dề chảy xuống. Cho nên tôi hòa nước mắt cầm bút ghi lại. Than ôi! đây là hồn nước của ta, đây là vật kỷ niệm của các đồng chí ta.

Tiết Đoan ngọ năm Bính thìn⁽¹⁾
Người chết sau: ĐẶNG ĐOÀN BẮNG
(Hành-thiện, Nam-định) viết tại am
Dưỡng-hối ở Ung-thành.⁽²⁾

1. Tức năm 1916. Đoan ngọ là ngày 5-5 âm lịch.
2. Ung-thành: Nam-ninh, tỉnh Quảng-tây.

BÀI TỰA CŨ THỨ HAI

Nước ta vào tay người Pháp gần năm mươi năm. Nhân dân đã luôn luôn dựng cao cờ nghĩa, kẻ này ngã kẻ khác nổi dậy, mà vẫn chưa thành công được.

Gần vài năm nay, Âu chiến bùng nổ, toàn Âu châu sóng dạn sôi sục. Người Pháp ở vào nơi xung yếu, bị lo toan cho mẫu quốc chúng, đâu kịp nghĩ đến thuộc địa. Thế mà ở nước ta trong năm bộ ba kỳ, không nghe một tiếng súng nổ nào. Thế giới cho rằng quốc dân ta không có tư cách người nước độc lập. Than ôi thương thay! than ôi thương thay! Sao không đem sử cũ của nước ta ra mà đọc? Sao không kêu gọi hồn mới của nước ta ra mà hỏi? Thường thường, nếu không ép cho gặt gao thì sức phản kháng không mạnh, không chứa chất cho nhiều thì cái thể nổ ra không to. Nếu có thể làm cho sự đè nén của người Pháp tệ hơn, sức chứa của dân ta hậu hơn, thì người ngoài cuộc làm sao mà lường được.

Trước kia nước ta đã bị giặc Nguyên xâm lược, nhờ vua Trần hai phen huyết chiến mà nước không thể mất được. Kế lại bị giặc Minh xâm chiếm, nhờ có vua Lê mười năm đánh dẹp mà nước ta lại độc lập.

Nước Việt ta sở dĩ thành là một nước, cái nguyên nhân đã lâu lắm rồi. Đến năm Tự Đức thứ 15 của bản triều, người Pháp mới cướp Nam-kỳ. Các ông Nguyễn Huân, Trương Định⁽¹⁾ đưa anh em Nam-Trung quyết chiến với giặc, những chiến sĩ đánh giặc giữ nước mà bị chết, sử chép lại nhiều. Đến năm Tự Đức thứ 35, giặc chiếm Bắc-kỳ, các ông Nguyễn Bích, Vũ Hữu

1. Theo thứ tự của lịch sử thì Trương Định trước Nguyễn Huân. Nguyên bản thì ghi Nguyễn Huân trên Trương Định.

Lợi, Nguyễn Thiện Thuật dẫn quân cần vương đánh giặc lan khắp cả 40 tỉnh. Oanh liệt nhất là tướng quân Hoàng Hoa Thám đã chống cự với Pháp gần 12 năm.

Năm Hàm Nghi nguyên niên, Pháp xâm phạm vào kinh đô Thuận-hóa, chiếm Trung-kỳ. Các ông Phan Đình Phùng, Nguyễn Hiệu, hô hào các miền Nghệ, Tĩnh, Nam, Ngãi cũng hơn mười năm. Kia bọn mạt lơ râu xồm, múa gươm súng, tung bạc tiền đi, đánh người ta, nhưng có thể cấm người ta đừng đánh mình không?

Trên dưới năm mươi năm người Pháp vẫn thường kể gỏi ngủ ngon. Lấy thường tình mà xét, sao thấy được người Việt chúng ta không có tư cách độc lập?

Ông Đặng Đoàn Bằng gần đây chép quyển nghĩa liệt sử, những người được ghi đều là những chiến sĩ « hành nhân, thủ nghĩa »⁽¹⁾, những anh hùng không kể mình. Trong đó cũng có người không may mới bước chân ra đã chết, cái cảnh rất là đáng thương cái chi lại càng đáng xét. Tôi đọc chưa hết quyển sách, nước mắt đã ròng ròng chảy ra. Tôi đau đớn vì thấy những người có tư cách độc lập, không phải không nhiều, mà sự nghiệp độc lập thì chưa được mấy may, thế là vì sao? Hỡi ôi! Điều đó tôi biết cả rồi. Cái đầu các chí sĩ đã rơi vào chỗ trăm bài mà không một thành, những cử động của các chiến sĩ nghĩa hiệp lại giúp mưu cho bọn chó săn theo giặc. Như thế tức là để thêm cái áp lực của người Pháp, và cái chất chứa của người mình. Nước Việt-nam ta nhất định sẽ độc lập, nhìn vào quyển sách này họ lại không thấy? Tôi trước hết thương cho những người nghĩa liệt, sau lại mừng cho tiền đồ Tổ quốc chúng ta. Cái thương của tôi không khi nào hết, cái mừng của tôi có lúc đến nơi. Từ Côn-đảo về Bắc, từ sông Khổng về Đông, từ cửa Lạng-sơn về Nam, cò năm sao⁽²⁾ sẽ tung bay trước gió. Đó tức là máu thấm các chí sĩ, các nghĩa sĩ, các liệt sĩ đã đọng lại mà làm nên. Vì thế tôi gạt nước mắt mà viết bài tựa này.

Ngày tháng giêng năm Đinh ty.⁽³⁾

Hà-nội, *TRẦN QUỐC DUY* xin ghi

1. Sách có các câu: sát thân thành nhân (giết mình thành điều nhân) và xả sinh tử nghĩa (bỏ sống lấy nghĩa).
2. Túc cò của Hội Việt-nam quang phục.
3. 1917.

5 1 3 2 1 2 3 1 6. 1 5 | 3 4 5 5 4 3 | 4 5 3 - 2
 2 3 4 5 4 3 2 1 3. 4 4 3 4 5 6 5 4 3 2. 3 1 -
 舍身許國誓仇肯把奴名易斷來收頭
 九原殺賊魂仍壯尺劍摩空氣

成敗眼面前
 慷慨燈前
 空吞淚
 一世誦
 死怒
 生濟
 筆點
 下湧
 足千秋
 海潮流

Một bài thơ viếng liệt sĩ được phổ nhạc
(Xem phiên âm và dịch lời ở trang sau)

I

Xả thân hứa quốc thệ tiêm cừ,
 Khẳng bả nô danh địch đoạn đầu.
 Thành bại nhãn tiền không nhất thế,
 Tử sinh bút hạ tức thiên thu.

II

Cửu nguyên sát tặc hồn nhưng trắng,
 Xích kiếm ma không, khí vị thu,
 Khảng khái dâng tiền thôn lệ tụng,
 Nộ đào kinh dũng, hải trào lưu.

DỊCH:

I

Bỏ thân cho nước nguyện trừ thù,
 Há chịu làm nô đòi chém đầu.
 Thua được mắt nhìn đời sá kể,
 Chết còn bút chép để ngàn thu.

II

Suối vàng giết giặc hồn đang mạnh,
 Chiecz kiếm roi không, khí chứa thu.
 Khảng khái trước đèn rơi lệ đọc,
 Âm ầm tiếng sóng bể gào kêu.

VIỆT-NAM NGHĨA LIỆT SỬ

QUYÊN THỨ NHẤT

TĂNG BẠT HỒ

Nước lũ đã đầy trời, nhân một lỗ xoi nho nhỏ mà con dê có thể bị vỡ. Thuộc mồi đã đầy đất, nhân một ngòi lửa leo heo mà cánh đồng có thể bị thiêu. Các đồng chí trong hội đảng ta như ông Tăng Bạt Hổ là ngọn sóng trước tiên của lớp thủy triều mới đang bành trướng, ngòi lửa đầu tiên của bộ máy mới đang bột phát vậy. Ông tên chữ là Sur Triệu, người tỉnh Bình-định, bồn tính hào mại, kiến thức thấu suốt, khí phách cương nghị, trong lúc nói năng thì thái độ hòa nhã, dễ dàng, gần gũi người ta, ai cũng thích làm thân với ông. Thuở bé trong làng có một phú ông vì yêu ông muốn đem con gái gả cho ông, ông nói ngay rằng: « Nước còn nhiều nạn, chính là ngày trắng sẽ quên mình, còn nói gia đình làm gì. » Vì thế ông đã từ chối không lấy, thế rồi suốt đời ông vẫn không vợ. Lúc mười bảy tuổi là năm người anh đến tuổi đi lính mà không muốn đi. Ông thay anh vào trại: chim ưng con ham săn, con ngựa non muốn chạy, đó là bản tính như thế. Vào lính rồi, ông ra sức ở chiến trường thường phần dũng giết giặc, có quân công được bổ chức cao trong đội ngũ. Năm Ất Dậu niên hiệu Hàm Nghi ⁽¹⁾, gặp quốc biến, giặc chiếm thành Thuận-hóa, ông cùng các tiên bối khởi nghĩa, lĩnh chức Đề đốc Quảng-nghia Bình-định. Vì

1. 1885.

thiếu súng đạn, đội quân bị tan, người Pháp hết sức truy nã. Người làng lấy thấy lính ngụy chôn vào rừng và báo cáo với Pháp là ông đã chết rồi. Ông thoát nạn liền chạy ra Bắc-kỳ, tìm đường sang nhà Thanh cầu viện. Nhưng nhà Thanh lúc bấy giờ cũng suy yếu, không có ai đảm đương việc nước cho giỏi. Được tin Lưu Uyên Đình⁽¹⁾ mà ông đã quen biết trước lúc ông tòng quân ở Bắc-kỳ, hiện đang điều khiển quân đội ở Đài-loan, ông tìm tới Lưu để cầu cứu. Lưu không thể giúp đỡ gì được. Ông lại từ biệt Lưu đi Xiêm, thường đi lại các miền Băng-cốc, Xa-quân. Lúc đó ông gặp các nghĩa sĩ Nghệ-an như Nguyễn Đức Hậu cùng bàn việc nước. Hai ông rất tương đắc với nhau, mưu liên lạc cùng Việt kiều tại Xiêm để mưu tính việc khôi phục đất nước. Nhưng cơ hội chưa đến, không thể làm gì được, ông phải trốn tránh qua thời mà thôi. Ông mới trốn về Hải-phòng tạm lần lút ở nhà một người quen để chờ thời.

Khoảng năm Quý mao, Giáp thìn,⁽²⁾ Nga, Nhật đánh nhau mà Nhật đại thắng, gió mây Đông Á được thế bốc lên. Những tân thư, báo chí do các chí sĩ Trung-hoa làm ra tràn vào Hà-nội, Sài-gòn khá nhiều. Ông quen biết nhiều Hoa thương nên có được đọc. Ông phấn khởi nói rằng: kế hoạch của tôi ôm ấp xưa nay có thể thí nghiệm được rồi. Người láng giềng phía Bắc đã tỉnh dậy, Nhật-bản đã mạnh vọt lên, trào lưu Âu châu quay về châu Á, ta thử đi qua xem sao. Hoặc có thể tìm đường cầu viện phát huy cái chí của ta, chính là lúc này. Ông lại nghĩ ngoài tuy liên lạc với các nước mạnh láng giềng nhưng trong không thể không tổ chức

1. Tức Lưu Vĩnh Phúc.

2. Tức các năm 1903 — 1904.

Đảng mới. Ông lại từ giã Hải-phòng đi Quảng-nam đến bàn với ông Nguyễn Hàm, hiệu Nam Thịnh, Nguyễn Hàm là người của đảng cần vương cũ ở Nam — Ngãi. Lúc Tăng đến thì tân đảng của Nguyễn tổ chức đã được vài năm và đã hơi có lực lượng. Được Tăng đến, Nguyễn rất vui mừng, nói hết mưu đồ của mình. Tăng cũng vui vẻ và nói với Nguyễn: «Ta nay làm việc lớn, nếu không có ngoại viện mà chỉ trông vào nội đảng, nếu tiếp tế không đủ thì sao». Nguyễn nói ngay: «Tôi cũng lo như thế, nhưng biết ai làm Thân Bao Tư bây giờ»⁽¹⁾. Ông liền đáp: «Tôi không có sở trường gì khác nhưng đã lâu năm tôi đã đi qua các nơi Việt, Quế, sang Đài-loan, đến Đông-tam-tĩnh, rồi từ Thiên-tân, Thanh-đảo trở về Thượng-hải, lại đi Nam-dương; lấy sóng gió làm gối, sương tuyết làm cơm, điều đó là sở trường của tôi. Hiện nay Nhật-bản nổi dậy, châu Á thay bộ mặt, ta có thể đi xem thế nào. Nếu các ông dùng tôi, xin các ông cứ sai phái, tôi sẽ vui lòng». Lúc đó có các ông thượng thư nội-tuần phủ nọ, cùng các thân sĩ như Phan, Đặng, Lê cả thấy hai mươi người đang hội nghị đã một tuần ở trại Nam Thịnh⁽²⁾. Các việc bí mật, thảo luận đã có manh mối; còn việc đông du thì chưa quyết định ra sao. Khi nghe lời nói của Tăng, mọi người đều vỗ tay nói: «Phải lắm, phải lắm.» Thế là công việc được quyết định. Đặng Thái Thân mới mang thư ra kinh thành Huế, trình với hội chủ, tức Kỳ ngoại hầu Cường Để, đích tôn của Đông cung Anh Duệ hoàng thái tử, đích tự của Gia Long. Cường Để là người cương nghị công

1. Thân Bao Tư, tôi Sở. Sở mất nước chạy sang Tần cầu viện khôi phục được Sở.

2. Phan Bội Châu, Đặng Thái Thân, Lê Võ. Còn thượng thư, nội-tuần phủ không biết là ai.

minh, ham dùng mưu, yêu nhân tài, có khí tượng tân tiến, giàu tư tưởng ái quốc. Lúc mười ba, mười bốn tuổi đã nuôi cái chí đánh giặc cứu dân. Lúc Pháp chiếm kinh đô Huế, biết Cường Để là con cháu Đông cung⁽¹⁾ được dân chúng mến phục, nên có ý coi trọng. Mùa thu năm Quý mão niên hiệu Thành Thái⁽²⁾ Khâm sứ Pháp Ô-vê⁽³⁾ bất bình với Thành Thái có ý bỏ Thành Thái lập Cường Để làm vua. Nhưng Cường Để bảo vệ vua không nhận lời nên mới thôi ».

Khi Đặng Thái Thân đi gặp Cường Để về thì Tăng cùng Phan Thị Hán, Lê Võ ra Huế gặp Cường Để bày tỏ ý kiến của mình và xin chuẩn bị việc đi. Cường Để nói: « Cần khai hội bí mật bàn kỹ mới được ». Lúc đó Cường Để xin được giấy thông hành của chính phủ Pháp đi Bình-thuận một tháng, mới cùng đi Quảng-nam đến trại Nam Thịnh mở cuộc đại hội vào ngày tháng 11 năm Giáp thìn⁽⁴⁾. Trong hội nghị có cả Đỗ Tuyên trước làm Đốc vận sứ của nghĩa quân và nhiều đồng chí Nam, Bắc nữa. Nam Thịnh phát biểu: « Ông Tăng ở nước ngoài đã lâu, biết về đường sá, lại nói được tiếng Lữ-quảng và hiểu tình hình ngoại quốc có thể nhận trách nhiệm đưa đường; Phan Thị Hán giỏi về Hán học, đọc nhiều tân thư, có nghiên cứu tình thế nước ngoài, có thể đảm đương trách nhiệm cầm đầu giới ngoại giao; Đặng Tử Kính chịu đựng gian khổ không ngại nguy hiểm, có thể đi cùng hai ông, nếu gặp hoạn nạn nguy hiểm có thể giúp đỡ được. Nếu mọi người đồng ý xin hội

1. Tức Hoàng tử Cảnh, con trưởng Gia Long đã mất nên em là Minh Mạng lên làm vua.

2. 1903 — 1904.

3. Auvergne (?).

4. 1906.

chủ định đoạt ». Hội chủ cho là phải, ủy cho Tăng cùng đi với Phan, Đặng. Thượng tuần tháng 12, Tăng vâng mệnh xuất dương, từ Quảng-nam ra đi, đi bộ từ Quảng-nam đến Hải-phòng. Dọc đường đến nhà các đồng chí trong đảng, dặn dò công việc về sau. Hạ tuần tháng giêng năm Kỷ ty, đi đến Hải-phòng giả làm khách buôn đi hỏa thuyền Pháp đến Quảng-yên. Nhân ban đêm bí mật thuê thuyền đi Trúc-sơn vào địa giới Quảng-đông, lại qua thuyền buôn người Quảng-đông đến Bắc-hải, từ Bắc-hải đáp hỏa thuyền tới Hương-cảng. Ở Hương-cảng ít ngày tìm tin tức của Chấn trung tướng quân là Nguyễn Thiện Thuật và Phụ chánh đại thần hoàng tộc là tôn thất Nguyễn Phúc Thuyết. Rồi đi thuyền buôn tới Thượng-hải, vì lúc đó chiến sự chưa kết thúc, ở Hương-cảng chưa có tàu thủy Nhật. Ở Thượng-hải vài ngày đến lúc có tàu Nhật-bản đi qua các bể Chi-na Nhật-bản đến hạ tuần tháng tư thì đến Hoàn-tân. Vào tòa Tân dân từng báo hỏi chính khách Trung-hoa là Lương Khải Siêu. Trong quyển *Việt-nam vong quốc sử* có nói: « Một người cùng đi hơi biết tiếng Quảng-đông » tức là chỉ ông vậy. Lúc đó còn giữ bí mật không nói tên ông ta. Tháng chín năm ấy, Đặng Tử Kính về nước, đem việc đi ngoài báo cáo với Hội chủ và đảng ta, và bày mưu đưa Hội chủ ra ngoài. Mùa xuân năm Bính ngọ, Hội chủ sang Nhật. Đến mùa hạ, Tăng được lệnh về nước hoạt động. Khi đi đến Hà-nội Tăng vì đi nắng mệt nhọc nên mắc bệnh kiết lý, bệnh chữa chưa khỏi, Tăng lại phải đi Huế. Vì đi bộ dầm mưa dãi nắng, nên đến Huế chưa kịp nghỉ ngơi thì bệnh đã phát ra nặng. Lúc đó, bọn Pháp đã dò được tin tức Tăng về nước, nên hết sức truy nã ông. Cái thân mắc bệnh ở vào đất hiểm nghèo không xa cái chết bao nhiêu. Thế rồi ông thuê chiếc thuyền con làm chỗ từ trần của người anh hùng. Than ôi thảm

thay! Hỡi ôi thương thay! Trải bao nhiêu non sâu khi
độc, lấy rừng núi làm nhà, lấy sóng nước làm bạn, thế
mà nay vì mắc bệnh, bỏ tính mạng trong một chiếc
thuyền nhỏ trên sông Hương, trời có lòng nào nỡ phụ
cái chi của ông! Than ôi! Lúc tuổi trẻ bỏ nhà ra đi, đến
trắng niên cũng không lấy vợ, hơn hai mươi năm liều
thân cho nạn nước, chạy vạy khắp đông tây nam bắc,
tuy tóc đã hoa râm, mắt đã mờ mờ, cái chí khí cao cả
còn như xưa! Vàng tốt đã trải trăm lần thử lửa, không
phải ông thì còn ai! Ông mất lúc bốn mươi chín tuổi.

Thơ điếu *

Tân đởm sinh nhai tam thập niên,
Thương tâm cừ hải thạch nan điền.
Thần châu mãng mãng quật xà thi,
Nại hà ngục để mai long uyên?
Ưc công bình sinh cương thả kiện,
Ký tài tuần dật truy phong điện;
Nhược linh tráng chí thỉ tang bông,
Đầu bút nguyện sư Ban Định Viễn.
Quốc vận ư kim khái thức vi,
Giang sơn do cố chủ nhân phi;
Phấn tí cường hồ trăm cừ lỗ,
Kim qua nô chỉ Tây sơn huy.
Xuất bôn cảnh cảnh y tường chí,
Đan mã yu hồi thiên vạn lý;
Sự cánh vi tâm khả nại hà,
Tần đình không sai Thân-Tư lệ.
Phong trần khốn tụy kinh kỷ thu,
Thương túc mê dương bão viễn du

* Tất cả các bài thơ, đối liên đều có nguyên văn chữ Hán, đặt ở cuối tập này.

Khuất quặc tập xà liêu hữu đãi,
Xuân kinh nhất dạ ôn qui chu.
Khứ thời lộ dĩ phi hòa tú,
Giải cầu tri âm thiên sở thụ;
Nhất triều can đảm tương dữ phi,
Đồng hướng Phù-tang cộng huê thủ.
Bằng công đỉnh lực đạo tiên hà,
Nhất vĩ trùng dương lai nhật đa;
Học giới tân trào chú não hải,
Thệ văn thanh lưu đảo trọc ba.
Thuyền đầu vô lại thu phong dạ,
Khốc quân mai chí tuyên đài hạ,
Thê lương nhất mộ điệu cô phần,
Liên hạc ai đề Hương thủy tả.

DỊCH :

Nằm gai nếm mật ba mươi thu,
Đau lòng đá khôn lấp bể thù;
Thần châu⁽¹⁾ rậm rạp ở rắn, lộn,
Sao đem gương quý chôn trong tù?
Hỡi ông bình sinh tính cương kiện,
Tài như ngựa ký theo gió điện;
Tuổi trẻ chí mạnh hứa cung tên,
Vết bút lòng quân theo Định Viễn⁽²⁾.
Vận nước ngày nay gặp hiểm nguy,
Non sông như cũ, chủ nhân thay;
Giờ tay gọi lớn giết quân giặc,
Gươm vàng giận chỉ về non Tây.
Ra đi có chí dựa vào tường,⁽³⁾
Chiếc ngựa vòng quanh muôn dặm trường;
Việc không chiều lòng làm sao được!
Giọt lệ Thân Tư chảy thấm thương.

1. Chỉ kinh đô.

2. Là trước hầu của Ban Siêu, đời Hán, bỏ học tông quân.

3. Thân Bao Tư dựa vào tường ở triều đình nhà Tần để cầu viện binh cho Sở.

Phong trần gian khổ trải mấy thu,
 Xót vì mỗi chán cuộc viễn du;
 Sầu co rần nấp còn chờ đợi,
 Ngày về Xuân kinh thuyền êm ru.
 Lúc đi đường thấy lúa xanh tươi,
 Gặp gỡ tri âm nhờ lòng trời;
 Một ngày cùng phôi bày gan ruột,
 Cùng đi Phù-tang muôn dặm khơi.
 Nhờ ông giúp sức khơi dòng dẫu,
 Thuyền vượt trùng dương ngày càng nhiều;
 Rót nền học mới vào bể óc,
 Thề rửa sông đục bằng thanh lưu.
 Gió thu đêm vắng thuyền trôi nổi,
 Khóc ông chôn chí nơi chín suối;
 Hiu quạnh chiều hôm điệu nắm mờ,
 Tiếng hạc sông Hương kêu buồn tũ.

Liên viếng

Tráp niên sử hứa thân báo quốc, hà dĩ gia vi, hà gia phi
 gia, diệp hà gia thị gia, gia quốc mộng trung, khổ tối khổ, quốc
 phá gia vong cừu thượng tại;

Nhất phiến tâm tuần nghĩa quuyến sinh, dục đắc tử sở, dục
 tử bất tử, vị dục tử cánh tử, tử sinh độ ngoại, bi hề bi, sinh
 hùng tử liệt chí nan mai.

DỊCH:

Hai mươi năm đem thân báo nước, nào kể chi nhà, nhà nào
 là nhà, nhà nào không phải nhà, trong mộng nước nhà, khổ là
 khổ, nước mất nhà tan thù vẫn đó;

Một tấm lòng vì nghĩa quên mình, muốn tìm chỗ chết, muốn
 chết không chết, không muốn chết lại chết, ngoài vòng sống
 chết, thương vì thương, sống hùng chết liệt chí khôn vùi.

Phụ lục: Thơ điếu và liên viếng của Trần Quốc Duy

Gian quan bách chiến kiếm quang hoành,
 Vạn tử sinh trung tích tử sinh.
 Âu Á kiên khôn song nhãn khoát,
 Bắc, Nam binh thủy nhất thân khinh.
 Hải phiến dục bả quân lưu dăng,
 Thiên trụ ninh từ chích thủ xanh.
 Tha nhật Hương-giang phong vũ dạ,
 Nộ đào do tác bất bình minh.

DỊCH:

Trăm trận tung hoành kiếm sáng choang,
 Sống trong trăm chết phải dẫu xoang.
 Á, Âu liếc mắt thêm bao quát,
 Nam, Bắc xem thân chỉ nhẹ nhàng.
 Nghiêng bề muốn đưa muôn giọt rửa,
 Đồ trời vẫn dăm một tay đang.
 Ngày nào mưa gió sông Hương nổi,
 Sông cuộn còn nghe tiếng bất bằng.

Tráng tai ngã công, chiến lũy tàn hồn, tri khu chung bất
 quuyến, thượng lưu đồng sở duyệt nguyệt, đạo du học tiên hà,
 bất hư ưu hoạn bán sinh, cánh tùy quốc tuần;

Ta hồ ngò quốc, tân trào sơ dũng, tiến bộ vị hữu cùng,
 hướng đồng chí hứa đa nhân, đương phục cừu hậu kính, hữu
 nhật trung nguyên nhất tiếp, nguyên cáo công tri.

DỊCH:

Chí ông đáng khen thay! Chiến lũy đã tàn, mà ruổi
 rong không mỏi, còn lưu lại Đông-kinh vài tháng, khơi nguồn
 du học, không uổng nữa đời lo nghĩ, lại vì nước chết đi;

Vạn nước đáng buồn lắm! Tân trào mới nổi, nên tiến bộ
 chưa cùng, đã có trong đồng chí bao người, gánh việc phục thù,
 có ngày đất nước thu hồi, xin cùng ông nói lại.

LỜI NHẮC LẠI CẢM KÍCH CỦA ĐÌNH NAM⁽¹⁾

Năm Ất Dậu niên hiệu Hàm Nghi, tôi mười tám tuổi trú ở kinh đô. Lúc đó quân Pháp tiến công trong rừng súng mưa đạn, mắt thấy rân lợn tung hoành, non sông đổ nát, lấy làm đau lòng, tự thề có dịp rửa thẹn cho nước. Tôi về ẩn ở núi. Ở không mấy năm bị mật đi lại với các nghĩa sĩ Bắc, Nam. Mùa xuân năm Mậu Tuất⁽²⁾ Sư Triệu từ nước ngoài trốn về, gặp tôi ở Hà-thành, mới một lần mà đã như bạn cũ. Cùng nhau nói chuyện vài ngày tôi mới được biết tin tức các vị vong thân⁽³⁾ ở ngoại quốc. Đồng thời tôi cũng hiểu lịch sử nửa đời người của Sư Triệu, như các việc đánh giặc, đi ra nước ngoài mà giúp tướng Thanh là Lưu Vĩnh Phúc đánh giặc ở Đài-loan, và cả việc ông cùng bạn là Nguyễn Đức Hậu bỏn tàu ở Xiêm-la nữa. Tôi mới biết với Sư Triệu là muốn cứu nước mà không lo kết nạp anh hào và thăm dò con cháu các nhà có thù với giặc thì không được. Chúng tôi mới kể với nhau từng người, từng họ, từng lĩnh, đều có thể giúp đỡ chúng ta, và con ông nọ ông kia thông minh dũng cảm, có thể đồng mưu được, nên đem họ xuất dương, tôi luyện tại họ để ngày sau làm rường cột cho nước. Đã đồng ý với nhau rồi, chúng tôi chia nhau tìm bạn, khắp người nọ đến người kia. Nhưng vì các người đó kẻ Bắc người Nam, tung tích không nhất định, nên không gặp được. Sư Triệu lại từ biệt tôi đi ngoại quốc, qua chỗ này chỗ nọ nhiều nơi. Sau cuộc Nga --

1. Tức Nguyễn Thượng Hiền.

2. 1898.

3. Các bề tôi trốn đi ngoại quốc.

Nhật chiến tranh thể lực Á-đông nổi lên mạnh. Sư Triệu về nước lại đến thăm tôi, bàn về kế hoạch tiến hành. Tôi nói: «trách nhiệm cứu nước kẻ đi người ở cũng như nhau. Hiện nay ông thân tôi tuổi đã tám mươi, bệnh ngày một nặng, tôi phải làm trách nhiệm người ở nhà. Nhưng đã có chi cưỡi gió như chim bằng, không bao lâu sẽ gặp nhau ở hải ngoại. Thế rồi Sư Triệu vào Nam. Sau một thời gian lâu, Sư Triệu lại cùng người bạn cũ tôi là Sào Nam đến thăm tôi ở Ninh-bình cho biết các ông sắp đi Nhật-bản. Tôi rất lấy làm vui sướng, cùng nhau bí mật nói chuyện trong mấy ngày rồi mới xa nhau. Lòng tôi nghĩ rằng ngày sau vượt qua sóng gió, đưa đường cho tôi mà giúp đỡ tôi trong những việc tôi chưa quen thuộc, tức sẽ là Sư Triệu. Hai bạn đi Nhật rồi chưa đầy một năm thì Hội chủ xuất dương. Phong trào trong nước rất tiến. Sư Triệu lại trốn về đến thăm tôi ở Nam-định. Lúc đó địch đề phòng rất ngặt. Tôi phải gửi Sư Triệu ở một nhà dân phía nam thành. Mỗi đêm Sư Triệu lên đến nhà tôi, bàn các việc quan trọng đến canh ba, canh tư mới đi ngủ. Lờ mờ sáng, Sư Triệu lại ăn mặc thường phục lên về nhà trọ. Như thế đến bảy, tám ngày. Tôi lại cùng Sư Triệu đến thăm người nọ yêu cầu họ giúp sức. Thế rồi Sư Triệu lại từ biệt tôi đi tìm thêm bạn tâm phúc. Tôi cũng liên lạc với các giới có phần tiến bộ và còn muốn cùng các đồng chí khuếch trương hơn nữa. Ít lâu sau, Sư Triệu đến nói với tôi là: «phong trào Bắc-hà nay đã lên mạnh, tôi sắp đi khắp Kinh và Quảng để xúc tiến phong trào trong Nam». Tôi rất tán thành ý kiến ấy. Sư Triệu mới cùng Nguyễn Hải Thần đều đi. Hơn một tháng thì một bức thư của Sư Triệu từ kinh gửi đến tôi nói ông đau nặng cần có quê Thanh tốt mới mong chữa khỏi. Tôi liền gửi thư và quê

vào do đường bưu điện. Thế rồi không được tin tức gì cả, tôi rất lấy làm lo. Vài tháng sau, Hải Thần trở về Bắc nói với tôi là Sư Triệu chết rồi: Sư Triệu đến kinh thì bệnh nặng mà mất thán Pháp truy nã ráo riết. Không biết làm thế nào, ông mới thuê một chiếc thuyền nhỏ làm nơi từ trần. Những người chôn ông là một vài ông cử ông tú đều là đồng chí cả⁽¹⁾. Tôi vỗ bàn mà phàn nàn: «Trời ơi, nước Việt-nam ta đã mất một trượng thành. Trái hai mươi năm dầm mưa dãi nắng, vượt bể qua đèo mới có ngày nay. Công việc chưa được một nửa mà đã chia tay! Than ơi, Sư Triệu mà chết ru? Mà lại chết vào lúc này ru? Việc nước đang khó khăn, thành bại chưa thể biết được, trách nhiệm những người chết sau như chúng ta lại nặng nề thêm. Sư Triệu là người đủ cả trí dũng, làm việc sáng suốt mà tiếp xúc với người dễ dãi, cho nên đến đâu cũng được người ta kính mến. Người làng nghe ông chết đã than khóc rất nhiều, vì đức nghĩa của ông cảm người rất là sâu. Tôi đọc quyển sách của Đặng không ngăn cản được nhớ người xưa mà rơi nước mắt. Tôi tưởng chừng như bên chỗ nằm gai nệm mật, có Sư Triệu ở đó. Than ơi, tôi với Sư Triệu giao thiệp rất sâu mà cũng rất lâu. Xét hành động cử chỉ của ông không kể lúc nào đều thấy trong đầu óc ông có in sâu bốn chữ «phục thù báo quốc». Mà nói đến hành động thì là kết thúc nghĩa hội cũ mà mở ra nghĩa hội mới. Lấy lời ấy mà khen ngợi ông thì thiệt là xứng đáng.

NGUYỄN THƯỢNG HIỀN
chép thêm

1. Trong đó có cử nhân Võ Bá Hạp, học trò và đồng chí của Sào Nam.

Phụ lục: Câu đối Ngự Hải diếu Tạng Bạt Hồ

Quân khởi kỳ hưng sinh tác hí ư thế đa, đề binh tam năm, khứ quốc trấp dư niên, nhất khắp ư Anh, nhất khắp ư Thanh, hốt hốt yên đại khắp ư Đông, thủy linh tứ nhập thu phong, hương ngã thần kinh mai cổ kiếm?

Ngã diệc bất tri tử chi vì hà vật dã, độc thư ngũ châu, tri giao sở thập bối, hoặc chiến dĩ thiết, hoặc chiến dĩ bút, đoan đoan đích lực chiến dĩ thiết, trực sử huyết đồ ôn đới, vị ngô hoàng tộc thụ hồng kỳ.

DỊCH:

Bác há phải sống mà chơi ở đời đâu! Cầm quân ba bận, bỏ nước hai mươi năm, đã kêu ở Anh, đã kêu ở Thanh, lại còn to tiếng kêu ở Đông, vì đâu ngọn gió mùa thu, đến chốn thần kinh chôn kiếm cổ?

Tôi không biết chết là vật gì nữa cả! Đọc sách năm châu, quen biết vài chục bạn, kẻ đánh bằng lưỡi, kẻ đánh bằng bút, có kẻ ra sức đánh bằng sắt, để khiến máu rơi ôn đới, vì nỗi hoàng tộc đứng cơ hồng.

1. Câu này do người dịch sao lục vào.

SƠ LƯỢC VIỆC NGHĨA DÂN CÁC TỈNH TRUNG-KỲ CHỐNG SƯU THUẾ BỊ HẠI

Người nước ta vài mươi năm nay bị chèn ép dưới ách khốc liệt, khí dân chìm xuống, đã lâu không nổi lên nữa.

Mới rồi nhờ có phong trào thể giới xúc động, khí sớm bốc lên, cơ hội bùng bột, mới có việc kháng thuế của các tỉnh năm Mậu thân⁽¹⁾ vào ngày tháng tư. Việc ấy vì sức ép quá mạnh, vừa nổi dậy rồi lại thu lại ngay, nên vẫn chưa tổn hại gì đến sợi lông sợi tóc của cường quyền. Nhưng một giọt nhỏ nhỏ chứa đã lâu thì phát ra mạnh, biết đâu một ngày kia lại không tràn ngập đầy trời. Lúc đó nhân dân các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-nghĩa, Quảng-nam, Bình-định, Quảng-trị, Hà-lĩnh, nhân chính phủ Pháp thu sưu, xem dân ta như trâu ngựa, mà lại hàng năm tăng thêm; nhân dân rất là căm tức mới rải nhiều truyền đơn kêu gọi đề kháng. Các tỉnh đều tổ chức thành đoàn thể đến vài ngàn người kéo nhau cùng ngày tay không đến thẳng tòa sứ đưa đơn xin giảm nhẹ thuế. Người Pháp không những không cho mà lại vu là loạn nghịch, đưa quân đội ra tàn sát. Lúc đó đạn như mưa xối mà dân tụ tập càng lâu càng đông, không chịu rút lui. Có người giờ ngực chờ đạn lấy chết

1. 1908.

làm khoai. Đó đều là những người vô tội không chịu nổi chính sách ác nghiệt mà thôi. Mấy oan mù thảm, đồng thời lan khắp trong vùng mười tỉnh. Ba tỉnh Thừa-thiên, Quảng-nam, Quảng-ngãi bị hại nhiều hơn, bút mực không thể tả hết được. Lịch sử tên tuổi các người bị chết, chờ khi điều tra đích xác sẽ chép lại sau, ghi lại những người ưu tú cho rõ hơn. Nay chỉ ghi lại sự việc một cách sơ lược, để tương lai những người nghiên cứu sử học biết rằng dân quyền ta mở đầu thực là từ việc ấy trước⁽¹⁾.

Thơ điệu

Dục hác nan tương cao huyết điền,
Tồi hung vô kế trượng không quyền.
Biên tương tính mạng tranh công lý,
Thề dũ giang sơn vẫn lợi quyền.
Thiệt khắp thạch đê như thử nhật,
Vân hôn vụ ám nại hà thiên.
Hồi đầu Nam vọng vô cùng ý,
Dân khí tân trào dĩ bá thiên.

DỊCH :

Lòng tham máu tửu lấp khôn đầy,
Chống với hung tàn một nắm tay.
Liều tính mạng giành công lý lại,
Thề non sông cướp lợi quyền đây.
Đá kêu đất khóc ngày hôm nọ,
Mây tối mù che nước nổi này!
Ngoảnh mặt về Nam đầy tưởng vọng,
Phong trào dân khí đã cao thay!

1. Việc chống sưu ở Trung-kỳ đã được nhiều quyền sử cận đại mới xuất bản chép kỹ, đây chỉ có mấy nét đại cương mà thôi.

Nghĩa cốt luy luy câu hác điền,
Thương tâm nghinh đạn bạch song quyền.
Cường nô dĩ liễu tam sinh kiếp,
Lệ quĩ chung thân thốn thiết quyền.
Cầm phần vị bình ninh hữu hải,
Sở hồn dục vãn nại vô thiên.
Bằng thù hội xuất đi lệ thảm,
Hồng huyết giang sơn ảm ảm nhiên.

DỊCH:

Khe hồ đem xương nghĩa lấp đầy,
Xót lòng đỡ đạn phải dùng tay.
Ba sinh nô lệ đành xong vậy,
Tắc lưởi cầm thù vẫn uốn dây.
Bể thảm chưa bằng, Tinh vệ đó,
Trời cao muốn hỏi, mộng hồn này.
Ấy ai đã vẽ tranh sầu thảm?
Máu đỏ non sông ảm đạm thay.

CHU THƯ ĐỒNG

Tiền thế ông người nhà Minh, vì nghĩa mà không chịu làm tôi nhà Thanh, mới vượt bể qua ở Quảng-nam, đến ba đời thì sinh ra ông thân của ông, rồi vào quốc tịch ta, tức vào làng Minh-hương, phủ Điện-bàn, tỉnh Quảng-nam. Nhờ có cửa của ông thân để lại, nên gia tư ông khá giàu. Nhưng ông dùng của làm việc nghĩa nên vợ con oán trách ông cũng thản nhiên.

Khi Pháp đến chiếm Quảng-nam, ông thường đưa tiền giúp Nguyễn Hiệu, ông lại chơi thân với Nam Thịnh, nên người Pháp để ý. Nhưng vì trong sổ sách nghĩa hội không có tên ông mà ông cũng chưa làm việc gì cho hội, nên không lấy cớ gì mà bắt tội ông được. Phan Thị Hán đến Quảng-nam, Nam Thịnh giới thiệu Phan với ông và hỏi ý kiến ông. Ông nói: « Tôi già rồi, không làm gì được nữa, và xưa nay tôi cũng không làm gì. Việc các ông làm là đúng. Khi nào cần tiền thì tôi tuy gia nghiệp đã nghèo cũng xin đem giúp các ông hết ». Khi Tăng Bạt Hổ đi Nhật, ông cầm hết nhà vườn được 350 đồng giúp tiền đi đường. Lúc đó có tên mật thám đem việc này báo với tên công sứ. Tên công sứ rất lấy làm tức giận.

Khi việc chống sưu bùng nổ, Pháp buộc cho ông tội phiến loạn và bắt ông giam lại. Hỏi về việc giao thông với các người trong Đảng như thế nào, thì ông không trả lời. Lúc đó Nam Thịnh cũng bị giam với ông, hai

người ăn ngồi cùng nhau suốt ngày. Nam Thịnh thì ăn uống cười nói như thường, không giận mà cũng không sợ. Còn ông thì không thể. Lúc thường ông hay uống rượu, nay thì bỏ rượu và bỏ cả cơm. Chỉ khi nào người nhà đến thăm thì ông dặn đem cho ông ít chai nước lã mỗi ngày. Ông cứ ngồi uống nước lã, uống xong lại chửi mắng người Pháp, chửi đã khô cổ lại uống nước thêm và chửi tiếp cả bọn Pháp, cả bọn mật thám Pháp. Lúc ông chửi rủa như thế, thì Nam Thịnh chỉ cười khanh khách. Ông rất lấy làm giận và mắng Nam Thịnh: « Bình nhật anh bảo anh là có khí phách nhất đời, nay vào tù lại mềm như người con gái, sao mà không có khí cốt đến thế? ». Nam Thịnh cũng giả lời bằng cười thôi. Ông lại càng giận. Như thế hơn mười ngày không ăn và cứ chửi mắng cho đến chết ở nhà ngục, lúc đó ông năm mươi hai tuổi. Lúc ở ngục ông có làm bài thơ như sau:

Lệ ngân băng ngọc ngục trung thư,
Khảng khái lâm phong hận hữu dư.
Thân bất anh hùng sinh diệc lụy,
Sự phi vũ trụ tử đồ hư.
Cường quyền vũ hạ vô thiên nhật,
Dân tộc tưng trung tấn nhục ngư.
Phủ kiểm nguyện thành thiên vạn tá,
Dân gian ma chướng nhất thời sừ.

DỊCH:

Trong tù hòa lệ viết thư,
Thề thưng trước gió giận chưa nguôi lòng.
Lụy thân vì kiếp anh hùng,
Việc không vũ trụ chết cùng uổng thôi.
Cường quyền che cả mặt trời,
Trong lò cá thối là nơi giống ta.
Muôn tay những ước mọc ra,
Mùa gươm bữa sạch loài ma trên đời.

Ba bài thơ điệu

I

Chúng cố phi ngô thần thị cừu,
Tiên nhân bài Mãn, ngã bài Âu.
Chỉ kim Đà-hải đảo thanh nô,
Tưởng tượng đương niên mạ tặc tù.

II

Bình sinh hào khí hấp Tam-giang,
Mạ tặc thanh tề phần vị hàng.
Kim nhật tu công ngục trung sử,
Kính phong quái vũ tập hàn song.

III

Tích công bất cập kiến tru cừu,
Khí đảo tuyên đài mạ vị hưu.
Nam Thịnh thung dung, công khảng khái,
Anh hùng tiểu mạ các thiên thu.

I

Không phải nói ta hướng lại thù,
Tổ tiên bài Mãn, tớ bài Âu.
Bể Đà sóng vỗ nay còn giận,
Mắng giặc năm xưa vắng tiếng tù.

II

Bình sinh khí mạnh hút Tam-giang,
Giận giặc còn nghe giọng chửi oang.
Trong ngục sử ông nay chép lại,
Giò mưa ngoài cửa thét gào vang.

III

Tiếc ông không thấy giết quân thù,
Mắng giặc tuyên đài đã hết đầu!
Nam Thịnh thông dong, ông khảng khái,
Kẻ cười, người mắng cũng ngàn thu.

TRẦN QUÝ CÁP

Cái tai vạ mà người Việt ta chịu dưới hình chính đã man của người Pháp, khắp cổ kim đông tây chưa hề có. Người nước ta dầu giữ mồm giữ miệng cho lắm cũng vẫn sợ có ngày bị rơi đầu chặt cổ, huống chi những kẻ đêm ngày lo tính việc đề xướng dân quyền, khai thông dân trí. Lòng thiết là khổ, khi thiết là hùng mà hoàn cảnh thiết là nguy!

Ông Trần Quý Cáp là giáp khoa tiến sĩ, người Quảng-nam. Trong thế giới gà lợn mà sinh ra phượng lân, thiết là một sự lạ! Ông thuở bé cha chết sớm, thờ mẹ rất hiếu. Sở dĩ đi thi đỗ tiến sĩ là để chiều lòng mẹ.

Nhà nghèo mà ham bổ thí, thường tiếp khách không mỏi. Thường ông trầm mặc ít nói, nhưng khi có việc muốn nói thì nói ra mạnh mẽ, khiến người nghe không chán tai. Sau khi đã đậu rồi thì bỏ hẳn lối văn cử nghiệp, toàn đọc sách Âu châu đã dịch ra Hán văn. Được các quyền sách « Dân ước »⁽¹⁾ của Lư-thoa và « Pháp ý »⁽²⁾ của Mạnh-đức, thì ông ham mê quên ăn quên ngủ; cái đầu óc cử nghiệp rửa sạch không còn và trở lại công kích những người học lối cử nghiệp. Có người con thầy học họ Lê hỏi rằng: « Anh không phải là do cử nghiệp mà ra hay sao, sao lại mâu thuẫn với mình như

1. *Contrat Social* của J.J. Rousseau.

2. *Esprit des lois* của Montesquieu.

thế? » Ông trả lời: « Tôi cũng lấy làm lạ. Đầu não tôi không hiểu từ bao giờ đã bị tân học chiếm lĩnh, nên không còn chỗ để cho nhà bát cổ sinh hoạt nữa, biết sao bây giờ? ». Trước ông là bạn thân của hai ông Phan. Từ khi Phan Chu Trinh đi Nhật về luôn mồm khen ngợi dân trí Nhật-bản và bài khuyến du học văn của Phan Bội Châu lại truyền bá khắp nước; ông phấn khởi nói: « Người ta chỉ sợ không có chí độc lập, nếu có hà tất phải đi Đông ». Thế rồi đi khắp thôn quê thành thị, mura năng không nài, để nói chuyện với dân chúng. Lúc nói thì kể chuyện từ Đông sang Tây, từ nhỏ đến lớn, vạch rõ các tập tục hủ lậu của nước ta, ngu hèn yếu đuối của dân ta và tỏ lòng đau xót. Ông nói như hát như khóc, như cười như mắng. Xét về kết luận là công kích cựu học, khuyến khích dân tộc, khai thông dân trí đề xướng dân quyền, chỉ mấy việc ấy thôi, lúc đầu ông diễn giải, nhân dân ta ít vui lòng nghe, có lúc họ cho ông Bất-nhi đã phát điên (Bất-nhi là tên làng ông). Nhưng ông là một ngôi sao trong học giới có danh vọng lúc bấy giờ, một người quân tử thành thực thuần túy, nên càng được quần chúng tin ngưỡng. Ông đã chuyên làm việc diễn giảng nên nhân dân ta cũng hoan nghênh ông. Vì thế các cuộc nói chuyện càng lâu càng đông người nghe. Ông lại càng nỗ lực làm việc. Có lúc đang giữa mura, chân không lút bùn, có lúc dưới trời nắng hóp người nói chuyện, miệng nói thao thao bất tuyệt, mồ hôi đầm đìa mà vẫn không dùng quạt nữa. Nhờ ông diễn giảng nhiều nên các danh từ « dân quyền », « công lý » rộ khắp dân gian, người Pháp rất là căm ghét. Chúng cho mật thám lẫn lộn trong quần chúng để nghe ông nói những gì rồi tìm cơ buộc tội. Nhưng ông không nói gì phạm đến chính phủ cả, cho nên Pháp không thể buộc tội vào đầu được. Vừa lúc đó có tên đại mật thám ghét ông mà nói với người Pháp: « Không giết người

này, vài năm nữa, nhân dân Nam-Ngãi không thể trị được nữa!» Người Pháp vẫn sẵn muốn giết ông, nhưng không có cơ gì. Nghe lời tên mật thám kia thì rất mừng mà nói rằng: «Nay hãy đổi hẳn đi nơi xa để hẳn không làm gì được, rồi hãy tìm cơ mà giết đi. Tôi cho anh cùng ở với hẳn, khéo dò xét hẳn, thì tính mạng hẳn chỉ nay mai là xong đời». Mùa xuân tháng hai năm Mậu thân, Pháp điều động ông làm giáo thụ phủ Ninh-hòa tỉnh Khánh-hòa. Tiếng là bỏ đi làm quan, sự thực là để đuổi đi mà thôi. Còn tên mật thám nọ thì vì người Pháp cho đi mật thám ông nên được bổ làm Bố chánh Khánh-hòa. Lúc đó ông có bà mẹ hơn tám mươi tuổi. Ông lấy cơ mẹ già từ chối không đi làm quan, nhưng người Pháp buộc ông phải đi, không được từ chối. Đến mùa hè ông phải đi đến chỗ nhận việc. Tên mật thám kia đã đến Diên-khánh trước ông bốn tháng. Tên mật thám kia lấy cơ bạn bè đồng hương hàng ngày ân cần đi lại thăm hỏi. Ông là người ngay thẳng không để ý, cũng lấy thiện ý đối xử lại mà thôi. Vừa lúc vụ chống sưu Quảng-nam bùng nổ. Sau mười ngày ông tiếp được thư nhà. Xưa nay ông vẫn đề tâm đến dân khí. Được tin ấy ông rất lấy làm mừng. Ông mới lấy bút phê vào sau thư bảy chữ như thế này: «Dân ta làm thế sừng, sừng, sừng»⁽¹⁾.

Lúc đó ông cũng quên là tên chó săn nọ đang ngồi một bên. Tên chó săn được thấy mấy chữ phê ở thư, liền mang bức thư về tức thì đánh điện cho quan thầy Pháp của hẳn rằng: «Xui giục dân Quảng-nam làm loạn là Trần Quý Cáp; còn có những lời loạn nghịch phê vào thư ở đây, xin chém đi». Người Pháp phúc lại điện văn: «Xui dân làm loạn, mưu đồ loạn nghịch, nên xử tử

1. Ngò dân thử cử khoái, khoái, khoái.

hình». Thế là tháng năm ngày năm, năm Mậu thân ông bị chém ở chợ Diên-khánh. Lúc giết ông, tên quan lại làm việc này đã căn cứ vào bảy chữ phê ở thư mà tuyên bố tội trạng. Trước đó tên coi ngục rất kính trọng ông, nói với ông rằng: «Tôi vì phải thi hành mệnh lệnh, thấy ông bị nguy thế này, lòng tôi như dao cắt. Nếu ông cần bảo làm gì tôi xin ra sức.» Ông nói: «Được thế này là chỉ muốn của tôi, có phàn nàn gì đâu. Chỉ xin lấy áo lễ cho tôi, đặt hương án ở trước để tôi làm lễ từ biệt các đồng bào, các đồng chí.» Người giám ngục theo lời. Vài giờ sau thì lễ phục và hương án đã đem đến. Ông ăn mặc khăn áo chỉnh tề, đốt hương trên án. Bình thời mặt ông thường đỏ, mà nay sắc đỏ thêm tươi, vẻ sáng tỏa ra bốn phía, so với lúc thi đỗ, nhan sắc không giống nhau ai cũng lấy làm lạ. Ông hỏi giám ngục rằng: «Đã đến giờ chưa?» Giám ngục bảo: «Còn 5 phút nữa.» Ông đến trước án trông về phía Bắc, lạy năm lạy và nói: «Quý Cáp bất tài, không giúp được một tay cho nước cho vua, đồng bào làm than, chưa biết đến bao giờ, mà tôi đã thoát khổ, tôi rất có tội, xin lấy chết tạ tội». Lại lạy bốn lạy mà nói: «Các đồng chí cố gắng, dân trí mở mang dần, dân khí có lúc dùng được. Mong các đồng chí kiên chí giữ mình, góp sức suy nghĩ, đừng vội vã, đừng yếu ớt, làm cho được việc, đừng bắt chước chết sớm như tôi. Tội tôi to lắm, xin lỗi các đồng chí». Ngoảnh lại tên coi chém và nói: «Việc tội hết rồi». Tên coi chém chưa trả lời thì ông lại nói: «Chưa, chưa, tôi còn có mẹ già, lẽ nào lại không tạ tội». Lại trở lại hương án lạy bốn lạy nữa mà nói: «Tôi lấy chết tạ mẹ già tôi.» Nói xong giờ cổ chịu chém. Lúc đó ông bốn mươi bảy tuổi.

Lúc ông hoạt động thường nói với người ta rằng: «Khai dân trí có ba cách: học hiệu là hơn cả. Thứ đến báo chí, sau là diễn thuyết. Ngày nay gọi là dạy, chỉ

là trường học trâu ngựa mà thôi. Báo chí thì do người Pháp quản lý, chúng còn ngu dân không hy vọng gì. Chỉ còn diễn thuyết mà thôi. Có cắt lưỡi tôi đi thì thôi. Nếu không thì lưỡi tôi là quyền của tôi, tôi quyết làm chí tôi, không thể lấy đầu tôi mà đổi lưỡi tôi được». Đến nay quả nhiên đã vì lưỡi mà mất đầu, than ôi!

Thơ diên

Ma sa lệ nhãn khán Đông-cầu,
Phong vũ niên lai dục quyền Âu.
Quốc chủng hướng vinh hoàn tự bá,
Thiệt phong đảo tử bất tăng nhu.
Hùng hồn nghĩ bá cường quyền đảo,
Bích huyết phiên nhân chính nghị lưu.
Nam vọng giang sơn tả chiếu ngoại,
Thương tâm thất tự cánh thiên thu.

DỊCH:

Đưa tay gạt lệ ngó Đông-cầu,
Mưa gió năm châu cuốn đất Âu.
Giống nước muốn tươi gieo mới được,
Lưỡi gươm gặp lúc có mềm đầu.
Hồn thiêng đánh ngã cường quyền xuống,
Máu nóng vì chưng chính nghĩa trào.
Non nước trời Nam nhìn bóng xế,
Đau lòng bấy chữ hóa ngàn thu.

Phụ lục: Thơ viếng của Trần Quốc Duy

Kê đồn dĩ tạ cựu sinh nhai,
Mỹ vũ Âu phong chầm bận lại.
Độc lập đường đàn bằng khí trúc,
Tự do thế giới tạ hồn khai.

Hung khâm sấp khả toàn cầu tiều,
Ca khốc kinh tương vạn mộng hồi.
Thử khứ hóa vi trào trận trận,
Nam minh nhật dạ lẳng như lôi.

DỊCH:

Lợn gà nghề cũ đã rời xa,
Gió Mỹ mưa Âu tới cõi nhà.
Độc lập nền kia nhờ khí đắp,
Tự do đời nọ ở hồn ra.
Toàn cầu cũng nhỏ trong tầm mắt,
Muôn mộng theo về tiếng khốc ca.
Từ đó hóa làm cơn sóng nước,
Đêm ngày tiếng sóng bể Nam la.

LÊ KHIẾT

Kề hàng Việt gian theo Pháp, thủ đoạn ác nhất, lập công nhiều nhất cho Pháp, được người Pháp tin cậy nhất mà tàn bạo đối với đồng bào ta nhất, thì không ai bằng Nguyễn Thân. Thế mà người em họ là Lê Khiết lại là một chuyện lạ trong sử đảng ta. Ông người Quảng-nghĩa, cùng làng với Nguyễn Thân. Mẹ Thân và mẹ ông là chị em. Ông sinh ra khôi ngô, được cha Thân là Nguyễn Tấn thương và đưa về nuôi, dạy cho ăn học thi đỗ cử nhân. Thân thì làm việc giỏi mà ông cũng lanh lợi. Hai người rất tương đắc với nhau. Từ nhỏ đến lớn, ông không hề xa Thân. Nước mất, Thân phục vụ đắc lực cho Pháp, cáo nhờ oai cộ đề lên mặt với thiên hạ. Ông nhìn thấy quen cũng không lấy làm lạ.

Vào những năm Ngọ, Vị niên hiệu Thành Thái, Phan Đình Phùng đóng quân ở miền thượng du Nghệ - Tĩnh chống lại với Pháp đã gần mười năm, làm thành như một nước độc lập nhỏ. Người Pháp rất lo ngại. Nguyễn Thân lại đánh dẹp đảng ở Nam-Ngãi nên người Pháp cho Thân là giỏi, mới bổ Thân làm Kinh lược tiết chế đại sứ Nghệ-Tĩnh. Thân đem Lê Khiết đi theo làm tán tương. Lê giúp Thân dẹp Đảng Nghệ-Tĩnh và được bổ chức Bố chánh quyền việc Tổng đốc. Lúc đó Phan Thị Hán bị tình nghi và theo dõi, ông vì mến phục Phan nên hết sức che chở. Ông vẫn không phải là xấu, chỉ

vì sinh trưởng trong nhà nô lệ, hầu như đã mất bản tướng của mình mà làm tay sai cho Pháp. Than ôi, người ta không phải thần thánh, khó lòng mà không đề tập quán lôi kéo mình.

Lúc hội chủ Kỳ Ngoại hầu xuất dương, ông được tin rất là phấn khởi mới tìm liên lạc với tân đảng. Lúc đó vừa Lê Võ ở Bắc về, đem quyền vong quốc sử của Sào Nam cho ông xem. Ông đọc xong, nước mắt chảy ròng ròng. Đọc đến câu « Lê Khiết là chó dữ của Nguyễn Thân » thì ông vút sách xuống đứng dậy nói to rằng: « Thương thay, thương thay! Trước đây tôi làm thiệt là chó má vậy; nhưng từ nay trở đi tôi mới là người ». Từ đó hàng ngày ông đi lại với tân đảng ở Nam-Ngãi bí mật giúp đỡ. Ông rất nhiệt thành chịu khó, cái gì người khác không làm được là ông tự đảm nhiệm lấy. Một hôm Lê Võ bảo ông rằng: « Đảng ta muốn làm việc lớn cần có một tên tay sai Pháp có thể lực giúp đỡ cho. Một mai khởi sự, trong ngoài phối hợp với nhau thì hy sinh ít mà thành công nhiều. Hiện nay trong bọn tay sai Pháp chỉ có Nguyễn Thân thể lực to, ông có thể vận động được Nguyễn Thân không? Được Thân như là được một bức thành quan trọng vậy ». Ông nói: « Tên này cái bệnh làm nô lệ đã ăn sâu vào cốt tủy không thể chữa được nữa. Nay dỗ nó, nó không theo thì nó sẽ phản lại mình. Tuy thế tôi cũng thử làm xem, dầu tôi chết cũng không hại gì cho việc đảng ». Ông liền đến nhà Thân, đưa quyền vong quốc sử cho Thân xem và nói: « Bọn tân đảng kia, họ bảo anh với tôi làm chó săn của Pháp. Nay chó đã chết rồi, thì chúng ta còn lấy gì mà sinh tồn nữa ». Thân biết ông làm thuyết khách cho đảng, chỉ cười nhạt mà không nói gì. Ông lại lo lắng việc đảng hơn trước, thường đi lại các huyện, lớn tiếng hô hào, đề xướng việc độc lập. Người Pháp lấy làm lo, mới bàn với Thân tìm cách hại

Ông. Vừa lúc ấy việc chống sưu ở Nam-Ngãi phát ra. Thân xúc sử người Pháp giết ông, Thân nói rằng: « Ông là người xướng loạn ». Vì thế ông bị tử hình. Lúc ông sắp bị chém, ông nói với người ta: « Cái vết dơ của lịch sử nửa đời người tôi nay lấy máu cổ mà rửa. Vinh hạnh biết chừng nào! » Thế rồi bị chém. Lúc đầu rơi xuống đất, mặt vẫn có vẻ vui cười. Thơ xưa có câu: « sai một bước giận thành muôn thuở, ngoảnh đầu về thân đã trăm năm ». Như ông Lê Khiết dũng cảm sửa chữa lầm lỗi, nhiệt thành làm theo điều nghĩa, thiệt đáng là người hào kiệt. Cũng đồng ngày ấy, Nguyễn Bá Loan con đại thần bản triều Nguyễn Bá Nghi cũng bị chết. Nguyễn trước khởi nghĩa bị thua chạy vào Lục tỉnh; đến ngày ấy về làng lại bị án vào đảng, nên bị giết.

Thơ điển

Mê đồ quán quán ngộ thanh niên,
Mộng lý cù nhiên hốt cảnh nhiên.
Dược thạch sở ngôn không túc bệnh,
Đầu lò nhất trịch bỏ tiên khiên.
Ba đào thiệt để chân thành hải,
Vân vụ tình dư tiện kiến thiên.
Tất cánh nhân sinh đồ hữu tử,
Lưu phương di xú khán thù hiền?

DỊCH:

Làm đường đã trót buổi đầu xanh,
Tỉnh giấc chiêm bao bỗng giật mình.
Mở miệng chữa lành căn bệnh cũ,
Roi đầu rửa sạch lỗi bình sinh.

Lưỡi như sóng bể dương cuộn cuộn,
Nắng lại mây trời đã sạch sanh.
Ấu cũng là người đều phải chết,
Đề thom để thói hỏi ai vinh?

Phụ lục: Thơ viếng của Trần Quốc Duy

Mạnh lẫm sinh nhai ngộ nhập nô,
Hồi đầu kim thủy nhận chân ngô.
Nam thiên sỉ cộng chừ cừu đới,
Đà hải kỳ tương vạn lẫm khu.
Nhật nguyệt chiếu công phiên cựu sử,
Giang sơn nghiêng ngả tầy tiền đồ.
Khả liên nhất bối phù thiên khách,
Thụy mộng trường trung tỉnh đã vô?

DỊCH:

Nô lệ đời người đã xấu xa,
Ngoảnh đầu nay mới nhận ra ta.
Cùng thù thẹn đội chung trời Việt,
Mượn sóng xưa đi khỏi bể Đà.
Nhật nguyệt soi ông thay sử cũ,
Non sông chờ tớ quét đường xa.
Thương thay một lũ mộng ve nhỏ,
Giấc mộng mơ màng đã tỉnh chưa?

NGUYỄN HÀM

Cách miền Nam hơn 200 dặm, có hòn đảo gọi là Côn-lôn diện tích chỉ hơn 100 dặm vuông, 60 năm trước đây là một hoang đảo. Rừng cây rậm rạp, chim cá sinh đẻ ra nhiều. Trong đời Tự Đức, người Pháp kinh lý đất này đề dấy các người bị án nặng ra đó làm các công việc nặng nhọc. Đó là nơi lao động ở, cũng là nơi trộm cướp tập hợp, nói đến đảo Côn-lôn ai cũng giật mình. Gần đây vài mươi năm, đảo mới biến thành nhà phúc vườn thọ của các nhân nhân chí sĩ, anh hùng hào kiệt, những người có huyết khí, có kẻ lấy việc không được đến Côn-lôn làm thẹn. Ấy cũng là một việc rất lạ! Mùa đông năm Bính-ngọ⁽¹⁾, người đảng bắt đầu bị tù, cho đến ngày nay, các đồng chí chúng ta gặp phải tai nạn, nặng là tử hình, thứ đến án chung thân đi đây. Các nhà ngục Côn-lôn là thịnh nhất. Thương thay đồng chí ta gửi xương Côn-đảo không biết là bao!

Tôi trôi giạt nước ngoài, tiếc không biết được tin tức đích xác, vậy đợi lúc khác điều tra thêm cho đầy đủ sẽ chép lại sau. Nay tôi biết rõ một chuyện xin đăng lên đây đó là chuyện ông Nguyễn Hàm. Ông tên chữ là Nam Thịnh, người tỉnh Quảng-nam, cha là tham tri Nguyễn Thành, người có đạo đức, là một ông quan tốt của bản triều.

1. 1906

Cha ông mất khi ông lên tám tuổi. Ông được mẹ nuôi đến lớn; tư chất rất thông minh, đọc sách một lần là hiểu nhưng không ham làm văn cử nghiệp. Lúc mười lăm, mười sáu tuổi đã có chí học về kinh tế. Nhà có nhiều sách, thứ gì ông cũng xem. Nhưng các quyển Tôn tử binh pháp, Ngũ hầu tâm thư, thì ông đọc không bao giờ rời tay. Thường các sách nghiên cứu địa lý, lịch sử nước ta, bản triều thực lục, các sách cấm, ông hết sức tìm kiếm. Thiệt đúng là người hào kiệt có tư tưởng học thức khác đời. Năm Ất dậu niên hiệu Hàm Nghi⁽¹⁾ kinh thành thất thủ, vua xuất bôn, quân cần vương các tỉnh nổi dậy. Nghĩa hội Quảng-nam cử ông Nguyễn Hiệu làm hội trưởng thống suất các đạo nghĩa binh, giữ tỉnh thành đề chống Pháp. Lúc đầu đánh tỉnh thành, ông lấy tư cách ám sinh mộ một đạo quân cùng đánh. Các tướng lĩnh nghĩa binh thấy ông còn trẻ mới mười tám tuổi, tỏ vẻ khinh ông. Lúc hạ được tỉnh thành, các tướng chạy đến các kho tiền, kho thóc và các dinh thự cướp lấy các của quý, rồi đóng quân trong thành, kéo cờ lên như buổi thái bình. Còn ông thì đến kho thuốc, đạn, đem quân vào lấy hết rồi bỏ thành ra đi. Không bao lâu, tướng Pháp đem đại binh đến cướp thành Quảng-nam. Thành vốn là hẹp, quân trong thành là quân ô hợp, thấy quân Pháp đến hoảng sợ. Pháp bắn vào thành đạn như mưa xuống, chỉ 50 phút là thành bị mất. Các tướng chạy cả, quân lính tan vỡ, không thành hàng ngũ gì nữa. Lúc đó chỉ có quân Nguyễn Hàm là không hề gì. Trước đó ông đem quân ra thành, kịp chiếm các phủ huyện thượng du, dựa vào núi hang nơi hiểm yếu, xây nhà đắp lũy, tập bắn. sẵn sàng chờ quân địch, vì biết người Pháp thế nào cũng đem đại quân đến. Quân ta mới mộ, tất không chống nổi, cho nên bỏ thành mà

1. 1885

đóng thương du, để mưu chống cự về sau. Giặc Pháp đã chiếm Quảng-nam nhưng trong thành không có người, chúng phải tìm kế dụ dỗ, chưa kịp đuổi theo ông. Vài tháng sau các quân lính ông luyện tập ra có thể đánh được. Vả lại súng đạn tạm đủ, cho nên hễ quân Pháp đến thì chặn chỗ hiểm yếu nấp quân để chống lại, thường đánh bại được giặc. Vì thế trong tướng lĩnh các đạo, những người không chịu hàng Pháp đều đến tập hợp với ông. Ông Nguyễn Hiệu thấy ông tài giỏi cho làm tán tương quân vụ, mọi việc đều giao cho ông. Từ năm Mậu ty⁽¹⁾ từ Quảng-bình về Nam, quân cần vương không còn gì nữa. Chỉ có ông còn giữ một huyện Hà-dông(?) tỉnh Quảng-nam. Nhưng đã mỗi một lần rồi: lương thực đã hết, viện trợ không có. Tay sai của Pháp là Nguyễn Thân lại đêm ngày truy nã ráo riết. Nguyễn Hiệu và ông bị bắt trong một lúc. Nguyễn Hiệu bị giải về Huế, không chịu khuất phục nên bị giết. Còn ông thì vì Nguyễn Thân khâm phục tài giỏi nên nói với người Pháp tha chết cho về làng quản thúc. Bộ hạ ông có người khuyên ông tự tử. Ông không giả lời và không tự tử. Xưa Tư Mã Thiên đời Hán có nói: « người giỏi thận trọng cái chết, vì họ tự phụ có tài, muốn để dùng chỗ chưa dùng đến của mình ». Như Nguyễn Nam Thịnh há không phải là người giỏi? Nhưng ông cũng không để cho Nguyễn Thân dùng. Thân thường nói với bộ hạ rằng: « trong nghĩa hội Nam-Ngãi, chỉ có Nguyễn Hàm là biết dụng binh, ngoài ra có thể đánh được như trẻ con thôi ». Ông nhờ của cha ông để lại, ruộng vườn đầy đủ, cho nên khi đã về vườn, vì đã có hiểm nghị việc đảng, mới trà trộn trong đám canh mục, làm ăn cần cù. Nguyễn Thân vẫn theo dõi xem ông làm gì,

1. 1888.

nhưng không thể bắt tội ông được. Nhưng người nào quen biết ông lắm và được ông tin cậy thì càng lâu càng phục ông, vì ông người trầm tĩnh mà có trí khôn. Ở yên được 10 năm, nuôi trâu bò, mượn người làm như một người chủ ruộng. Nhưng cái nhà nhỏ nơi thôn trang, không ngày nào không có vết chân đi lại của các người đi trốn, các khách kiếm hiệp. Nhà ở chỉ cách tỉnh thành năm, sáu mươi dặm mà bọn mật thám không biết gì, đó cũng là việc khó.

Năm Quý mao⁽¹⁾ Phan Thị Hán mưu khởi sự ở Nghệ-an muốn được các bạn Nam trung hưởng ứng. Trước đó vài năm do các dư đảng Phan Đình Phùng mà Phan biết tiếng Nam Thịnh. Đến nay mượn đường vào Quốc-tử-giám ở Huế, Phan mới cùng Lê Võ lên vào Quảng-nam. Lê Võ là dòng dõi nhà tướng, bốn người anh đã chết vì nước, Võ trẻ hơn, tay vượn may mắn, mặt mũi sắc sảo, Nam Thịnh chưa từng quen biết nhưng thấy một lần đã vui mừng như bạn thân. Cùng nhau ăn cơm uống rượu rồi bàn việc nước. Ông nói: « Tôi biết hai ông vì sao mà đến đây rồi; đầu tôi chưa rơi xuống đất, thì lòng tôi không phút nào quên, chẳng qua chỉ chống hoặc chầy thôi. Ở đây có một người có thể đồng mưu được là Tôn Thất Toại. Lúc kinh thành bị mất ba năm rồi, Toại mưu với các người tôn thất muốn nổi dậy. Việc bại lộ chạy vào Quảng-nam. Tôi đã giấu ở đây hơn mười năm rồi, tiếng là thầy thuốc, thực là con cháu nhà vua. Nay vua Hàm Nghi đã bị dấy, vua Thành Thái ở trong vòng vây của giặc chúng ta không liên lạc được. Vả lại giặc đã lập lên thì không thể thu phục nhân tâm được. Ngày sau khởi sự cần phải có người như Lưu Bị, Lê Bang(?) để lấy tin cậy của quần chúng.

1. 1903.

Cho nên tôi giấu người này là có ý chờ thời; các ông có chí lớn, nên gặp ông ta một lần xem sao ».

Ngày ấy ba người cùng đến nhà Tôn Thất Toại nói chuyện một lúc lại trở về nhà Nam Thịnh, đêm đã khuya. Phan, Lê bảo Nam Thịnh rằng: « Người này nhân từ có thừa mà anh vũ không đủ, vả lại thể cách tương mạo đều không phải là người có thể hưởng phúc, ngày nay chúng ta mưu toan việc lớn, khó khăn gấp ngày xưa hàng chục lần, nhất định phải tìm người hoàn bị, để làm ông chủ trung tâm, ta thử nghĩ xem, có ai hơn người này không? » Nam Thịnh ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói: « Theo kinh nghiệm và hiểu biết của tôi thì thông thường là nước mất thì ngôi vua, miếu xã cũng mất theo. Nay lại không thế: miếu xã còn, quân chủ còn, cái tâm lý người ta ái dái hoàng thất chưa hề biến đổi. Lấy nhân tâm mà bàn, thì ngày sau chủ tể ba quân mà khôi phục non sông nước ta, nếu không có một người trong hoàng thất làm trung kiên thì không thể hiệu triệu đồng bào, thu phục quần chúng. Bản triều chúng ta đức Cao hoàng đã gian nan xây dựng ra cơ nghiệp, tôi dân mất nước đều chịu công ơn, Hoàng thái tử Cảnh thiếu niên khổ cực chưa được hưởng nước, về sau hình như tuyệt dòng, đọc chuyện Đông cung Anh Duệ Hoàng thái tử rất là cảm khái. Nói về thiên đạo, con cháu Đông cung thế nào cũng có người nổi lên. Ý kiến của tôi là muốn tìm dòng dõi Đông cung. Nhưng tôi là người bị tình nghi, có tai tiếng nhiều, hề có cử động gì là bọn Pháp đề mắt. Muốn đi kinh sư một lần, hỏi khắp hoàng tộc xem có ai không, thế mà sợ lộ tiếng tăm không dám đi. Nay các ông có chí ấy mà hình tích chưa lộ ra, nên nhân lúc ở kinh thăm dò dòng dõi Đông cung, để có ai có thể đồng mưu được thì tôn làm Minh chủ, rồi sẽ tổ chức đảng lớn, liên lạc các nhân sĩ trong triều ngoài quận, chia đường Nam,

Bắc, đồng mưu tiến hành, một mặt bí mật liên kết lính tập để làm vây cánh, một mặt bí mật cầu ngoại viện để chuẩn bị việc tiếp tế. Như thế danh chính ngôn thuận, thì việc dễ thành công rồi tùy thời làm việc cho thích đáng, có thể đi đến kết quả. Như thế việc khôi phục nghiệp lớn không hẳn là khó ». Phan, Lê đều nói: « Phải làm như thế mới được ». Mùa hạ năm ấy, Phan được gặp Kỳ Ngoại hầu Cường Để ở kinh tại nhà Trần công tử nọ (nhà này là một cơ quan để hội chủ giao thiệp với Hội bí mật). Hai năm sau, Hội chủ xuất dương. Từ năm Quý mão đến năm Mậu thân cả thảy sáu năm, trong lo việc đảng, ngoài lo cầu viện, các việc vận động tiếp tế, đều do tay ông. Lâu rồi người Pháp cũng biết, nhưng không nắm được bằng chứng gì, cho nên dầu căm ghét ông cũng không làm gì được. Lúc đó việc chống thuế nổ ra, người Pháp buộc tội ông là chủ mưu, nên bắt ông bỏ tù cùng một lần với Chu Thuơng Đình. Vì rằng ông bình sinh được người ta mến phục, vây cánh nhiều, giết đi sợ sinh loạn, nên Pháp đem đày ông ra Côn-lôn. Ở đảo vài năm, ông vì phần uất sinh bệnh nên đã chết ở đó. Phan thị Hán thường nói với người ta rằng: « Trong các bạn tôi quen biết, những người làm việc giỏi tuy nhiều, nhưng nói về ứng biến mau chóng, chuyển hướng khôn khéo, gặp việc khẩn cấp, không hay bối rối thì chỉ có Nam Thịnh thôi, chỉ có Nam Thịnh thôi ». Ông chết đi thiệt là đáng tiếc. Lúc ấy ông đã bốn mươi chín tuổi.

Thơ điệu

Tị kiên nam bắc đảm kiên khôn,
Công khur na kham ngã độc tồn.
Bách bại tàn sinh bi hậu tử,
Thiên thu đại kế thống tiên ngôn.

Tiêm cừu nắt kết tráp niên chi,
Ái quốc thê lương vạn lý hồn.
Anh khí dục tương Côn-đảo hám,
Cuồng đảo nô dững vạn phong hồn.

DỊCH :

Chung vai Nam Bắc gánh càn khôn,
Ông chết riêng tôi vẫn phải còn.
Trăm trận sống thừa thương chết muộn,
Ngàn thu chước lớn nhớ lời son.
Bao năm diệt giặc chưa vừa ý,
Muôn dặm thương quê luống tử hồn.
Giận muốn san bằng Côn-đảo quách,
Ầm ầm tiếng sóng nổi muôn cồn.

**Lại một bài điệu chung các đồng chí
đã chết ở Côn-lôn**

Bích thiên vi trạch hải vi gia,
Hồi thủ thương mang nại nhĩ hà.
Phong vũ tung hoành qui mộng kiếp,
Vân yên âm âm khóc thanh đa.
Tàn hồn chiếu trủng tam canh nguyệt,
Tráng khí thôn sơn vạn khoảnh ba.
Tòng thủ hợp xưng Trung-liệt đảo,
Thiên thu hương huyết nhiễm hồng hà.

DỊCH :

Trời xanh bề thăm cũng là nhà,
Ngoảnh lại mơ màng khó nói ra.
Ngang dọc chiêm bao mưa gió nặng,
Buồn rầu tiếng khóc khói máy qua.
Khi hùng muôn sóng non cùng nước;
Mồ vãng ba canh nguyệt xế tà.
Từ đó gọi là Trung-liệt đảo;
Máu thơm ngàn thuở rắng hồng pha.

Phụ lục: Câu đối điệu của Trần Quốc Duy

Côn-lôn đảo diện tích nhược kỷ, thiên dong hứa đa nhân,
kỳ tuyệt kỳ, tạo thiết đương sơ, ninh vấn hữu kỳ dữ vô kỳ,
ba trung dững khởi cô phong, cao cao cao, lưu cả anh hùng
vạn cổ trạch;

Đại Việt quốc huyết cầu đặc lai, sở trị chỉ nhất tử, oán hà
oán, lưu ly thử nhật, bắt dĩ ca khứ dĩ khóc khứ, mộng lý kinh
hồ đồng chí, chiến chiến chiến, hoàn ngã sơn hà độc lập
thiên.

DỊCH :

Đảo Côn-lôn diện tích bấy nhiêu, dung được biết bao người,
lạ lạ sao! Xây dựng từ xưa, nào hỏi gì có hẹn hay không,
giữa dòng nổi ngọn non côi, cao, cao, cao, nhà cửa anh hùng
lưu lại đó;

Nước Đại-Việt máu xương mua lại, giá đáng một cái chết,
oán oán mãi! Lưu ly ngày ấy, bước ra lại không ca mà khóc,
trong mộng hoàng kên đồng chí, đánh, đánh, đánh, bầu trời độc
lập trả về đây.

SƠ LƯỢC VIỆC CÁC LIỆT SĨ HÀ-THÀNH BẮC-KỲ BỊ HY SINH

Sau khi Pháp chiếm Việt-nam ta, chúng chọn những người tuổi trẻ sức mạnh làm lính tập, bắt vai mang súng lưng mang đạn, để lừa ra các trường huyết chiến, để giết hại đồng bào ta và làm bia đỡ đạn cho chúng. Các liệt sĩ không muốn chịu nhục với giặc, ần nhẫn chờ cơ hội để rửa cái giận lớn của mình. Vì thế mà có vụ ngày 29 tháng 5 năm Mậu thân⁽¹⁾. Trong vụ này các ông Nguyễn Trị Bình, Nguyễn Văn Nghĩa, Đặng Đình Nhân, Nguyễn Văn Cốc... đã bí mật liên lạc với lính tập và các nhà bếp trong trại lính, tổ chức một đảng bí mật. Tôn chỉ của đảng là cốt đuổi Pháp, phục Việt. Trước hai ngày, các ông mở cuộc hội nghị làm thời ở đền Bạch-mã uống máu unction, định đến ngày ấy khởi sự. Trước hết nhà bếp bỏ thuốc độc vào thức ăn để giết quan binh Pháp. Sau đó đi vào kho khí giới cướp lấy súng đạn tiến công phủ thống sứ. Một mặt các ông ám thông với Hoàng tướng quân. Kéo quân về phía Nam để trong ngoài tiếp ứng cho nhau. Đến ngày quan binh Pháp trong trại đã trúng phải thuốc độc, say nhưng chưa chết, thì việc tiết phát ra. Các ông Nguyễn, Đặng, đều bị bắt, người đảng chưa tập hợp kịp nên việc không thành.

1. 1908.

Việc đã thất bại rồi, người Pháp xử án năm người thủ mưu bị tử hình. Trừ Nguyễn, Đặng ra còn một người là đầu bếp Hai Hiên. Ngoài ra vì vụ án này mà liên lụy có mười một tử hình, còn đồ lưu, giam, cấm đến hơn sáu mươi người. Than ôi! việc không may mà đáng thương thì không gì bằng việc này; máu quân thù chưa chảy giọt nào, mà hai mươi cái đầu liệt sĩ nghĩa dân đã cùng rơi một lúc, ai là kẻ không cảm động cho các ông! Nếu để chậm ra ít phút nữa thì có thể lấy xong kho súng đạn, chiếm được phủ thống sứ, phía Nam đông bán cầu, đã đột phát một trận gió mây lớn rồi; trời làm như thế biết làm sao bây giờ? Tuy nhiên hiện còn hơn 20 vạn anh em ta trong quân đội để thực hiện cái chí mà các ông Nguyễn, Đặng chưa thực hiện được. Cái hồn của các liệt sĩ ở dưới chín suối ắt có ngày được an ủi. Vậy xin chép việc này lại đây, để ngày sau in ra.

Thơ diếu

Chữ đầu nhiên cơ thống nhược tào,
Đạo qua kim nhật chứng ngô bào.
Sách huân kể nãi tri tam khắc,
Sát tặc tâm hoàn khoái nhất đao.
Phong vũ thanh trung hồn tả dẫn,
Tiêu yên trận thượng khí tiền mao.
Đồng cừu trấp vạn anh hùng tại,
Thỉnh khản đương niên đởm độc hào.

DỊCH :

Nấu đậu nhen cây khế xiết bao⁽¹⁾,
Ngày nay trở giáo cứu đồng bào.

1. Tào Thục, Tào Phi con Tào Tháo không hòa hợp với nhau mà Phi muốn giết Thục. Thục làm bài thơ có câu «chữ đậu nhiên đậu cơ: lấy cây đậu nấu đậu».

Bây mưa đã chậm chừng ba khắc,
Giết giấc lòng còn sướng một dao.
Trong tiếng gió mưa hồn tả dẫn,⁽¹⁾
Trên cơn khói đạn khi tiền mao.⁽²⁾
Đồng cừu còn đó hai mươi vạn,
Hãy nghe năm kia can đảm hào.

Phụ lục: Thơ diếu của Trần Quốc Duy

Bất vị tru cừu khăng sự cừu,
Châm qua thời sức đảo qua mưu.
Tự tiền huyết trích quỷ thần khốc,
Thành bắc hồn qui thiên địa sâu.
Hận đao cừu tuyền nhưng mạ tặc,
Khi dư nhất kiếm thượng hoành thu.
Nhĩ-hà thủy xích Tây phong hắc,
Độc lập tà dương lệ âm lưu.

DỊCH :

Chả giết cừu sao lại giúp cừu,
Gối dao còn đợi lúc quay đao.
Trước đèn máu chảy quỷ thần khốc,
Ngoài thành hồn về trời đất sâu.
Giận đến suối vàng còn mắng giặc,
Khí thừa gươm bạc vẫn ngang thu.
Nhĩ-hà nước đỏ gió Tây tối
Dưới bóng tà dương giọt lệ trào.

**Phụ lục: Trần Quốc Duy đề sau khi đọc chuyện
Hà-thành liệt sĩ**

Thùy tương tiên huyết nhiễm thanh biên,
Ngọ dạ hàn đăng nhất huyền nhiên.

1. Tả dẫn là ống áo bên tả. Hán Cao tổ chết vợ là Lữ Hậu chuyên quyền muốn giành ngôi vua cho họ Lữ. Vương Bột đứng trước ba quân nói « ai theo họ Lưu (Hán) thì bận áo bên tả trước » Quân lính đều bận bên tả trước.

2. Tiền mao : Cây lau trước hết, có nghĩa là đi trước người ta ; khí là khí khái.

Bạt kiếm thủ lừng hoành chúc địa,
Đảo qua tâm sự trực hồi thiên.
Minh tâm Bạch mã quỷ thần khốc,
Kiếp hoán Hồng dương kim cổ liên.
Độc bãi tiêu tiêu phong vũ khởi,
Kính văn tả dẫn táo thanh truyền.

DỊCH :

Sử xanh ai lấy máu tươi pha,
Đêm vắng đèn tàn giọt lệ sa.
Tay mạnh múa gươm nhè đất chém,
Lòng thành trở giáo kéo trời xa.
Thề đền Bạch-mã thần than khóc,⁽¹⁾
Đôi kiếp Hồng dương vận xót xa.⁽²⁾
Độc chuyện rầu rầu mưa gió nổi,
Hoảng nghe tả dẫn tiếng kêu la.

1. Đền ở Hàng Buồm chỗ các liệt sĩ ăn thề với nhau.
2. Lúc gặp tai ách gọi là Hồng dương (đỏ-đỏ).

NỮ LIỆT SĨ ĐÌNH PHU NHÂN

Nước ta từ xưa thường có những anh kiệt xuất thân trong nữ giới thiết là có thể làm hã giận cho non sông. Trưng nữ vương, Triệu Ẩu vì chống Hán, chống Ngô mà đề tiếng. Ở triều Tây-sơn Bùi Thị Xuân nổi tiếng là biết dụng binh, đó là những người tiêu biểu nhất. Từ khi nước mất đến nay, cũng thường có những nữ chí sĩ hoặc xuất của để nuôi đồng chí, hoặc lấy nghĩa lý mà khuyên chồng, cái lòng nhiệt thành yêu nước yêu nơi và ghét thù, so với các tu mi nam tử chỉ có hơn, không có kém. Nay tôi xin nêu lên một người trước hết để làm gương cho đồng bào nữ giới toàn quốc. Gần hơn mười năm nay, trong các nữ đồng chí mà hoạt động dũng cảm hơn, làm việc rõ ràng hơn và kết quả cũng rất mãnh liệt và đau đớn hơn, là Đình phu nhân.

Phu nhân là người Thừa-thiên, tính tình trầm nghị, đứng đắn trong sạch, là con nhà danh giá. Lúc bé có đi học, hiểu đại nghĩa và giỏi văn thơ. Phu nhân trước lấy một ông đốc học Quảng-trị. Chồng mất lúc phu nhân chưa đến bốn mươi tuổi. Lúc kinh thành thất thủ, nước mất, nghĩa binh các tỉnh nổi dậy, phu nhân có tư tưởng giết giặc như Mộc Lan ngày xưa. Vì bị gia đình kiềm chế nên không thể làm theo ý muốn được. Phu nhân thường phân uất thấy bọn vô liêm sỉ làm tay sai cho Pháp, muốn cầm dao giết đi. Khoảng năm Bình-ngọ

dời Thành Thái, hội chủ Kỳ Ngoại hầu xuất dương, phong trào mới nổi dậy, người đảng bí mật làm việc khắp cả trong ngoài. Phu nhân chợt nghĩ mình cũng là một phần tử của quốc dân, yêu nước cứu nước chẳng phải là trách nhiệm riêng của nam giới. Được tin là người trọng yếu của đảng là Ngư Hải đi lại các nơi Kinh, Quảng để làm việc đảng, phu nhân mới tìm gặp Đảng nói chí của mình và xin sẵn sàng hy sinh cho đảng. Lúc đó công việc đảng, người Pháp đã đề ý dò xét: việc chuyển vận tiền bạc thư từ rất là khó khăn. Đảng mới đem việc này giao cho phu nhân. Phàm đồ vật gì từ Nam, Ngãi đi qua Thừa-thiên để đem ra Nghệ-an và từ Nghệ-an đem ra Hải-phòng như tiền bạc, thư từ cho đến cả các đảng viên trốn tránh đều do phu nhân làm dây liên lạc. Phu nhân lại bí mật tìm các phụ nữ tin cậy được, tổ chức ra nữ đảng bộ mà phu nhân tự xem việc sắp đặt cho có nề nếp. Trong bốn, năm năm sự giao thông Nam Bắc có mạch lạc, nền kinh tế trong ngoài, nhờ thế mà khỏi khó khăn. Mùa đông năm Mậu thân, việc lộ ra phu nhân bị Pháp bắt.

Người Pháp giải phu nhân sang bộ hình tra xét việc bí mật của đảng. Bị tra tấn cực hình mà vẫn cắn răng chịu chứ không nói gì. Tên tay sai đắc lực của Pháp Trương Như Cương rất lấy làm giận, bảo phu nhân rằng: « Bà mà không nói thì sẽ bị chết, nhưng không chết được ngay đâu, chỉ khổ thôi. Nếu nói ra thì sẽ không bắt tội mà đại Pháp lại sẽ trọng thưởng cho bà nữa ». Phu nhân không hy vọng gì sống nữa, nhưng giả làm bộ tươi cười, nói với Cương rằng: « Các việc bí mật của đảng, tôi đều biết hết; các yếu nhân của đảng có đến vài trăm, tên tuổi sự trạng của họ tôi cũng biết cả. Đến nay tôi nghĩ nói ra cũng chết nên tôi không nói, nếu nói ra mà sống thì tôi đại gì mà không nói. Nhưng nay mình mảy tôi đau lắm, nói năng cũng

khó cho rõ ràng được. Vậy tôi xin được một phòng yên tĩnh, có đủ giấy, bút, mực, và nhờ cho mở gong xiềng ra cho một đêm, để tôi được tự do trong phòng, nghỉ ngơi một chút cho đầu óc được rảnh rang mà nhớ lại cho hết. Ruột gan có gì tôi sẽ viết ra hết, như thế có hơn không?» Trương Như Cương tin là thực, mới làm theo lời yêu cầu của phu nhân. Hôm ấy phu nhân đóng cửa ngồi một mình, thắp đèn lên viết. Phu nhân đặt giấy ra viết luôn luôn một mạch thành một bản cung từ thật dài toàn là mắng chửi người Pháp và bọn tay sai như bọn Trương Như Cương, cốt làm cho chúng không thể đọc hết được. Viết xong là thư, hết giấy thì đêm đã khuya. Ngoài cửa ngục tên lính canh ngủ khò khò. Phu nhân mới cắn ngón tay lấy máu để thơ tuyết mệnh vào tường rồi tự tử chết.

Sáng ngày sau, tên Cương sai lính đi lấy tờ cung. Đến thì thấy cửa phòng vẫn đóng, lính canh đang ngủ. Trong phòng ngọn đèn tàn đang còn, bên đèn là thấy nữ liệt sĩ. Lính chạy về báo với Cương, Cương sai một người đến lấy tờ cung. Nhưng người ấy không dám trình tờ cung cho Cương chỉ nói đại ý mà thôi. Cương cho lệnh đem tờ cung và cả thầy phu nhân đốt đi. Phu nhân chết độ một tuần rồi, ai cũng thương xót. Có người lên đến chỗ phu nhân tự tử xem có dấu tích gì không. Người ấy đọc bài thơ đề tường, máu như còn tươi, hồn thiêng như còn phảng phất. Cũng may lúc đó bọn tay sai Pháp không biết, nên nay chúng ta mới được đọc. Có ba bài như sau :

I

Huyết khô lệ kiệt hận nan tiêu,
Trường đoạn Hương-giang nhật dạ trào.
Ngô đảng tạo thanh cừu lỗ nhật,
Phân tiền nhất chỉ vị nùng thiêu.

II

Trùng tuyên yếm lệ kiến Trưng vương,
Đề huyết thư quyền chỉ tự thương.
Bằng tạ Phật linh như tái thế,
Nguyệt thân thiên tí tí thiên thương.

III

Thê lương ngục thất mệnh chung thi,
Hải khoát sa không khốc tự tri.
Tử quốc đảo nùng thiên hữu phận,
Thương tâm quan lũ kỷ nam nhi.

DỊCH :

I

Máu khô lệ cạn giận khôn tiêu,
Đứt ruột sông Hương nước sớm chiều.
Cường lỗ ngày nào đã quét sạch,
Mồ ta mảnh giấy sẽ đem thiêu.

II

Sống vàng Trưng nữ thấy nhau đây,
Than khóc hồn quyền máu chảy đây.
Nếu Phật thiêng liêng cho sống lại,
Tay thành ngàn cánh súng ngàn cây.

III

Chết trong ngục thăm buổi sầu bi,
Bề cát bao la có biết gì!
Vì nước bỏ mình đành phận gái,
Đau lòng giẫy mũ mấy nam nhi!

Thơ điếu

Ngạo ngạn thu sương liễu nhất chi,
Nhân trung kiều sở nữ trung kỳ.
Giang sơn cừ thị chung thân sĩ,
Phong vũ hồn dư tuyệt mệnh thi.
Cương tỏa trường vô chân huyết tính,
Quần thoa đội hữu hảo tu mi.
Đồng bào nhất bán dĩ như thử,
Kính sát cầu tu bích nhãn nhi.

DỊCH :

Sương thu cảnh liễu đứng tơ tơ,
Phận gái như người khác gái xa.
Thù của non sông riêng nổi nhục,
Hồn về mưa gió dễ bài thơ.
Xích xiềng huyết tính dân còn nữa,
Khăn gấm mây râu sánh cũng vừa.
Một nửa đồng bào như thế ấy,
Kính phượng râu quặp mắt xanh lơ⁽¹⁾.

Liên viếng

Ta ta hứa đại sơn hà, Trưng vương bất tác, Triệu Âu an
qui, phiên giao lịch sử sở thiên niên, đa cừ nhất tử;
Đốt đốt thành hà thế giới, Đà-hải trường tu, Bình-sơn ngưng
xú, nhân khản tu mi kỷ bách bối, dữ tặc câu sinh.

DỊCH :

Nước non rộng rãi đáng than thay! Trưng vương không
đầy, Triệu Âu về đâu? khiến cho lịch sử vài ngàn năm, thêm
người chết nữa;

Thế giới lung tung đáng lạ thật! Đà-hải thẹn đầy, Bình-sơn
thối ừ, nữ đề râu mày mấy trăm kẻ, cùng giặc sống sao?

1. Chỉ bọn Pháp có râu quặp, mắt xanh lơ.

Phụ lục: Thơ viếng của Trần Quốc Duy

Thân hứa giang sơn thử mĩ tha,
Tang thương kỷ hoán chí nan ma.
Nhị Trưng can đảm ninh tri Hán,
Đại-Việt cơ đồ biệt hữu gia.
Đà hải đảo thanh kiêm nộ dũng,
Bình sơn nhật ảnh đới thu tà.
Tự do hoa học La-lan chủng,
Di bút thiên thu đệ nhất hoa.

DỊCH :

Non sông thân ấy kẻ chi mà,
Dâu bể bao lần vững chí ta.
Can đảm hai Trưng ai những kẻ,
Cơ đồ Đại-Việt ấy là nhà.
Bể Đà sóng dậy lòng thêm giận
Núi Ngự thu đưa bóng xế tà⁽¹⁾.
Hỡi chị La-lan xin học lại⁽²⁾,
Ngàn thu bút đệ nhất cảnh hoa.

1. Một năm sau khi bà chết, Thành Thái cũng bị truất ngôi
(dịch nguyên văn).

2. La-lan phu nhân, nữ cách mạng Pháp chủ trương ôn
hòa, bị phái kịch liệt giết.

ĐẶNG THÁI THÂN

Ông tên chữ là Ngự Hải, người huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an, cháu Đặng Tử Kinh.⁽¹⁾ Ông là một học trò giỏi bậc nhất của Phan Sào Nam. Tính ông trầm nghị: khi làm việc gì nói câu gì không cầu thả, luôn luôn nghiêm túc. Thế mà cư xử với người lại dễ dãi chân thành, làm cho càng lâu người ta càng thân. Nhờ tư chất thông minh nên từ lúc tuổi trẻ đã nổi tiếng văn hay ở địa phương. Đọc học Đặng Nguyên Cẩn, Tế tửu Khiển Năng Tĩnh đều thích văn của ông. Nhưng chỉ của ông lại không phải mượn văn tự mà cầu phú quý. Sinh gặp thời nước bị luân vong, ông rất đau xót nên có hoài bão riêng. Khi biết Phan Sào Nam có chí bốn phương, ông hết sức tán thành. Mỗi lúc vào Nam ra Bắc, dầm dãi gió mưa thì ông luôn luôn ở bên cạnh Phan. Năm Quý mão⁽²⁾ hai người đều đi kinh đô yết kiến Hội chủ. Hội chủ thấy ông người khôi ngô mà trầm hậu nên rất coi trọng. Trong vài năm ông góp sức vào việc tổ chức đảng rất nhiều. Mùa xuân năm Ất ty, Phan sắp đi Nhật-bản muốn ông cùng đi. Ông từ chối và nói: «Lần này tiên sinh đi, tiền đồ chưa biết thế nào, nếu tôi mà đi

nữa thì lấy ai làm hậu thuẫn». Vì thế ông khuyên Tử Kinh cùng đi với Phan, còn ông ở lại phụ trách việc trong nước.

Từ đó hàng ngày ông phải đi vào con đường nguy hiểm. Tháng 11 mùa đông năm ấy Phan ở Đông về Nghệ-an, đưa thư cho ông mang vào Huế trình Hội chủ và mưu việc Hội chủ đi Nhật-bản. Đến năm sau là năm Bình ngô vào ngày nguyên đán, ông đưa Hội chủ đi Quảng-nam. Lúc đó phong trào mới lên, bọn Pháp dò thám tợn, ông sợ lộ bí mật nên không dám mang theo người phục dịch, bao nhiêu đồ hành lý tự mình mang lấy cả, vượt núi trèo non, đường sá khó khăn, ngày đi hàng trăm dặm không biết mỏi. Đến Đà-nẵng rồi, thì muốn thuyền đi ngay ra Bắc. Rủi thuyền lại bị gió chưa đi được, sợ bọn mật thám theo dõi, ông lấy làm lo mới ngâm một bài thơ như sau:

*Thiên lý nhân tâm bước lộ trình,
Chết rồi sống lại các sinh linh.
Đông cung sáng suốt treo vừng nhật,
Kịp gửi thuyền Tây để tới Kinh.*

Một lúc sau hỏa thuyền đến. Ông đưa Hội chủ đi Hải-phòng. Trước đó Hội chủ đã hẹn với Đặng Văn Bá gặp nhau ở Nam-định tại nhà một ông họ, cho nên lại từ Hải-phòng đi Nam-định. Trong sông đi hỏa thuyền nhỏ, thủy thủ toàn là mộ trong bọn giặc cướp ra. Ông suốt đêm ngồi canh để cho Hội chủ yên giấc. Lúc đầu định đi đường Việt, Quế rồi đi Hương-cảng. Vừa nhân có Nguyễn Điền người Cao-diên đã từng đi Nhật với Phan Sào Nam ở Hương-cảng về cho biết tình hình. Ông mới biết có người làm việc dưới tàu tự nguyện đảm nhiệm chu đáo việc đưa thư từ bí mật và người xuất dương. Ông mới cùng Nguyễn đưa Hội chủ ra Hải-phòng giao cho Đặng Tử Kinh là người đã đi Nhật-bản

1. Gọi Đặng Tử Kinh là chú ruột.

2. 1903.

về. Cuối tháng giêng năm ấy Hội chủ từ Hải-phòng ra đi. Cũng từ đó ông tận tụy làm việc trong nước, liên lạc các đồng chí, vận động việc tiếp tế, quên đêm quên ngày, có khi bỏ cả ăn ngủ. Lúc đó trong đảng có hai phái: hòa bình và kích liệt, ông là trung kiên của cả hai phái, nhờ ông mà mọi việc được chu đáo. Ông nhiệt tâm việc nước, chí thành với nhiệm vụ chung nên được nhiều người tín ngưỡng. Vì thế đảng ta ngày càng kết nạp được nhiều, hoặc hữu tình, hoặc vô tình.

Nhưng cũng vì tiếng ông ngày càng rầm rộ mà bọn Pháp theo dõi ông ngày càng ráo riết. Ngày mồng hai tháng hai năm Canh tuất⁽¹⁾, cách thành Nghệ-an khoảng một dặm có thôn gọi là Phan-thôn, trong thôn có một nhà nọ là nơi ra vào của người đảng, bọn Pháp cũng dò biết; chúng đem nhiều của thuê một đứa ở gái, hề thấy ai đến thì báo với chúng. Hôm ấy ông làm việc về, đã chiều mới đến nhà kia. Ngồi chưa yên thì 500 lính Pháp đến vây xung quanh nhà, định bắt sống cho được ông. Ông nghe tin lập tức nhảy lên mái nhà để trốn. Người Pháp phá cửa vào bắt được ông. Từ lúc ông ra hoạt động đã cảm chắc sẽ chết vì nhiệm vụ, cho nên đi đâu cũng mang theo một khẩu súng lục. Khi Pháp lại gần, ông lấy súng bắn hai phát liền chết hai tên, trong đó một là lính ta. Ông phản nản: «Tao tưởng là Pháp, làm bắn phải mày, tao không ngờ thấy đồng chủng lại giết đồng chủng».

Nói xong, ông cầm súng tự bắn vào cổ mà chết. Lúc đó ông mới ba mươi bảy tuổi⁽²⁾. Đau đớn thay! Lấy cái

1. 1910.

2. Sự thực như thế này: Ngư Hải trốn ở máng xối, bị một tên lính tập thấy. Ngư nói: «Anh cho tôi thấy thẳng Tây một chút. Tôi không muốn giết anh là đồng bào». Tên lính không chịu. Ông liền bắn chết tên lính, rồi nhảy lên nóc nhà xé hết giấy tờ trong túi rồi dùng súng lục tự tử chết.

chết mà làm tròn trách nhiệm, đâu có phải sơ chí của ông Ngư Hải! Người xưa có nói: «chết có khi nặng hơn non Thái, có khi nhẹ hơn lông hồng». Lời nói có ý nghĩa làm sao! Nếu vì cái chết của ta mà thế đảng được vững, việc nước được thành, ví như cái đầu của Phan Ứ Kỳ⁽¹⁾ cắt ra mà giết được Tần Thủy Hoàng, báo thù được cho Lục quốc, thì bảo rằng: «nặng như non Thái là đúng». Khổng Tử lại không nói sao: «Há lại như thất phu thất phụ tự bào chữa cho mình ru; chỉ bỏ mình ở khe hác mà không ai biết!» Bỏ mình ở khe hác mà không ai biết, tức là chết mà nhẹ như lông hồng vậy.

Than ôi! Ông Ngư Hải, nói về đạo đức, về khí phách, về tài năng, thì không phải vì chết mà nổi lên đầu; ấy thế mà rút cục cũng chỉ lấy một cái chết mà nổi tiếng. Ấy vì thời hay vì thế, hay vì vận mệnh? Chứ cái chết của ông đâu có phải như thất phu thất phụ tự bào chữa cho mình. Nhưng ông chết đến nay đã gần mười năm, thế đảng ngày càng suy, việc nước ngày càng hỏng. Hỡi ôi! cái chết của ông phải đâu là nhẹ như lông hồng! Thương thay, thương thay! Ấy là tội người chết sau, ấy là tội người chết sau. (Người chết sau là tác giả tự nói mình — Dịch nguyên văn)

Thơ điếu

Nam vọng du du lệ ám thù,
Văn quân tử hảo trung kham bi.

1. Phan Ứ Kỳ phạm tội với Tần Thủy Hoàng sang trốn ở nước Triệu. Thái tử Đan nhà Triệu nhờ Kinh Kha đi ám sát Tần Thủy Hoàng. Muốn được Tần Thủy Hoàng tin, Kinh Kha đến nhà Phan Ứ Kỳ xin cái đầu, Phan Ứ Kỳ ưng thuận cho Kinh Kha cái đầu để Kinh Kha báo thù cho mình luôn thể.

Ninh tiên âm đạn vô ninh nhục,
Cảm tự khinh sinh thị cảm vi.
Nhất tử khởi duy bằng bối tích,
Thốn tâm ưng hữu để thiên tri.
Thiền đầu tiên huyết thiên thu tại,
Dạ dạ thanh lân trực điện phi.

DỊCH :

Ngó lại miền Nam lệ nhỏ thầm,
Nghe tin ông chết những thương tâm.
Thà rằng chịu đạn không thà nhục,
Đã dám khinh sinh ắt dám làm.
Một chết riêng gì bầu bạn tiếc,
Tắc lòng chung cả Chúa, Trời xem.
Mái nhà giọt máu còn muôn thuở,
Nhấp nhoáng trời xanh⁽¹⁾ đổi buổi đêm.

Liên

Ta ngã sinh vô bổ ư thời, hải ngoại ký tan khu, phong vũ
nhất thiên không sai lệ;

Y quân tử dĩ đắc kỳ sở, thiền đầu lưu bích huyết, giang
sơn thiên cổ hữu dư hương.

DỊCH :

Sống như ta không ích cho đời, đất khách gửi xương tàn,
mưa gió một trời riêng nhỏ lệ.

Chết mà bạn đã tìm được chốn, mái nhà rơi máu đỏ, non sông
muôn thuở có thừa hương.

Phụ lục: Liên viếng của Trần Quốc Duy

Bang kiệt một hề, bách thân chung mạc thực, hảo thị văn
minh sơ độ, tinh hỏa liệu nguyên, thế tương bách luyện thiên
ma, chú thời, chú thể, chú giang sơn, quang tiền thước hậu;

1. Ma trời.

Quốc hồn tại phủ, nhất động cánh vô thanh, ai tai tân khổ
mục trường, ngưỡng thiên thôn đạn, sở vọng nhất tâm đồng
đức, hữu thúc, hữu đệ, hữu bằng hữu, tuy tử do sinh.

DỊCH :

Hào kiệt mất rồi, trăm mình khôn chuộc lại, tiếc nổi văn
minh buổi mới, chút lửa cháy đồng, thề rằng trăm luyện ngàn
tôi, đức thời, đức thể, đức non sông, trước sau rạng rỡ;

Quốc hồn đâu tả, một thét tiếng không ra, thương thay trường
mục⁽¹⁾ đắng cay, nhìn trời nuốt đạn, ước những đồng tâm đồng
đức, còn chú, còn em, còn bạn hữu, sống chết như nhau.

1. Trường chăn nuôi, ý nói chỗ nô lệ.

Ô-DA ĐỔ TUYÊN

Lúc Ngư Hải hy sinh, người Pháp xét chỗ ở, bắt được thư từ di lại, các người bị vạ lây, ở Quảng-nam rất nhiều. Trong đó Đổ Tuyên là một. Ông tên chữ là Sơn Tầu ở thôn Ô-da, nên cũng gọi là ông Ô-da.

Cuối năm Tự Đức, ông đã làm chủ sự ở một Bộ. Kinh thành thất thủ, ông về Quảng-nam. Lúc nghĩa hội nổi lên, ông sung chức đội biên quân lương. Không bao lâu, cả Trung-kỳ bị chiếm, ông đem cả bộ thuộc về thôn trại, phân tán con em làm nghề nông, có tiền thừa ít nhiều, thì bí mật giúp ông Nam Thịnh, lúc đó Nam Thịnh chưa giải binh. Vài năm sau, Nam Thịnh giải tán quân, bị Nguyễn Thành bắt, nghĩa hội tan vỡ. Vì ông về cây đã lâu mà cũng không tham dự chiến sự, nên cũng không ai hỏi gì tới. Đầu năm Thành Thái, bọn cũng làm quan với ông trước nhiều người làm tay sai đắc lực cho Pháp, nói với chính phủ Pháp mời ông ra dùng. Ông không chịu, chỉ muốn làm người dân cày theo ý muốn của mình. Ông giỏi thơ chữ Hán và cả thơ tiếng Việt, lại hay uống rượu. Nước mất, giặc hoành hành, chưa có cơ hội khôi phục được, không biết giải bày nỗi phần uất vào đâu, nên mượn thơ rượu cho qua ngày tháng. Nhưng hàng ngày ông giao du với Nam Thịnh, Nam Thịnh có nhờ cậy việc gì thì vui vẻ giúp đỡ không từ chối bao giờ, ngựa ký tuy già vẫn có chí ngàn dặm, người thường không ai biết được. Mùa xuân năm Quý

mão ⁽¹⁾ Sào Nam vào Quảng-nam do Nam Thịnh mà được gặp ông, cùng ông ăn gà uống rượu nhiều lần ở nhà ông, cùng nhau trò chuyện vui vẻ. Tháng tư năm ấy ông ra Kinh gặp Hội chủ đề quyết định đại kế. Năm Bính ngọ, Hội chủ xuất dương, các việc vận động tiếp tế trong nước, ông giúp sức rất nhiều.

Nhưng ông là người nổi tiếng hay làm thơ uống rượu lúc bấy giờ, nên bọn Pháp không nghi ngờ gì cả. Bọn tay sai của địch cũng gọi ông là «lão túy ông» cho nên đã lâu ông không bị gì cả. Tháng giêng năm Mậu thân, ông có 3.000 đồng bạc viết thư sai người đưa cho ông Ngư Hải, nhờ Ngư Hải bí mật đưa ra cho Hội chủ chỉ tiêu lúc ở Nhật-bản.

Người nhà ông gặp Ngư Hải rồi. Bỗng ngày ấy Ngư Hải bị nạn, tiền và thơ đều để ở chỗ nhà Ngư Hải trú mà chủ nhà cũng không biết. Người Pháp lục soát, việc bị bại lộ. Người Pháp buộc ông ám thông với đảng phản loạn, làm án chung thân đưa đi đày ở nhà ngục Lao-bảo. Lúc đó ông đã hơn sáu mươi tuổi. Đến Lao-bảo ông nhịn ăn bảy ngày rồi chết.

Thơ diếu

Phong vũ liên niên ác,
Kiền khôn nhất lão di.
Thảo cừu tâm phỉ thạch,
Ưu quốc mẫn thành ti.
Thi tửu sâu dư thánh,
Sơn xuyên mộng lý si.
Cửu tuyên khoa cổ hữu,
Vi quyết bạc Di, Tề.

1. 1903.

DỊCH:

Mưa gió liền năm dài,
Cần khôn sót một già.
Đánh thủ lòng như đá,
Lo nước lóc thành tơ.
Thơ rượu sầu thần thánh,
Non sông mộng ngày thơ.
Suối vàng khoe với bạn,
Hơn Di, Tề ngày xưa⁽¹⁾.

Phụ lục: Thơ điệu của Trần Quốc Duy

Tạ tích trăm anh tự trắng niên,
Ưu thời tạm thác túy hương miên.
Hiềm di nhất nhậm nhân tiền địa,
Thành bại hưu đề sự hậu thiên.
Thi lão sở biên Đào giáp tí,
Mộng tàn vạn cổ Trịnh sơn xuyên.
Ai công nguyện tác nam phi nhạn,
Nguyệt dạ tùy phong đảo chương liên.

DỊCH:

Bỏ dấu trăm anh tự tuổi thơ,
Lo đời mượn rượu ngủ say xưa.
Loạn, bình trước mắt âu là thế,⁽²⁾
Thành bại sau đây nói cũng thừa.
Giáp tý họ Đào thơ mấy vạn⁽³⁾,
Núi sông đất Trịnh mộng ngàn xưa⁽⁴⁾.
Thương ông muốn hóa làm chim nhạn,
Theo gió về Nam đến tận bờ.

1. Bá Di, Thúc Tề bị nhà Chu cướp nước nhà Ân, nên vào rừng ăn rau vi rau quyết để không ăn lúa nhà Châu; còn ông thì nhin ăn mà chết.

2. Thời loạn, thời bình.

3. Đào Tiềm đời Tấn. Tấn mất nước rồi ông vẫn giữ niên hiệu Giáp tý của đời Tấn cũ.

4. (?)

NGUYỄN BÁ TUYÊN

Tôi đọc lời nói chết trung, chết hiếu của Tống Văn Sơn⁽¹⁾, thì liền vứt sách xuống mà suy nghĩ, cho rằng người chân nam nhi phải như thế. Nay trong số đồng chí, Nguyễn Bá Tuyên đã làm được hai điều trước tôi; than ôi oanh liệt làm sao! Ông tên là Thận Sinh, người Xuân-dục, Hải-dương, con đầu của Bình tây hiệp thống quân vụ đại thần, Trấn uy tướng quân là Nguyễn Thiện Thuật. Thuở bé, tính chất ông khác người, trong cái lạnh lợi có vẻ trầm nghị, rất giống tính nết của cha. Lúc lão Tướng quân xuất môn, ông còn nhỏ tuổi mới đổi tên họ trốn đi học với ông thầy ở Đông-thành. Mãi sau người Pháp dò biết. Ông bị bắt đày ra Côn-đảo. Mười năm hết hạn tù ông được tha về làng. Lúc đó người Pháp cho rằng chắc ông đã hết chí khí rồi nên không để ý đến ông nữa. Nhưng ra tù rồi chí ông vẫn cương quyết, thường nói: «Người đại trượng phu không may gặp lúc nước mất, nhà tan, cha và vua mắc nạn, nếu trên không rửa được thẹn nước, dưới không báo được thù nhà, thì sống cũng thừa thôi!»

Ông mới cùng các đồng chí mưu toan khôi phục nước nhà, đề nối chí của lão Tướng quân. Năm Mậu thân,

1. Văn Thiên Tường, bề tôi nhà Tống bị Nguyên bắt không chịu khuất phục làm ra bài Chính khí ca.

ông đưa các đồng chí đảng vào miền núi thượng du tụ họp với quân Tướng quân Hoàng Hoa Thám, để khởi sự ở Bắc-giang. Cùng đánh với quân Pháp trong hơn một năm đã được nhiều trận, người Pháp lo sợ. Mùa hạ năm Kỷ dậu ⁽¹⁾ trong trận đánh ở núi Trư-khâu, vì có người thổ dân làm phản báo tin cho Pháp, nên Pháp theo đường tắt lên vào đánh úp quân ta. Quân ta ít, quân địch nhiều, ông liệu không chống nổi định rút khỏi trận địa, để thừa cơ chống lại. Rủi mắc vào chỗ hiểm, bị đá cản đường, địch tập trung súng bắn vào, ông bị bắt. Bọn Pháp buộc ông đầu hàng, ông không chịu rồi bị giết. Lúc đó tôi ở Hương-cảng nghe tin ông đánh giặc chết, mới đến nhà lão Tướng quân dò hỏi thêm tin tức và an ủi lão Tướng quân.

Lão Tướng quân cười mà nói rằng: « cháu Tuyền chết trận rồi, thiệt đáng là con tôi! » Than ôi, có con như thế, mới có cha như thế, có cha như thế mới có con như thế, thiệt người ta nói không sai.

Thơ diếu

Bằng quân gia phạm chủ cương trường,
Bảo kiếm tung hoành kỷ tuyết sương.
Trung hiếu song kiên huyền nhật nguyệt,
Hiểm di nhất mộng nhậm tang thương.
Trấp niên phong vũ gia hà tại,
Bách chiến quan hà quốc vị vương.
Bi kịch cư nhiên xưng tráng kịch,
Chân nhi tâm sự ủy cao đường.

1. 1909.

DỊCH :

Khuôn nhà đem dục lấy cương trường,
Gươm báu tung hoành kỷ tuyết sương.
Trung hiếu hai vai treo nhật nguyệt,
Loạn, bình một mộng mặc tang thương.
Mấy năm mưa gió nhà dâu tá?
Trăm trận gian lao nước vẫn thường.
Bi kịch lại thành ra tráng kịch,
Lòng con thể ấy thỏa cao đường ⁽¹⁾.

Phụ lục: Thơ viếng của Trần Quốc Duy

Tù đảo qui lai phách bội hùng,
Độc tương nhất tử dẫn Hoàng công.
Khí lẫm trọc hải tinh sơn ngoại,
Thân ủy thương lâm đạn vũ trung.
Năng tử bất đào sinh bất luyến,
Ư gia vị hiếu quốc vị trung.
Anh hồn vị khải từ Long Đỗ,
Dạ dạ thành tây hống nô phong.

DỊCH :

Đảo ngục ra về chí vẫn ngang,
Ra tay quyết giúp tướng quân Hoàng ⁽²⁾.
Khí bay ngoài núi tanh bể đục,
Thân liều trong mưa đạn rừng thương.
Đã không tránh chết tham gì sống,
Biết hiếu cùng nhà nước phải trung.
Hồn chưa chịu rời Long Đỗ được ⁽³⁾,
Thành tây gió giận mỗi đêm rung.

1. Tức là cha.
2. Hoàng Hoa Thám.
3. Tức Hà-nội.

Liên viếng của Hoàng Ngọc Long

Niên thiếu ức đồng du, gian thường bạt kiếm phách thiên, thế tiêm cừ lỗ, chân cá lược thao tổ uần, đại hữu nãi phụ phong, ngô phu tử tịch tiền ngôn chí thời, khoái nhiên tâm hứa;

Thời nguy thù vị chứng, phương dục huy qua văn nhật, cự thất anh hùng, độc liên trung hiếu lưỡng toàn, lưu tác ngô sai kính, lão tướng quân hải ngoại văn ai nhật, hoãn nhĩ nhan khải.

DỊCH:

Nhớ khi tuổi trẻ cùng chơi, đã từng mang giáo chỉ trời cao, thế trù giặc cướp, thiết là có gồm tài thao lược, theo lối của người cha, thầy học ta khi nói chỉ học trò, lòng đã khâm phục;

Gặp lúc nguy nan ai cứu, những muốn múa gươm xoay cuộc thế, đã mất anh hùng, chỉ tiếc rằng trọn đạo hiếu trung, làm gương cho bạn hữu, lão tướng quân lúc được nghe ai lập, mặt vẫn tươi cười.

Trích lục một thiên trong quyển «Viêm bang nghĩa giám» của Đinh Nam

Tháng tư năm Kỷ dậu, Thận Sinh, con của Nguyễn Thiện Thuật là Bắc-kỳ hiệp thống quân vụ đại thần, trước cùng đánh nhau với giặc ở Giang-bắc, quân thua bị bắt rồi chết. Than ôi! Qua sông chí mạnh, đã trước ta mà cầm roi, ngoài nổi xương tàn, ai vì ông mà cầm phát⁽¹⁾, lệ rơi trước gió, thương cho ông mà cũng thương cho Tổ quốc ta vậy.

Lịch sử của ông, tôi có biết sơ lược, xin thuật lại để đồng bào được biết:

1. Cái dây buộc ở nhà ma, lúc đưa đi có người cầm.

Khoảng năm Giáp thân, Ất dậu, nạn nước gât gao thêm, Nguyễn Thiện Thuật dấy quân ở Hải-dương đánh giặc mấy năm, nổi tiếng mọi nơi. Về sau thiếu súng đạn, nên chạy qua Thanh⁽¹⁾. Còn Thận Sinh lúc nhỏ đã có tính khảng khái kết nạp hào kiệt như chí của cha. Giặc nghe tin đến bắt ông đem đây ra hoang đảo, sau vài năm mới tha về, nhưng vẫn theo dõi ráo riết. Thường thường giặc hay gọi ông đến, có lúc dọa nạt, ông vẫn không chịu khuất phục. Có lúc giặc đem súng ra dọa, thì ông phanh bụng ra mà nói: «muốn giết thì giết, tức giận như thế làm gì!» Giặc không nói gì lại thả về. Mùa hạ năm ngoái, nhân khi giặc không đề ý, ông đưa mẹ vào núi, yết kiến Hoàng Tướng quân ở cửa nhà binh, cùng nhau trò chuyện. Hoàng Tướng quân rất vui mừng; cho ông tham gia việc quân. Mùa xuân năm nay, đánh thắng giặc, ông có công lao. Ông xin với Hoàng đem một đạo quân chia đường đánh giặc. Đóng đồn ở một núi nọ, có một tên thổ hào xưa nay, vốn theo nghĩa đảng, bỗng nhiên làm phản đưa giặc tới vây mấy lớp. Ông ra sức đánh vài ngày, thuốc đạn đều hết rồi bị nạn. Lúc đó các đạo quân của Hoàng đánh đâu được đó, tiếng đồn khắp gần xa. Thế mà một mình ông lại bị thua mà chết, âu cũng là mệnh chẳng!

Nước ta từ triều Đinh đến nay, đã hơn ngàn năm, nước bị giặc đánh nhiều lần mà chịu tai vạ khốc liệt chỉ cuối Trần và ngày nay mà thôi. Sau khi Nguyễn, Đặng⁽²⁾ bị mất, bọn sai lang hoành hành, dân chịu khổ sở, vua Thuận Thiên⁽³⁾ khởi binh ở Thanh-hóa để cứu

1. Mãn thanh.

2. Nguyễn Cảnh Chân và con là Nguyễn Cảnh Dị; Đặng Tất và con là Đặng Dung đều bị chết hồi cuối Trần.

3. Tức Lê Lợi.

nạn nước. Lúc đó kẻ tham gia mưu kế có công lớn trong việc bình Ngô có một người là Tế Văn Hầu (Nguyễn Trãi). Bản triều gặp gian nguy, hơn hai mươi năm nay mà một đạo nghĩa kỳ nổi ở Giang-bắc. Lúc đó theo đuổi việc quân, lấy thân đương đại nạn, có một người là ông Thận Sinh. Ông là cháu mười hai đời của Tế Văn Hầu. Tổ có công lao khai quốc, cháu lại oanh liệt hy sinh vì nước, sử sách đề đời, máu đỏ rửa trời, một họ Nhị-khê có thể nói là cùng nước đồng cam cộng khổ vậy.

NGUYỄN CƯƠNG

Xứ Bắc-kỳ nước ta thành lãnh địa Pháp đến nay đã hơn ba mươi năm. Các đồng bào Bắc-kỳ giận giặc nổi dậy, tuy việc đáng chếp khá nhiều nhưng cả nhà vì nước hy sinh thì là nhà Nguyễn Cương. Ông người phủ Kiến-xương, tỉnh Thái-bình. Khoảng giữa đời Tự Đức, Pháp hạ thành Nam-định. Cha ông là Nguyễn Kiến lúc đó làm án sát tỉnh, đem quân đánh giặc rồi chết. Cuối năm Tự Đức thành Nam-định bị mất lần thứ hai, con thứ ông Nguyễn Kiến là Nguyễn Bạng ra sức đánh giặc giữ thành, thành mất ông chết theo, tiếng một nhà trung liệt đến nay vẫn truyền mãi. Trong các con của án sát, ông là con đầu. Tính ông hào mại, tầm mắt thông suốt, có tài hùng biện. Lúc cụ án sát tuần nạn, ông còn trẻ tuổi mà vẫn có chí phục thù cho cha. Lớn lên càng hăng, nhiều lúc mưu đánh giặc mà không được. Nhưng chí vẫn không thay đổi.

Khoảng năm Bình ngô, Đinh vị ⁽¹⁾ tân trào nổi lên, ông lên di các tỉnh cổ động đồng chí, lại sai con đầu là Nguyễn Công Vân vào lĩnh tập Pháp. Có người quen lấy việc phê bình ông, nhưng cái thâm ý của ông, người ngoại cuộc không ai biết được. Năm Mậu thân ông mưu với thổ binh đánh úp tỉnh Thái-bình. Việc lộ ra

1. 1906 — 1907.

ông và con là Công Vân đều bị đày vào thành Gia-
định. Chưa bao lâu, Công Vân mắc bệnh chết ở đó.
Đến năm Tân hợi ông cũng vì phần uất mắc bệnh mà
chết. Cháu ông là Công Úc, Công Tích cả thấy ba người,
đều mưu cử sự mà bị giặc giết. Than ôi! Trong một
nhà mà ông cháu, cha con, chú cháu, đều chết vì nạn
nước há lại không oanh liệt lắm ru!

Thơ điệu

Hải thiên tứ vọng ý hà như?
Sát tặc hùng tâm nhật nguyệt cư.
Nhất động giang sơn hồn dục đoạn,
Bách ưu thân thể lệ không dư.
Phụ huynh cừu phụ chung tâm ngã,
Tử diệt tài thô uổng tích cừ.
Hà nhật nhất thanh tuyên hạ tiểu,
Ngô gia tồn Sở hữu Thân Tư.

DỊCH:

Bể trời man mác biết làm sao?
Giết giặc hùng tâm nhật nguyệt cao.
Một khóc non sông hồn muốn đứt,
Trăm lo thân thể lệ tuôn trào.
Thù cha anh giận không đền được,
Con cháu tài hèn uổng biết bao!
Chín mươi ngày nào cười một tiếng,
Nhà ta giúp Sở có Thân Bao.

Phụ lục: Liên viếng của Trần Quốc Duy

Kiên khôn phiên phúc dĩ lai, gian khổi vô oanh oanh liệt
liệt hảo trường, thủy tự quân gia, tam anh lỗ nhận, tái tuần
cô thành, kỷ hồi khan bảo kiếm chương trung, hồn đáo cửu
nguyên do sát tặc;

Thân thể phù trầm chí thử, nhật thường hảo uất uất bột
bột kỳ khi, dục huy ngô thủ, bát Côn-lôn sơn, bình Cần-trừ⁽¹⁾
hải, nhất thanh ngữ diệt nhi hải ngoại, thân tiên đồng chí lệ
trư cừu.

DỊCH:

Trời nghiêng đất ngã đến nay, há không trường liệt liệt
oanh oanh, ai như nhà ông, ba người đánh giặc chết, hai bạn
giữ thành cô, bao lần xem báu kiếm trong tay, hồn đến suốt
vàng còn giết giặc.

Bảy nổi ba chìm là thế, ôm cái chí uất uất bột bột, muốn
giơ tay tở, san phẳng núi Côn-lôn, lấp bằng bể Cần-hải, một
tiếng gọi cháu trai ngoài cõi, hàng đầu đồng chí gắng trư cừu.

Một câu liên điệu Nguyễn Công Vân

Trung hiếu hữu chân truyền, niệm Tổ quốc, niệm đồng bào,
khởi nhân thiên nhai di lão phụ;
Anh hùng vô ỷ bán, diệt ngoan dân, diệt nghĩa sĩ, quân
giao sử bút thuộc danh gia.

DỊCH:

Trung hiếu do truyền thống từ xưa, nghĩ Tổ quốc, nghĩ
đồng bào, nỗ để bên trời quên lão phụ;

Anh hùng không bán in để lại, cũng ngoan dân, cũng nghĩa
sĩ, rồi đây bút sử chép danh gia.

1. Hoặc tác Cần-thơ.

HIỆP SĨ NGUYỄN THẾ TRUNG

Muôn con ếch lập-mà ⁽¹⁾ sinh động là vì tiếng sấm sét, muôn cái máy hoạt động là vì chạm khi điện.

Người ta ở đời này, thế đạo còn mờ, quần chúng còn mê, ma quỷ hoành hành giữa ban ngày hàng trăm hàng ngàn quần tụ với nhau, hút máu người ngủ mê, nếu không có sấm điện trong lúc này đuổi ma quỷ đi, thức quần chúng dậy thì ôi thôi! chúng ta cũng là quỷ mà thôi. May thay, may thay, gần đây mới có một tiếng sấm chớp bắt đầu thử nổi lên, đó là cái triệu chứng muốn làm cho nhân loại sống lại không nghi ngờ gì nữa. Mạnh mẽ làm sao! Mạnh mẽ làm sao!

Thử cái tiếng ấy là ai? Tức là hiệp sĩ Nguyễn Thế Trung người xã Bát-tràng, tỉnh Bắc-ninh. Thiên tính của ông giận bọn gian tà, ghét thế tục xấu, không muốn nói chuyện với bọn chó săn, thường nói với người ta rằng: « Người Pháp vẫn là kẻ thù của ta, những đứa nịnh Pháp làm hại người ta lại là kẻ thù đáng ghét hơn ». Lúc mới lớn lên đã ngửa tay có chí chém giết bọn gian nịnh. Mùa đông năm Nhâm-tý ⁽²⁾ ông lên đi cửa Lạng-son, đến Long-châu mưu tìm đồ hành thích. Kiếm được một quả tạc đạn ông rất mừng. Mùa xuân năm

1. Có tiết, ếch nằm yên trong lỗ gọi là lập-mà, đến khi có sấm mới nhảy ra.

2. 1912.

Quý sửu ⁽¹⁾, ông mang tạc đạn về nước. Về nước ông giấu tạc đạn ở nhà một người nọ trong đảng ở tỉnh Thái-bình. Lúc đó người Pháp đang lùng bắt người đảng ráo riết. Trong bọn mật thám theo chỉ thị của Pháp để bao vây người đảng, Nguyễn Duy Hàn là độc ác hơn cả. Ngày mồng tám tháng ba, lúc mười giờ sáng, trước cửa thành tỉnh Thái-bình, một tiếng nổ bùng, đó là tiếng tạc đạn của ông ném ra. Lúc đó chính Nguyễn Duy Hàn đi xe qua đó. Đạn trúng, Hàn tan xác, mặt mũi nhận không ra nữa. Người đi xa gần nghe tiếng nổ mất hồn chạy tán loạn, đụng vào mặt nhau cũng không kịp hỏi. Còn ông thì cứ thung dung như thường, vẻ mặt hơn hờ, đi vào một tiệm nước gần đó, ngồi uống nước trà ước hơn một tiếng đồng hồ, không ai biết chính ông là người đã ném tạc đạn. Thế rồi ông ra đi như thường. Ông đã giết tên Hàn rồi, người Pháp thuê mật thám dò xét người hành thích rất gắt, mà ông chẳng sợ chút nào. Ông còn dự định ném tạc đạn vào các tên chó săn khác nọ ở Bắc-kỳ nữa. Nhân có mang nhiều tiền, ông muốn trở sang Long-châu, để mua thêm tạc đạn về. Đi đến Lạng-son ông nghỉ ở nhà Hoàng Mỹ Chương, bị mật thám dò biết rồi bị bắt đưa về Hà-nội. Không đợi tra tấn, ông nói ngay với Pháp: « Ném tạc đạn giết Nguyễn Duy Hàn chính là Nguyễn Thế Trung. » Người Pháp ngờ là không phải; ông nói: « Có chủ tiệm nước nọ có thể làm chứng được ». Người Pháp bắt chủ tiệm nước. Người chủ tiệm nước bối rối không hiểu ra sao, ông mới kể lại cảnh tượng lúc đó, người Pháp mới làm án. Làm án xong, ông cùng Nguyễn Khắc Cần bị giết tại phía Nam thành Hà-nội trong một ngày, lúc đó ông hai mươi tám tuổi.

1. 1913.

Thơ diễm

Âu Mỹ trào lưu hải đảo bốn.
Hiệp phong chấn dững Á kiên khôn.
Xung tiêu kiếm khí hàn cừu dõm,
Động địa lời thanh tỉnh quốc hồn.
An thị danh lưu Hàn vị diệt,
Ôn sinh thân tuần Hán phương tồn.
Anh hùng huyết mạch tràng vô tận,
Thả chủng thiên thu nghĩa hiệp còn.

DỊCH :

Trào lưu Âu Mỹ bể trời dòn,
Cõi Á kiên khôn nổi tiếng ồn.
Gươm tuốt xông trời thù khiếp dảm,
Sấm vang động đất nước kêu hồn.
Chàng Yên nổi tiếng Hàn chưa mất⁽¹⁾
Ôn-thị liễu thân Hán vẫn còn.
Huyết mạch anh hùng còn mãi mãi,
Ngàn thu nghĩa hiệp gốc không mòn.

Liên viếng

Tích lịch nhất thanh, quần gian dõm tán;
Giang sơn thiên cổ, đại hiệp hồn hương.

DỊCH :

Sấm sét một kêu, bọn gian gan nát;
Non sông ngàn thuở, hiệp sĩ hồn thơm.

Phụ lục: Thơ và liên viếng của Trần Quốc Duy

Thán tức giang sơn cứu lục trầm,
Na kham quỷ khí nhật âm sâm.

1. Yên Trọng Căn người Triều-tiên (Hàn) ám sát Y đảng Bác Văn, toàn quyền Nhật ở Triều.

Tam xuân dục khởi long xà trập,
Nhất chấn quang hàn vọng lượng tâm.
Bất dạ quang tùy dư chưởng phóng,
Tự do thần dĩ nhữ đầu lâm.
Tứ thiên niên sử trình tân thái,
Tiên huyết hoàng hoàng chiếu cổ cầm.

DỊCH :

Than thở non sông mãi nổi chìm,
Hơi ma há chịu để im lìm.
Ba xuân thực lĩnh loài rồng rắn,
Một tiếng làm kinh bọn quỷ chim.
Lửa sáng tay ta đem ném xả,
Tự do đầu nó đến nơi lìm.
Bốn ngàn năm sử tô màu mới.
Giọt máu tươi này chiếu cổ kim.

Độc tứ thiên niên lịch sử, thích khách truyện, hiệp khách truyện, nãi quân vì khai quyền đệ nhất nhân, cổ ung nhật nguyệt tinh thần, cao huyền tinh tự;

Ngũ ngũ thiên vạn đồng bào, ngô dân cừu, ngô quốc cừu, thần nhữ diệc Á hoàng chân quý chủng, hảo dữ giang sơn thành quách, tẩy tị tinh tinh chiến.

DỊCH :

Độc bốn ngàn năm lịch sử, truyện thích khách, truyện hiệp khách, mới ông là một người đầu tiên, vậy nên với mặt trời, trăng sao, nên cao tên tuổi;

Nói năm ngàn vạn đồng bào, thù dân ta, thù nước ta, hống mày cũng da vàng châu Á, thế phải vì non sông thành quách rửa sạch hội tanh.

HIỆP SĨ NGUYỄN KHẮC CẦN

Ông tên chữ là Tiểu Lâm người xã Xuân-dục, tỉnh Bắc-ninh, người trầm nghị ít nói, chỉ khi không lộ ra ngoài, sự thực là nuôi cái chí cương cường khinh đời. Mỗi lúc xem sử đến chuyện Kinh Kha, Dư Nhượng⁽¹⁾ thì rất hâm mộ, và nói: «đó mới thiết là nam nhi!» Nhà nghèo vì cảnh ngộ mà phải dạy học kiếm ăn. Ông tức giận bỏ nghề nghiên bút. Khi đảng cách mạng nổi lên, ông nghe được liền tận tụy làm việc đảng. Mùa đông năm Nhâm tý, ra ngoại quốc hội họp với người đảng, tự nguyện ám sát tên chó săn đầu sỏ nọ. Lúc mang tạc đạn về Hà-nội chưa kịp ném thì nhân lúc đó Hán Minh (?) đã ném nhằm vào quan binh Pháp ở khách sạn Pháp; người Pháp truy nã người đảng, bọn chó săn cũng đề phòng rất nghiêm ngặt, nên ông không thực hiện được mưu kế của mình. Ông mới lại cùng Thế Trung định ra ngoại quốc. Đi đến Lạng-sơn gặp phải người Pháp. Nhưng người Pháp chưa biết ông mưu việc hành thích, chỉ vì cùng đi với Thế Trung nên ông bị bắt mà thôi. Trước đó về kế hoạch ám sát, ông với Hán Minh cùng đảm nhiệm. Hán Minh đã ném nhằm may chưa bị bắt, ông muốn nhận lấy việc ném tạc đạn ở khách sạn để cho Hán Minh chạy thoát, cho

1. Các thích khách đời Chiến quốc.

nên mới nhận với người Pháp chính ông là người ném tạc đạn ở khách sạn. Vì thế mà cái án tạc đạn khách sạn quy tội cho ông, ông phải bị giết cùng Thế Trung một ngày. Than ôi! tôi thấy một bọn người ham danh ham lợi, lúc vô sự thì ăn uống chơi bời, chỉ giành lấy phần hơn cho sướng thân, chợt có biến cố hoặc bị bại lộ thì đổi mặt đổi lời, chọn lợi tránh hại, có kẻ lại đổ tai vạ cho bạn hữu để mình được thoát thân. Những bọn này so với Nguyễn Khắc Cần nhận thay cái án tử hình cho đồng chí, sao lại khác nhau một trời một vực!

Tôi chép rõ chuyện này đã là sùng bái Nguyễn mà cũng để chê trách những kẻ phụ bạc vậy.

Thơ điếu

Anh hiền khâm bảo hiệp can trường,
Thành sự qui nhân bại độc đương.
Khởi vị báo bi danh khả ái,
Cánh cam hồ khẩu độc tiên thường.
Tin trinh kim thạch tâm nan tử,
Bích nhiễm sơn hà huyết hữu hương.
Kỷ khí dĩ kham hàn tặc đờm,
Chí kim bạch nhật quán hồng quang.

DỊCH:

Anh hiền cầm sẵn lăm gan rồi,
Thành việc là người bại ấy tôi,
Há phải da beo mà lấy tiếng,
Chỉ cam miệng cọp để làm mồi.
Tin như vàng đá lòng khôn chết,
Thơm nhuộm non sông máu đã sôi.
Khí mạnh làm cho thù mất vía,
Cầu vòng muôn thuở mặt trời soi.

**Phụ lục: Ba bài thơ viếng
của Trần Quốc Dụ**

I

Thán tức kỳ công cánh bắt thành,
Bi ca thanh yết đoản tràng đình.
Đạn hoàn vị trịch đầu tiên trịch,
Hạ nhật trùng tuyên tiểu nhất thanh.

II

Kỳ công khởi tất tự thân thành,
Đồng chí do tồn tử diệt sinh.
Nhất phiến tru cừu tâm sự tại,
Tướng quân đầu tá dữ Kinh khanh.

III

Thoát khước nho y tạ cổ sơn,
Khinh sam đoản tự xuất nam quan.
Phiến tâm dĩ dữ tràng hồng bạch,
Bất sát cừu nô thệ bất hoàn.

DỊCH:

I

Than thở kỳ công đã chẳng thành,
Tiếng ca đau xót đoản trường đình.
Đạn kia chưa ném, đầu đã ném.
Chín suối ta cười một tiếng rình.

II

Công lớn cần chi phải tự mình,
Miễn còn đồng chí, tử như sinh.
Giết cừu một mảnh còn tâm sự,
Đầu tướng quân này gửi họ Kinh⁽¹⁾.

III

Cởi áo nhà nho tạ núi ngàn,
Quần đơn áo ngắn vượt Nam-quan.
Lòng này cùng với cầu vồng tỏ,
Chẳng giết cừu nô thệ chẳng hoàn.

Sau khi đọc truyện hai liệt sĩ
(Nguyễn Thế Trung, Nguyễn Khắc Cần)

Túy mê trường lý chẵn lời kinh,
Lưỡng phó đầu lô nhất trịch oanh.
Đồng chí nhấn khan quân độc tử,
Thử thân tu dữ tặc câu sinh.
Huyết tiên hảo tây sơn hà trọc,
Tâm xích tràng huyền nhật nguyệt minh.
Nhị truyện độc hoàn hoành kiếm khởi,
Quốc hồn dĩ cộng hiệp hồn tinh.

1. Kinh Kha đi ám sát Tần Thủy Hoàng, Phán tướng quân U Kỳ cho cái đầu làm lễ ra mắt vua Tần, vì lúc đó Tần đang truy nã Kỳ ráo riết. Ý nói mình chịu chết để bạn thành công.

DỊCH :

*Trong trường mê mộng sấm vang rền,
Hai chiếc đầu rơi một lúc liền.
Đồng chí nữ xem ông phải chết,
Thân này sống với giấc sao yên!
Máu tươi rửa sạch non sông bẩn,
Lòng đỏ treo cùng nhật nguyệt trên.
Hai truyện đọc xong vung kiếm dậy,
Hồn người hồn nước tỉnh ngay lên.*

Phụ lục: **Thơ điệu của Trần Quốc Duy**

*Na kham nhất tử nhất sinh tồn,
Lưỡng hiệp tương kỳ chủng hiệp côn.
Khởi vị huân danh thủy trúc bạch,
Yếu tương tâm huyết tây kiên khôn.
Cảnh chung dĩ lạc hàn nhân dorm,
Bảo kiếm tràng minh vũ sĩ hồn.
Nhị truyện độc thời thanh đới lệ,
Kính phong nộ vũ nhật hoàng hôn.*

DỊCH :

*Lẽ nào một chết một đang còn,
Hai gã cùng nhau giống hiệp vân.
Tên tuổi đầu cần ghi sử sách,
Máu lòng đem để rửa càn khôn.
Hồi chuông đánh rúng người không đảm,
Tiếng kiếm kêu luôn kẻ có hồn.
Hai truyện đọc xong dòng lệ nhỏ,
Gió gào mưa thét buổi hoàng hôn.*

LIỆT SĨ HOÀNG VĂN XA

Từ khi nước mất đến nay, theo chỗ tai nghe mắt thấy của tôi, thì những người yêu nước ghét thù, phần lớn là hạng người tráng niên hăng hái, còn như hạng nhiều tuổi mà mưu đồ việc quang phục hàng năm không mỗi mết, xem chết như chơi, thì Hoàng Văn Xa là hơn cả. Ông tên chữ là Khắc Trung, người châu Thất-kê, tỉnh Lạng-sơn trước đã làm chức chánh quản cơ trại lính khố xanh ở đồn Thất-kê. Không phải là đồng chí thì không ai biết lòng ông. Ông người trung nghĩa cương trực do tính trời sinh như thế. Lúc ở trại lính thường có chi cứu nạn. Nhưng những việc quan yếu ở lục quân đều ở trong tay người Pháp, ông chỉ là một người cô đơn chưa có thể làm gì được. Khi tân trào nổi dậy, nhiều người đảng đi lại với ông, ông cũng giao kết sâu với người đảng, phụ trách việc liên lạc với quân lính bốn xứ. Ngày tháng năm, năm Quý-sử⁽¹⁾ có người đem việc ông định làm báo với người Pháp, ông bị bắt giải về tỉnh thành Lạng-sơn. Bọn quan lại Pháp, muốn tra hỏi cho biết hết người đồng đảng, ông không nói một lời gì. Chúng lại giải ông đến tỉnh Thái-bình, tra tấn ráo riết, ông vẫn không cung nhận gì cả. Người Pháp thấy lời vu khống ông không có chứng cứ gì, không làm gì được ông, đành phải giam lại ở nhà ngục, đợi có cơ hội làm án. Lúc đó ông đã

1. 1913.

sáu mươi ba tuổi. Ông mới lên viết một bức thư gửi đến Long-châu, từ biệt các đồng chí và tự thề lấy chết đền nợ nước và khuyên các đồng chí phải kiên nhẫn đến chết làm sao cho đạt mục đích. Lúc thơ đến Long-châu thì ông đã tuyệt thực chết ở nhà ngục Thái-bình. Than ôi! già mà càng mạnh, chết để tỏ lòng mình, như ông Hoàng thiết là một đại vĩ nhân trong quân giới vậy!

Thơ điếu

Thương kiếm sinh nhai thập kỷ niên,
Tru cừu tâm tự lão di kiên.
Anh hùng dụng vũ khở vô địa,
Quốc tặc khiêu lương tu cộng thiên.
Nhị-đức đài nam chung nộ chương,
Tam-thanh động lý yết trung tuyên.
Nhất hô thắng toại bình sinh chí,
Thiên cổ ninh tri ngã tử hiền.

DỊCH :

Súng gươm mười mấy năm trời,
Tâm lòng giết giặc già rồi càng cặm.
Anh hùng không đất ăn làm,
Thẹn cùng lũ giặc, gian tham chung trời.
Bên đài Nhị-đức giận sôi⁽¹⁾,
Tam-thanh trong động nghẹn lời trung kiên⁽¹⁾.
Thỏa lòng một tiếng kêu lên,
Ngàn thu chết đói người hiền ai hay?

Phụ lục: Thơ điếu của Trần Quốc Duy

Cửu phong hoàn bảo thất tuyên lưu,
Kỷ cốt lẫm lẫm đảo bạch đầu.
Chương thượng đao quang tri siểm diện,
Yêu gian bảo kiếm uất hoành thu.

1. Đài Nhị-đức, động Tam-thanh là các nơi di tích lịch sử của tỉnh Lạng-sơn.

Khốc ca thân thể liêu Yên thị,
Phủ ngưỡng kiên khôn thặng Sở tù.
Thân tại ngã hương tâm tại quốc,
Di hàm tê huyết đảo kim lưu.

DỊCH :

Chín núi quanh vòng bảy suối xuôi,
Bạc đầu khi cốt vẫn kỳ khôi.
Trên tay đao sáng chưa nhanh nhẹn,
Bên nách gươm thiêng vẫn đợi thời.
Ca khóc chợ Yên thân thể quạnh⁽¹⁾,
Bùi ngùi tù Sở thặng ngày trôi⁽²⁾.
Thân nơi làng đói lòng nơi nước,
Để lại phong thơ luyến ngậm ngùi.

Lại thơ điếu của Hoàng Ngọc Long

Thập tải tương tri lão nhữn thanh,
Đồ phân Nam Bắc các linh tinh.
Kiếm cùng nhữn bảo bình sinh nguyện,
Kiếm tỏa đồ vong khở nhục hình.
Trọc tửu tam bôi tăng huyết thệ,
Di thư nhất cảo thượng tâm minh.
Quốc cừu do tại không tâm ngã,
Hồi thủ giang sơn lệ thể linh.

DỊCH :

Mười năm quen biết mắt già xanh,
Nam, Bắc chia nhau bước lộ trình.
Cung kiếm nhữn ôm bao ý nguyện.
Xích xiềng quên cả mọi nghiêm hình.
Rượu ba chén đục hòa theo máu,
Thơ một phong trao để mối tình.
Thủ nước vẫn còn ta luyến thẹn,
Ngỗng nhìn sông núi lệ buồn tanh.

1, 2. Chợ Yên là chỗ nhiều thích khách; tù Sở là tù nhà Sở rất cực khổ.

NGUYỄN THÀNH HIẾN

Ông người hạt Cần-thơ Nam-kỳ, tổ tiên người Minh, Minh mất theo tôi cũ Minh là Mạc thiên Tứ vượt bể qua Nam. Bản triều ta thu dụng cấp cho lương tiền và trâu cày nông cụ ở tỉnh Thừa-thiên. Tổ tiên nhân ở Hà-tiên làm dân nước ta đến nay chưa đổi tục nước, đời đời theo Hán học: ông giỏi chữ Hán hơn cả người Nam-kỳ. Nam-kỳ bị Pháp chiếm đến nay đã hơn 60 năm. Người Pháp xem dân như trâu ngựa, cái học trung, hiếu, lễ nghĩa, cái thói cần, kiệm, thương võ đã biến làm cái tập tục kiêu xa dám dăng không biết liêm xỉ. Chỉ có nhà ông thì không theo tác phong ấy, ông thiết là người hào kiệt ở Nam-kỳ. Ông tính trầm nghị, trí thức hơn người, đã có giáo dục gia đình, lại thêm học vấn, nên về việc phân biệt chủng tộc, tư tưởng chính trị, đều có chứa chất sẵn. Sinh trưởng ở Nam-kỳ, mới lọt lòng mẹ đã là người dân Pháp, nhưng lòng thương nhớ nước cũ chưa giờ phút nào quên, đã 40 năm như thế. Vừa các năm Đinh vị, Mậu thân⁽¹⁾ lân trào nổi lên lan khắp Nam Bắc. Bài «Khuyến cáo Lục tỉnh văn» của Kỳ Ngoại hầu đã vượt bể Nhật-bản mà vào Nam-kỳ. Ông nhận được rất phấn khởi, lấy việc quang phục làm trách nhiệm của mình. Lúc đó các thiếu niên Trung, Bắc-kỳ du học Nhật-bản ngày càng nhiều. Ông tổ chức

1. 1907 — 1908.

đoàn du học Nam-kỳ. Từ mùa đông năm Đinh vị⁽¹⁾ về sau, con em Nam-kỳ xuất dương du học trên đường không ngớt, đó là nhờ ông. Năm Kỷ dậu⁽²⁾ mưu của đảng bị lộ, các con em Nam-kỳ xuất dương, thì người Pháp bắt phụ huynh bỏ tù, lại nghiêm trị những người cổ động du học buộc tội là thông với loạn đảng.

Các du học sinh Nam-kỳ đều vì thiếu tiền ăn học bỏ trường về, còn ở lại chỉ có Hoàng Hưng và một vài người khác nữa thôi. Lúc đó, ở trong nước không làm được ý muốn của mình, ông bỏ nhà xuất dương, cùng các người đảng ở ngoài giúp sức công việc đảm nhiệm công việc đảng. Ông bôn tẩu các nơi Hương-cảng, Băng-cốc, mưa gió đói rét nếm đủ mùi tân khổ, vẫn vui vẻ như thường. Ông vốn nhà có của cải nhiều, nay nhân nạn nước chịu cảnh khốn cùng mà không bao giờ phản nản. Đến mùa hạ năm Quý sửu, ông ở Hương-cảng, nhân cùng các thiếu niên ở đó học chế tạc đạn thuốc nổ, bị thuốc cháy nổ, người Anh rõ được nhà trọ của đảng cách mạng Việt-nam nên đã bắt hết cả bọn giao cho người Pháp, trong đó có ông. Ông bị giải về nước, bị tòa án tra hỏi nhiều lần. Ông tuy già và ốm nhưng vẫn không chịu khuất, đối với các việc bí mật của đảng, không chịu nói gì. Người Pháp căm thù nên chém nát ông. Lúc đó ông năm mươi bảy tuổi.

Thơ điếu

Cần-hải, Côn-sơn sự dĩ phi,
Đan qua do dục văn tà huy.
Truyền gia tự tín thư năng dụng,
Bảo quốc ninh tri nguyện cánh vi.

1. 1907 — 1908.

2. 1909.

Thời thế bi đồng long thủy thất,
Mộng hồn kiếp trúc nhận nam phi.
Thương tâm bất nhẫn độc di cú,
Phong vũ tôn tiền đẳng ảnh vi.

DỊCH :

*Cần-hải Côn-sơn việc đã sai,
Một gươm còn muốn kéo lui trời.
Sách nhà những tưởng làm nên nổi,
Nợ nước ngờ đâu đã hồng rồi.
Thời thế thương như rồng nước mất,
Mộng hồn theo đuổi nhận nam bay.
Độc thơ để lại lòng không nở,
Mưa gió dền tàn rượu một chai.*

Phụ lục: Thơ điếu của Trần Quốc Duyệt

Thạch tâm bất cộng Phú-sơn đổi,
Sáu cốt lằng lẳng kiện cốt thời.
Túng tử định truyền lưu huyết sử,
Thử sinh tu thương đoạn đầu đài.
Quốc hồn liên dạ chiêu thiên vấn,
Tài tuần hà niên quyền thổ lai?
Cần-hải trào thanh vị thù yết,
Tà dương ỷ ngạn hữu dư ai.

DỊCH :

*Lòng đá không nghiêng với Phú-sơn.
Nêu cao khi cốt núi không mòn.
Chết đi để máu ghi vào sử,
Sống bị rơi đầu thế mới hơn.
Hồn nước kêu trời ta thử hỏi:
Anh tài bao thuở kéo về luôn?
Tiếng triều Cần-hải vì ai nghẹn?
Dựa núi tà dương giọt lệ tuôn.*

TRẦN PHÚC ĐỊNH

Trời gây vạ cho nước ta, đòi chủ làm nô. Những bọn sợ vạ lây muốn cầu an phần lớn quý gối theo giặc, theo sóng đuổi gió. Tìm người có thể vững như cột đá giữa dòng, nào có mấy ai? Đồng chí ta Trần Phúc Định ở dưới cường quyền áp chế mà vẫn nắm vững đại nghĩa, không theo thói đời, thiết là người vững như sắt. Tên chữ ông là Tri Chỉ, người tổng Bình-phú, tỉnh Vĩnh-long, tính vốn cương trực, rất có thói nghĩa hiệp. Thường ngày gian nan nói giống khác chà đập, đau xót vì nước bị đui vong, tự lấy việc quang phục làm thiên chức thần thánh của mình. Ông bôn tẩu đông, tây hàng năm chịu khó.

Thế mà việc chẳng chiều lòng, mưu tính mãi mà bị thất bại; một mình khôn chèo chống nổi, trời làm như thế biết sao bây giờ! Khoảng các năm Bính ngọ, Đinh vị⁽¹⁾ tin Hội chủ xuất dương chấn động khắp nước, bài văn « Phổ cáo lục tỉnh » đồng thời lan khắp Nam-kỳ. Ông được tin, nói với người ta rằng: « Chí nguyện của tôi thế là thực hiện được. Dòng vua đông du, sự nghiệp quang phục đã có người rồi, tráng sĩ lập công chính là thời này ». Thế rồi ông cùng Nguyễn Thành Hiến và các phụ lão Nam-kỳ độ 20 người, tổ chức đoàn

1. 1906 — 1907.

xuất dương. Hồi thứ nhất có các ông Bùi Chi Nhuận, Hoàng Hữu Chí, hồi thứ nhì có các ông Hoàng Hưng, Lưu Do Hưng, Đặng Bình Thành kế tiếp xuất dương. Ông ở trong nước cố sức mở mang để chọn thêm nhân tài và trù liệu tồn phí, gây cơ sở cứu quốc cho tương lai. Ông lại đề ý chấn hưng tân học, thu thập kiến thức mới, nghĩ rằng mình không làm trước thì còn khuyến khích được ai. Đến tháng hai năm Mậu thân⁽¹⁾, ông tự đem con là Phức An, Ngọc Thư và hơn 10 học sinh qua Nhật cầu học.

Lúc đến yết kiến Hội chủ, nói rõ cái chí của ông, Hội chủ rất là khen ngợi, rồi sai ông trở về mưu cuộc đại vận động. Lúc ra về ông dặn hai con rằng: «Thân của các con đã hứa với Tổ quốc, với Hội chủ rồi. Từ nay cần chịu đựng gian khổ, cố gắng học tập, đem khả năng hiến cho quốc gia, đừng lo nghĩ gì đến cha nữa. Tiên triết có nói: «Vi nước quên nhà, vi vua quên mình, các con ghi nhớ lấy. Nếu trái lời ấy thì không phải là con cha, cha sẽ không cùng gặp mặt các con, chỉ có chết mà thôi». Lúc đó hơn 20 học sinh nghe ông nói đều khóc mà tiễn chân ông, Hỡi ôi! Tình thành đến thế, vàng đá cũng phải chuyển, cái nghĩa khí cảm người ta sâu đến như thế! Sau khi về nước, ông hết sức bôn tẩu lại đem ra hơn 60 học sinh nữa, ngày tháng 3 năm Canh tuất⁽²⁾ việc bị lộ, giặc Pháp bắt ông ra tòa, tra hỏi việc đảng và hỏi hai con ở đâu. Về người đảng việc đảng, ông nhất định không chịu nói chỉ nói hai con ở nhà người bạn họ tại Hương-cảng để học tiếng Anh. Giặc Pháp không biết làm sao mới bỏ ông vào ngục. Lúc đó đảng bị bắt bỏ nhiều, các đồng

1. 1908.

2. 1910.

chí Nam, Trung, đều bị cầm tù, nhân tâm phần uất, toàn Nam-kỳ hầu như sôi sục muốn nổi dậy. Giặc Pháp sợ mới tha ông ra. Ông được tha rồi, thì lòng yêu nước lại hăng hơn trước; ông thường đi lại các hương thôn để tuyên truyền cổ động. Mồng 5 tháng 5 năm Tân hợi⁽¹⁾ đến hạt nợ để bàn việc đảng, đi bộ đến hơn 10 ngày, nhân trời nắng to như giúp sức cho giặc Pháp, ông cảm bệnh nhiệt, mất tại nhà một người đồng chí. Lúc đó ông bốn mươi năm tuổi. Ôi! ông tuy chết mà tấm lòng son vẫn mạnh, muôn thuở vẫn còn, ngày nào nước Nam trùng hưng, thì tên tuổi dấu vết của ông sẽ truyền mãi trên bia kỷ niệm.

Thơ điệu

Cần-hải cuồng đào dạ dạ mình,
Giang sơn lưu thế lệ tung hoành.
Hung vong vì liễu sắt phu trái,
Gian hiểm ninh từ vạn lý chinh.
Nghĩ bả đan tâm hồi nhật chiếu,
Cảm tương xích thủ hương thiên kinh.
Thân nhi ưng giải trùng tuyên ý,
Quân quốc thâm ư cốt nhục tình.

DỊCH:

Bề Cần sóng mạnh mỗi đêm kêu,
Nghĩ đến non sông giọt lệ trào.
Món nợ sắt phu chưa trả hết,
Con đường gian hiểm cứ đi liều.
Lòng son vững nhật đã soi tỏ,
Tay đổ ngang trời hướng thẳng nêu,
Con biết lòng cha cần nhận rõ:
Tình vua tình nước nặng hơn nhiều.

1. 1911.

Châu ngọc liên quân ủy kiếp hồi,
Bình sinh tráng chí hiệp phong lôi.
Ưu thiên lệ hướng tam canh lạc,
Tuần quốc thân tòng vạn lý lai.
Đạo tằng kỷ nhân bi chinh sĩ,
Thời nguy liên tuế thất anh tài.
Giang sơn độc bảo trường thanh chí,
Tọa ngã vân gian vọng cứu cai.

DỊCH:

Thương anh châu ngọc đã thành tro!
Tráng chí sinh bình sấm gió to.
Canh vắng lo trời rơi lệ khóc,
Đường dài vì nước hiến thân cho.
Ai thương chinh sĩ đời đen bạc?
Bỏ mất anh tài việc đáng lo.
Quyết chí gan trong non nước lại,
Phương trời chín cõi lẽ thâm dò.

1. Theo « Nam chi tập » thì bài thơ phụ lục trên đây là của Nguyễn Thượng Hiền điệu Đỗ Cơ Quang.

CHUYỆN CHÉP CHUNG CÁC LIỆT SĨ
LÊ VĂN TẬP, NGUYỄN VĂN KHUYẾN

Lê Văn Tập tên chữ là Văn Phúc, người xã Đa-cốc, phủ Kiến-xương, tỉnh Thái-bình, lúc nhỏ ông có chí khí khác người, khinh những kẻ xu thế; gặp khi nước mất lại thêm có tình khảng khái bi ca, giận đời và cố gắng lấy việc giết giặc báo nước làm nghề nghiệp, rồi bỏ việc nhà không xem đến nữa. Người nhà có lúc trách ông thì ông giận mà bảo: « Nước cũng mất nữa là nhà ». Thế rồi chuyên học nghề cưỡi ngựa cầm gươm, và có lúc lấy nghề tập võ nghề kiếm dạy cho thiếu niên, dự bị dùng khi giết giặc. Trước kia, khi Bắc-kỳ mới mất, người các phủ huyện khởi nghĩa khá nhiều. Ông và các ông Nguyễn Tất ở Trình-phố, Vũ Hữu Lợi ở Giao-cù mong phục thù nước. Nghĩa kỳ nổi dậy nhưng cuối cùng vì thế giặc to lớn mà nghĩa quân thì súng đạn hết cả, nên nổi đầu thua đó. Các người đồng sự cùng ông nhiều kẻ hàng giặc. Chỉ có ông thì chí xưa giữ vững không thay đổi. Đã sáu, bảy năm ông lên đi các địa phương, tổ chức đồng chí, nhưng chưa có kết quả. Khoảng năm Nhâm tý, Quý sửu ⁽¹⁾, Hội Việt-nam quang phục lập chi bộ ở Long-châu. Ông nghe tin rất mừng, nói rằng: « Chí ta lần này thực hiện được ». Thế rồi

1. 1912 — 1913.

ông mạo hiểm bỏ nước xuất cảnh cùng người đảng hợp ở Long-châu. Lúc đó đảng ta mới lập tiệm buôn Hồng-xương ở Long-châu trên bờ sông để làm nơi giao thông bí mật, mới khuyên ông ở lại Long-châu đảm nhiệm việc đảng, ông nhận lời. Ở Long-châu hơn một năm, ông làm việc đảng rất cần khổ. Mật thám Pháp qua Long-châu dò biết mới giao thiệp với quan lại Trung-hoa, yêu cầu bắt giữ. Ngày mồng một tháng tư năm Giáp dần⁽¹⁾ ông bị bắt giao cho Pháp giải về nước. Thuyền tới ghềnh Áp-tử, nhân lúc tên quan lại ngủ, ông uống thuốc độc tự tử, nhưng chưa chết, người Hoa đi theo lại đưa trở lại Long-châu, đến ngày mồng ba mới chết. Lúc đó ông năm mươi nhăm tuổi. Người cùng ngày tuần nạn với ông là Nguyễn Khuyến. Văn Khuyến người xã Thái-hòa, huyện Chương-mỹ, tỉnh Hà-nội làm nghề thợ may. Trong bạn thợ may ông lại là người trọi hơn cả; ông thấy một tui xu phụ quyền thế làm nghề ăn xin mà lên mặt với hàng xóm, ông rất lấy làm khinh bỉ, không thêm nói chuyện.

Năm Nhâm tý lên sang Long-châu, họp với các đồng chí, xin đảm nhiệm các việc trong tiệm buôn Hồng-xương. Mỗi lúc say rượu đỏ tai thì nói với các đồng chí: « Nước nhà mất còn, sắt phu có trách nhiệm, chúng ta ngày nay đã đem thân hứa với nước với đảng, thì nên hy sinh cái khoái lạc một mình, để gắng sức làm việc nước việc đảng cho tiến bộ, hết lòng hết sức, sao cho làm tròn nhiệm vụ ». Các đồng chí đều yêu mến ông. Tính ông siêng năng lại lo lắng việc công, lúc cung tận tụy, đêm ngày không nghỉ, cùng làm việc với Lê Văn Tập trong hơn một năm, việc tiệm buôn thịnh lên. Cũng vì Pháp — Hoa giao thiệp, bọn quan

1. 1914.

Hoa bắt ông giao cho Pháp. Ngày 24 tháng 3 năm Giáp dần ông bị bắt, ngày mồng một tháng tư ông cùng Lê Văn Tập bị giải về Nam. Có bao nhiêu của cải trong tiệm đều bị tịch thu giao cho Pháp. Tiệm buôn thế là tan. Ông đi đến ghềnh Áp-tử cùng Lê đều uống thuốc độc. Sức thuốc nhẹ không chết được, tên lính người Hoa đi theo đưa trở về Long-châu. Dọc đường ông nhảy xuống sông nhiều lần đều bị tên lính người Hoa cứu lên. Đến tối ông chết ở trong dinh Đốc biện người Hoa; lúc đó ông mới hai mươi tám tuổi.

Lời viếng Lê Văn Tập

Long-thành triều triều thăm vãn bố,
Nhĩ-hà dạ dạ đào thanh lộ;
Cục mục tình tảo vô nhân trừ,
Quyết chiến sơn hà thông Lê Tồ.
Ưc tích ngũ thập vạn Ngô binh,
Lời oanh điện tri xu Việt kinh;
Trường khu tạt quyền sở thập tỉnh,
Quảng-nam dĩ bắc vô ngoan thành.
Lam-sơn động lý xuất thần thánh,
Đại hô nhất thanh vạn hưởng ứng;
Tảo đẳng Ngô binh hoàn cổ đô,
Việt quốc Việt dân phổ thiên khánh.
Công đức thủy kim ngũ bách niên,
Thần miếu thánh duệ miên miên truyền;
Nhất triều đề đầu sự dị chủng,
Nhục ngã sơn hà tu ngã tiên.
Ngã sinh hạnh ký Việt nhân xưng,
Hưởng phục Lê hoàng chi vãn nhưng;
Yêu gian bảo đao hàn như băng,
Thệ châm cừ huyết điện cao tăng.
Sinh bất doãn cừ huyết,
Tử tất đoạt cừ phách.

Tinh linh thượng hạ tổ chi bàng,
 Hóa vi tứ thiên lồi hách hách;
 Ngã chí dĩ quyết phần qua tiền,
 Khu khu vi sinh phục hà tích.
 Ngưỡng thiên đại tiểu xuất quốc môn,
 Tê phong hiệp vũ thiên lý bồn;
 Đáo xứ sơn hà nhiệm ngã lệ,
 Xích vân hồng nhật thê ngã hồn.
 Ngã hồn dạ dạ trực minh nguyệt,
 Lâm ngã thành lâu chiếu kinh nguyệt;
 Tân trào bành bãi thù vi nghinh,
 Cự tượng thê lương bất nhĩn thuyết.
 Thương thiên truy cứu vô nhân kinh,
 Lực bất như tâm không thể linh;
 Anh hùng khổ vô dụng vũ địa,
 Nhất phiến tĩnh thổ hoàn ngô sinh.
 Hu ta hồ trung nguyên,
 Cứu lỗ vị diên diệt.
 Độc hà diện mục,
 Giang-dông trùng lai kiến phụ huynh.

DỊCH:

Mỗi sớm Long-thành mây thăm phủ,
 Mỗi tối Nhị-hà tiếng sóng vỗ,
 Kia giống hội tanh không ai trừ,
 Non sông huyết chiến nhớ Lê Tổ.
 Nhớ xưa Ngô đem mười vạn binh,
 Sấm vang chớp nhoáng đến Việt kinh,
 Mau chóng ruổi dài vài mươi tỉnh,
 Quảng-nam về Bắc hết mọi thành.
 Trong động Lam-sơn ra thần thánh,
 Kêu to một lời muôn tiếng ừng.
 Quét sạch quân Ngô thu Cổ đô,
 Trời Việt nhân dân mừng quốc khánh.
 Công đức nay năm trăm năm rồi,
 Con thần cháu thánh truyền đời đời.
 Một mai cúi đầu thờ giống khác,
 Non sông tiên tổ nhục lắm thôi!
 Tôi may sinh ra người Việt bang,
 Huống lại dòng dõi của Lê hoàng!

Lương mang con dao lạnh như giá,
 Thê đem máu giặc tể Cao tăng.
 Sống không uống máu giặc,
 Chết phải làm giặc hoảng.
 Hồn thiêng xung quanh ông tổ ta,
 Tiếng sấm bốn phương kêu choảng choảng.
 Chỉ ta đã quyết trước gươm dao,
 Còn tiếc cái thân là không đáng.
 Đi ra cửa nước nhìn trời cười,
 Dày mưa dạn gió muôn dặm khơi.
 Đến đâu non sông nhuộm nước mắt,
 Trời hồng mây đỏ hồn ta ngời.
 Hồn ta đêm đêm theo minh nguyệt,
 Đi đến trên thành soi kinh nguyệt,
 Nước triều mới lên hầu đón ai?
 Cảnh cũ buồn rầu nói khôn xiết.
 Trời sập không ai chống nổi mà,
 Sức chẳng theo lòng giọt lệ sa.
 Anh hùng khổ không đất dụng võ,
 Một nơi đất tĩnh chôn thân ta.
 Hỡi ôi Trung nguyên!
 Giặc cướp chưa diệt được,
 Còn đâu mặt mũi,
 Về Giang-dông gặp phụ huynh nhà!⁽¹⁾

Phụ lục: Thơ Hoàng Ngọc Long điệu Lê Văn Tập

Vạn lý gian quan cộng sách tiên,
 Thê giai bắc khứ hựu nam hoàn.
 Hồng la ngư vãng sơ khai hạ,
 Phụng biệt kê thê cận táp niên.
 Vân thụ cảm thâm như thử nhật,
 Giang sơn tĩnh trọng nại hà thiên.
 Long đao nguyện trăm cứu nhân quắc,
 Huyết tửu tam bôi diện mộ tiền.

1. Hạng Võ đi đánh thua, người lái thuyền khuyên về Giang-dông. Võ nói: «Ta còn mặt mũi nào dòm người cũ», rồi tự tử.

DỊCH :

*Gian quan muôn dặm bước song song,
Đi Bắc cùng thề trở lại Nam.
Lưới cá hồng sa đầu tháng hạ,
Chuồng gà phụng vắng sắp đầy năm.
Ngàn mây ngày nọ tình riêng cảm,
Non nước trời này dạ cũng cam.
Đầu giặc nguyện đưa dao chém đứt :
Ba tuần rượu máu trước mồ thăm.*

Lại một bài viếng Nguyễn Văn Khuyến

*Thân diệp giang sơn trọng,
Tâm ninh mộc thạch si.
Tấn thân tâm hủ lão,
Nô lệ bạc sản nhi.
Quốc trách sắt phu hữu,
Hạ khuynh quân mộc chi.
Nghĩa quan thiên hạ công,
Lợi khởi nhất thân ti.
Khuyết hám lao quân bỏ,
Tinh can hứa chúng phi.
Thệ cứu qua đương chậm,
Âm hận huyết hòa chi.
Khí dữ cường quyền chiến,
Hồn chung ngã đảng tùy.
Tha thời điều kỳ liệt,
Áp thủy yết dư bi.*

DỊCH :

*Non nước thân xem nặng,
Gỗ đá lòng há ngáy.
Thẹn tấm thân cô hủ,
Ghét nô lệ mặt dày.
Sắt phu mang nợ nước,
Nhà đồ chống nhiều cây.*

*Là nghĩa chung thiên hạ,
Há lợi một mình này.
Thiếu, có ông bồi đắp,
Gan cùng chúng phôi bày.
Giết giặc dao đầu gối,
Giận thù chén rượu say.
Khí cùng cường quyền đánh,
Hồn theo đảng ta bay.
Ngày nào lễ liệt sĩ,
Nước Áp ghen ngào thay.*

thuongmaitrangxua.vn

ĐỖ CƠ QUANG

Tôi sắp viết tiểu sử ông Đỗ Cơ Quang thì trước khi đặt bút có hai điều kích thích trong đầu óc tôi. Còn việc đau đớn cho Đỗ thì là việc chính của đầu đề không cần bàn nữa. Thứ nhất là muốn tìm người có nhiệt huyết không nên câu nệ về hình thức; thứ hai là bàn anh hùng thế giới không nên do ở chỗ thành hay bại. Cho nên ai đọc văn tôi cũng nên xét ý tôi ở ngoài giấy trắng mực đen.

Đỗ Cơ Quang tên chữ là Chân Thiết người xã Thuận-hào, Hà-nội, ông là con quan Tri phủ Tĩnh-gia (Thanh-hóa), thân mình Đỗ nhỏ bé, diện mạo không hơn một người bậc trung, thế mà can đảm lại tày trời, mới là lạ!

Đời trước nhà ông lấy việc thi cử nghiệp mà nổi lên. Ông sinh ra dĩnh tuệ, ham học và thông chữ Hán. Tuy vậy ông không muốn học cho đến lúc thi đậu mà chỉ ham nói chuyện du hiệp. Năm Nhâm tý⁽¹⁾ bỏ nhà xuất dương. Lúc đó nước Trung-hoa dân quốc mới thành lập, ông đi lại với đảng cách mạng Trung-quốc để mưu cầu viện. Ông đi lại các nơi Hàng, Hộ, Tân, Phố⁽²⁾ đã một năm mà không được việc gì, nên lại trở về Việt

1. 1912.

2. Tức Hàng-châu, Thượng-hải. Thiên-tân, Phố-khẩu.

(Quảng-dông)⁽¹⁾ đi qua Quế (Quảng-tây)⁽¹⁾ sang Điền (Vân-nam)⁽¹⁾. Ông mới bị mật giao thiệp với các viên chức của đường hỏa xa tổ chức một đảng bí mật tại biên giới Điền-Việt (Vân-nam, Việt-nam)⁽¹⁾. Mùa đông năm Giáp-dần⁽²⁾, ông cùng đảng viên lên về Bắc-kỳ vận động lính tập mưu đánh úp Hà-nội. Vì các tướng hiệu và sĩ quan đều là người Pháp, nên khó làm mau chóng được. Thế rồi bị bại lộ. Ông và các đồng chí đều bị bắt. Người Pháp không tra xét gì cả, chỉ bẻ vào lời tố cáo của mật thám thôi. Đồng trong một ngày, ông và năm mươi tám người từ Kỳ Lan trở xuống đều bị tử hình, vứt thây ở ngoài thành Lao-kay. Tên tuổi 58 người đó hiện chưa biết rõ, đợi sau sẽ bổ sung, lúc Đỗ ở Việt (Quảng-dông)⁽³⁾ có làm thơ diếu các liệt sĩ Hoàng-hoa-cương, di cảo vẫn còn, nay xin sao ra sau đây, để thấy rõ một bầu tâm huyết của ông.

Than ôi! cuộc khởi nghĩa Vũ-xương nổi lên chưa đến 5 tháng thì Trung-hoa dân quốc thành lập, đó là kết quả của cuộc vận động quân đội. Nhưng thời thế và địa vị của cách mạng Trung-hoa so với ta bên nào khó hơn? Họ Đỗ ôm cái chí nổi dậy không kể mình, vào cái hang cộp muôn chết không một sống, muốn mưu sự nghiệp ngăn sông chuyển bể ở đội quân không có tướng hiệu chỉ huy, như thế tất phải bại mà không thành, đó là thế mà cũng là lý mà thôi.

Thế mà có kẻ lại cho họ Đỗ đã thất sách, đó là một nhận thức thô tục. Việc tuy không thành, mà một giọt máu tươi chảy ra, cũng đủ khởi mang tội với quốc dân ta. Còn cái hùng phong mạo hiểm dám làm thì muôn

1. Chú thích của người dịch.

2. 1914.

3. Chú thích của người dịch.

thuở cũng là bất hủ. Sao lại lấy thành bại mà nhận xét người được? Còn năm mươi tám người đồng bị chết, thì cái chí rất đáng thương mà việc rất đáng ghi vầy.

Bây giờ xét về bề ngoài, thì những người đi làm việc cho sở đường sắt để người Pháp tùy ý sai khiến, như thế có phải nô lệ cho Pháp không? Không, không phải thế. Các người là làm thuê, chứ không phải là làm nô lệ. Làm thuê là lo cho có cơm ăn áo mặc, do vấn đề sinh hoạt mà phải làm, đó là cái lẽ thường của nhân loại. Nô lệ là vì quyền lợi, do vấn đề trí thức mà làm, đó là cái biến tướng của loài thú. Con cạp, con voi, con hươu con vượn há lại không biết tìm loài chim muông, trùng cá và hái lá, quả cây cỏ để mà ăn, chúng nó có bao giờ bị nguy khốn về sinh hoạt đâu. Nhưng vì chỉ không bằng người nên người có thể săn bắt để mà đánh đập được. Khi đã rơi vào lao lung rồi thì chọn đời phải cúi đầu làm nô lệ cho người mà không thoát ra được. Nay ở nước ta nào quan lớn này, thân hào họ cũng là đồ cạp, voi, hươu, vượn làm nô lệ cho người Pháp mà thôi. Còn các người làm việc hỏa xa đâu phải như thế. Chỉ là làm công cho nhà tư bản rồi theo phạm vi công việc mà nhận tiền thuê, nếu tiền thuê không xứng với việc làm thì bỏ việc mà về, người thuê không có thể khinh rẻ ta, làm nhục ta được. Đó là khuôn khổ thường của tự do nhân loại.

Vì các người là người cho nên thấy đồng bào khổ nhục, thấy nỗi giống khác chửi đáp phụ huynh tử đệ ta, nên nuôi cái lòng không đội trời chung, cái lòng ấy càng lâu càng sâu, đợi cơ hội nhè chỗ hở mà phát ra; may mà thành công thì được gọi là đại anh hùng cứu quốc phục thù rất là xứng đáng, rủi mà không thành thì cái tâm sự đối với đồng chủng, đồng bào, cũng đủ bực bực với đương thời, không có thể vì việc làm thuê mà hạ

thấp giá trị các người được. Còn bọn quan to quan lớn thì tên là quan mà thực là thú, đó mới là nô lệ của Pháp. Nhìn lại năm mươi tám người đồng một ngày chết vì nghĩa ở ngoài thành Lao-kay, thì bọn này ăn thịt có ngon không? Cho nên tôi rất khâm phục cái chí các ông, mà mong người sau kế tục nổi dậy để làm tròn sự nghiệp. Vầy xin có thơ điệu như sau:

Điệu Đồ Cơ Quang

Quân khứ ư kim lục tải dư,
Giang sơn đồng khóc vị thủy cừ.
Nam tri bắc sậu tâm chung khổ,
Kiến chuyển khôn hoàn mộng tổng hư.
Thảm nguyệt chiếu tàn Nhai-thị trùng.
Sầu vãn tái mẫn Việt-Điền xa.
Tư quân cánh ức Hoàng-hoa cú
Khảng khái đương niên nhiệm huyết thư.

DỊCH:

Hơn sáu năm nay vắng tiếng ông,
Núi sông than khóc lệ tuôn ròng.
Đi về Nam Bắc lòng riêng khổ,
 Xoay chuyển căn khôn mộng hóa không.
Năm mộ Lao-kay vầng nguyệt rọi,
Con đường Điền-Việt đám mây lòng.
Nhớ ông lại nhớ Hoàng-hoa cú,⁽¹⁾
Khảng khái năm xưa vết máu hồng.

Điệu năm mươi tám người đồng ngày bị chết

Thê thiết đề oan giáp lộ trùng,
Nhất thành liệt huyết bích ngân phong.

1. Thơ đề ở Hoàng-hoa-cương.

Hành nhân lệ lạc vô đầu quĩ,
Cường lỗ tâm hàn hữu thích phong.
Tuyên hạ hồn ưng đi bảo kiếm.
Mộ tiên khí dục thổ tràng hồng.
Thiên thu quốc sử đăng quân bối,
Thần trụ hà tăng quĩ Lạc Long.

DỊCH:

Thê thảm kêu oan vắng tiếng trùng,
Một thành máu nóng ngấn rêu phong.
Người qua rơi lệ ma không trở ⁽¹⁾,
Lũ giặc kinh hồn nọc của ong.
Dưới suối hồn thiêng trao bảo kiếm,
Trước mồ khí mạnh nhả cầu vồng.
Ngàn thu sử chép bao tên tuổi,
Không then con nòi giống Lạc Long.

Phụ lục: Bài văn Đỗ Cơ Quang diên 72 liệt sĩ
ở Hoàng-hoa-cương

Kính gửi các quý vị Đồng minh Hội Trung-hoa dân
quốc xét,

Tôi là người Việt-nam cũng là một người cách mạng
trong hội vong quốc chạy khắp Đông Tây để cổ động
phong trào, kêu gọi trong ngoài. Gần đây được nghe
nghĩa kỳ dân quốc dựng lên, tôi có ý đi đến giúp đỡ,
lúc đến thì việc ổn định rồi, tôi ở lại Việt thành (tức
Quảng-châu) ⁽²⁾ thăm Hoàng-hoa-cương xưa, thấy mây
đỏ bay lên, cỏ thơm mọc rậm; tôi khâm phục cái anh
phong của 72 liệt sĩ, ngẫm nghĩ một lúc, mới đặt tay
lên trán mà chúc; chúc rằng: «Đường cách xán lạn,
thế giới đều khen, rực rỡ Trung-hoa, liệt sĩ làm nên,

trời giúp quốc dân, ngày tiến văn minh, lúc sống là
vinh, lúc chết đề tên, hồn xưa thiêng liêng, lộng lộng
thiên đường, non sông sinh sắc, nhật nguyệt sáng ngời
tôi nhìn đại lục, chỉ máu là hơn, mạnh thay thiết
huyết, làm gương thiên hạ, vài lời thơ tiễn, đề mừng
các tiên linh của giống da vàng chúng ta, cũng là vì u
hồn của các vị trong nước đã mất trước mà than khóc
vậy. Nay đọc báo Hộ, (tức Thượng-hải) ⁽¹⁾ lại vừa là
ngày lễ kỷ niệm, đọc bài văn kỷ niệm, tôi vừa thương
xót vừa mừng thầm trong lòng.

Than ôi! trên mặt địa cầu, Việt-nam chúng ta ở đâu?
Trong năm mươi năm các vong nhân chí sĩ, bể máu núi
xương, không kể xiết được, máu tươi anh hùng toan mai
một, đau thương không nổi nhìn lân bang. Tôi chúc Trung-
hoa, tôi chúc các liệt sĩ Trung-hoa, tôi thương cho Việt-
nam tôi, tôi lại thương cho các liệt sĩ Việt-nam tôi.
Nhân tiện tôi làm hai bài này để trình các vị xem. Có
phải văn chương gì đâu, chẳng qua cũng là để làm lễ
tế các người xưa và biểu đồng tình với các chú bác,
anh em trong đồng châu mà thôi.

I

Hoàng-hoa-cương, Hoàng-hoa-cương,
Vạn cổ hoàng hoa bất khả vương.
Vô cạnh thần châu duy thiết huyết,
Tối linh hiệp khí định kim thang.
Vũ đài thanh sử khoái chân khoái,
Tân quốc nhân tâm cường mạc cường,
Tự do chung chàng, độc lập kỷ trường.

II

Hoàng-hoa-cương, Hoàng-hoa-cương,
Bàng nhân đối thử trượng thê lương.

1. Chú thích của người dịch.

1. Đầu, tiếng miền trong.
2. Chú thích của người dịch.

Trung quốc Hoàng-hoa thất thập nhị,
 Đồng bào tân tú tượng.
 Ngã quốc Hoàng-hoa tam thập niên,
 Hiệu kiếp nhập Hồng dương.
 Chung tộc cạnh tranh thiên diễn kịch,
 Anh hùng thiết huyết chấn tang thương.
 Ngã Việt-nam vương bất vương,
 Hoàng-hoa hà qui thử hoa hương.

DỊCH:

I

Hoàng-hoa-cương, Hoàng-hoa-cương,
 Muôn thuở không quên vẽ hoa vàng.
 Ai sánh thần châu⁽¹⁾ vì thiết huyết,
 Hiệp khí thiêng liêng định kim thang⁽²⁾.
 Sứ xanh để đời thiết là khoái,
 Nhân tâm nước mới mạnh khôn đương!
 Tự do chuông đánh, độc lập cờ dấy.

II

Hoàng-hoa-cương, Hoàng-hoa-cương,
 Người qua trông thấy những thê lương.
 Hoàng-hoa Trung-quốc bảy mươi hai;
 Đồng bào mới vẽ lượng.
 Hoàng-hoa nước ta ba mươi năm,
 Vẫn là kiếp Hồng-dương⁽³⁾.
 Nói giống cạnh tranh tưởng thiên diễn,
 Thiết huyết anh hùng giữ tang thương.
 Việt-nam ta mất hay còn,
 Hoàng-hoa không thẹn với mùi hương.

1. Chỉ đất linh thiêng.

2. Kim thành thang trì: thành vững như đồng, hào xung quanh thành hiểm trở như ao nước sôi.

3. Vận tai ách.

Lại trích một thiên trong tập « Nam chi »
 của Đinh Nam nói về cảm xúc khi đọc thơ
 Hoàng-hoa-cương của Chân Thiết

Trường hồng quán thiên yêu vụ khởi,
 Thất thập nhị nhân đồng nhật tử.
 Hoàng-hoa-cương đầu bạch nhật huân,
 Thục phách đề sù huyết ngân tử.
 Vạn phương yếm Hồ như yếm Doanh,
 Tráng phu phó nghĩa vong tử sinh;
 Quân qua tòng thử ế bốn lộc,
 Thục phi nhất kích đương tiên thanh.
 Dân quốc công huân huy giản sách,
 Thiên ngã vô thành do tác khách;
 Hồi đầu nam cực vân minh minh,
 Khởi vô trung hồn dữ nghị phách.
 Đông-kinh nghĩa đảng sù hiêu đi,
 Sự tuy phát tự kể diệc kỳ;
 Đoạn đầu dài thương tự tráng sĩ,
 Bích huyết sai thiên thiên diệc bi.
 Yên-thê tam niên chiến cường lỗ,
 Bành phu chi dũng địch thiên hồ;
 Chiến thanh táp địa yên trần hôn,
 Bạch cốt như sơn ủy lâm mỗ.
 Vong nhân vạn lý bốn tri lao,
 Thương tâm cố quốc trưởng bằng cao;
 Tọa sử anh thanh cánh mai một,
 Hu ta thử tội qui ngô tào.
 Cộng thử minh tâm tuyết thù sĩ,
 Tài phương tổn nhân kim thượng nhĩ;
 Chung đương bách chiến phục sơn hà,
 Hải quốc phong vân tráng tân sử.
 Vạn nhân cử tửu thù trung trình,
 Hiệp cốt lưu hương văn bát hoành;
 Dương-Thành, Việt diện cách nhất thủy,
 Thiên thu nghị khí câu chanh vanh.

DỊCH:

Vòng dài suốt trời mù đen ngịt.
 Bảy mươi hai người đồng ngày chết.

Đầu cồn Hoàng-hoa mặt trời im :
 Hồn Thục kêu sầu mán thành vết ⁽¹⁾.
 Muôn phương ghét Hồ như ghét Đinh ⁽²⁾,
 Tráng phu theo nghĩa quên tử sinh.
 Mọi đao từ đó giết hươu chạy ⁽³⁾,
 Đánh cho được trước mọi người giành.
 Công lao quốc dân ghi sử sách :
 Tôi chưa làm nên còn là khách.
 Ngoảnh đầu về Nam mây mờ mờ,
 Há không trung hồn và nghi phách.
 Nghĩa đảng Đông-kinh xưa cũ điều,
 Việc tuy không thành kể cũng mau,
 Trên dải đoạn đầu hội tráng sĩ,
 Máu đỏ rưới trời trời cũng đau.
 Yên-thế ba năm chống cường lộ ⁽⁴⁾,
 Sức mạnh trăm người địch ngàn hồ,
 Tiếng thét rộ đất khơi bụi mờ,
 Xương trắng như non gửi cây cỏ.
 Chúng tôi chạy vậy muôn dặm ngoài,
 Đau lòng cổ quốc loạn lạc hoài.
 Nếu dễ tiếng người bị mất một,
 Không tội chúng ta thì tội ai?
 Cùng nhau thề lòng rửa rửa cầu si,
 Tài còn kém người nay phải thế,
 Rồi sẽ trăm trận lấy non sông,
 Bể nước gió mây ghi tên sử.
 Muôn người nâng rượu chúc trung trinh,
 Xương dễ mùi thơm khắp xung quanh,
 Thành Dương ⁽⁵⁾ cõi Việt cách một nước,
 Ngàn thu khi mạnh đều chanh vảnh.

1. Vua Thục mất nước hóa thành con cuốc, cuốc kêu nghe giọng sầu thảm.

2. Hồ : dân tộc miền Bắc thường xâm lược Trung-hoa ; Đinh : họ Tản Thủy Hoàng có chính sách tàn bạo. Cả hai đều bị nhân dân oán ghét.

3. Hươu : nhà Tản mất nước, mọi người giành nhau thiên hạ như đuổi hươu.

4. Nói việc Hoàng Hoa Thám.

5. Thành Dương : hay Dương-thành tức là thành Quảng-châu, tỉnh Quảng-đông (Trung-quốc).

CHÉP CHUNG CHUYỆN NGUYỄN ĐỨC CÔNG, NGUYỄN THỨC ĐƯỜNG

Huyện Chân-lộc⁽¹⁾, tỉnh Nghệ-an, phía Tây núi Ngự, phía Đông Hồng-lĩnh có một kỳ nam tử họ Nguyễn tên là Đức Công. Thuở bé học chữ Hán, phụ huynh dùng sách chữ Hán dạy cho. Thiên tính lanh lẹ, hề dạy cho một lần là đọc được ngay và nhớ được ngay. Làm văn giỏi đi thi thử tức đậu đầu. Gặp nước mất, năm đầu Hàm Nghi, người Pháp đem quân chiếm thành Nghệ-an, thân phụ ông bỏ quan về làng. Ông thương xót cho đời mà ghét thế tục, thẹn vào quan trường nô lệ, chán khoa cử nên không để ý đến, thường phần uất không hài lòng thì hay uống rượu, gảy đàn ca hát, than thở ngậm nga đề tiêu khiển. Dầu anh em trong nhà cũng không dò biết được ý ông. Mỗi lúc có xúc cảm gì thì thở dài mà than rằng : « Đường đường một đấng nam nhi, sinh gặp nạn nước mà cứ vui đầu với bút hư mực hồng làm bạn với loài một sách để trọn đời làm một hủ nho ư ? » Lúc đó cái ý chí sắc nhọn tuy chưa lộ ra, nhưng cái chí ngựa ký ra chuồng, điều hâu thoát lồng được chứa chất từ lâu, cho nên ông vốn không thể cúi đầu cụp tai dưới ách cường quyền được. Tháng hai năm Mậu thân ⁽²⁾ Hội chủ gửi thư về dặn Ngự Hải

1. Tức Nghi-lộc, hiện nay.

2. 1908.

chọn nhiều học sinh sang Nhật du học. Ngự Hải đem thư cho ông xem, ông rất mừng nói: « Đây là chí của tôi! » Đến tháng tư năm ấy ông qua Nhật, và tháng năm thì vào học tập ở ban đặc biệt của Đồng văn thư viện Đông-kinh. Lúc đó học sinh nước ta lưu học ở Nhật có đến hơn tám mươi người. Ông là người lớn tuổi nhất nhưng khi ra tập thể thao thì ông chăm chú luyện tập hơn cả bọn trẻ. Bộ dạng ông khỏe mạnh, đôi mắt ông sáng ngời, mày cong mũi thẳng, lúc tập quân sự xem như một chiến tướng mạnh, tiếc rằng chưa được thử thách, đáng tiếc biết chừng nào. Lúc ông lưu học ở Nhật, định học xong về nước, mang gươm đánh giặc, sẽ đi trước bạn bầu, nếu được chết ở dưới chiến trường thì lấy làm mãn nguyện. Lưu học tại Nhật mới hơn một năm chưa tốt nghiệp ở Đồng văn thư viện, thì người Pháp can thiệp với chính phủ Nhật, yêu cầu gấp rút phải giải tán đảng cách mạng Việt-nam; ở trong nước thì bỏ tù các đảng viên. Tại các ngã đường gần biên giới và giáp bờ biển, chúng canh phòng xét bắt gắt ngặt, không cho người trốn ra ngoài. Thư tín tiền bạc của Đảng ta đều bị chúng tịch thu. Chúng lại thi hành nghiêm ngặt cái luật cấm người trong nước giao thông với người nước ngoài. Vì thế các lưu học sinh đảng ta một thời gian hết cả tiền ăn học. Ông bị thiếu tiền ăn học, bắt buộc phải bỏ Nhật về Hoa, trú ở Dương-thành, mượn được nhiều sách mới nghiên cứu các khoa pháp chánh, kinh tế, sau vài năm ông thông thạo về các môn ấy. Mỗi lúc rảnh ông học thêm tiếng quan thoại để chuẩn bị vào trường lục quân Trung-hoa. Ông đã giỏi tiếng Trung-hoa rồi, vừa có người bạn Trung-hoa là Thái Tùng Pha, đã quen biết khi ở Nhật, điều khiển quân đội ở Quế-lâm. Ông yêu cầu Thái giới thiệu ông đến dinh luyện quân của lục quân và được cùng tập quân sự với người Hoa. Lại hơn một năm nữa thì các

kinh nghiệm về sự vụ trọng yếu của quân nhân, cách thao luyện chiến thuật, cho đến nhẫn nại lao khổ, ông đều thực tế học tập. Lúc đó cái tình sốt ruột muốn múa dao giết giặc khó mà ngăn cản được. Khi ông ra khỏi dinh là khoảng mùa đông năm Tân hợi⁽¹⁾. Mùa hạ năm Nhâm tý⁽²⁾ Trung-hoa dân quốc thành lập. Trong nước ta phong trào lại lên, nên lại có người kể tục mao hiểm xuất dương. Ông mới tổ chức cơ quan liên lạc các đồng chí, dự thảo bản luật quân cảnh lâm thời, cách thức trưng binh, trả lương thưởng, nơi tích trữ tài liệu và các công văn, công thức. Ông lại khởi thảo cuốn Quang phục quân phương lược. Phàm việc chuẩn bị tiến hành tương lai ông đều bụng suy nghĩ tay viết ra, suốt đêm ngày không biết mỏi. Ông đã thề sẽ là người thực hành không phải chỉ là nhà nghị luận mà thôi. Trước kia ông đã phê bình quyền Việt-nam sử khảo của Sào Nam, văn viết rất hay mà lời lẽ rất đanh đá, tỏ vẻ rất lão luyện về văn mặc. Nhưng ông có phải chỉ giỏi như thế mà thôi đâu. Mùa thu năm Giáp dần⁽³⁾, Âu chiến bùng nổ, người Pháp luôn luôn bại trận. Lúc ấy ông lo khởi sự rất gấp, vào Điền⁽⁴⁾ rồi qua Yên⁽⁵⁾ từ Yên đi Quế⁽⁶⁾. Các đồng chí ở Quế cử ông làm Tổng tư lệnh Quang phục quân. Ông trù hoạch việc quân rất có mối manh. Nhưng vì kinh tế quân bức, các đồng chí lấy làm lo. Ông nói: « Thừa cơ hội này, tất phải có dịp đánh với người Pháp; cái cơ hội Quang phục vốn không xa nữa, nhưng dùng binh trước phải trù lương thưởng. Trong nước giao thông bị đoạn tuyệt, không thể trù được, không thể không

1, 2. 1911 — 1912.

3. 1914.

4. Vân-nam.

5. Nam-kinh.

6. Quảng-tây.

cầu ở ngoại quốc. Tôi nghe nói ở Xiêm-la có các nhà tư bản nọ, có lưu tâm đến nước Việt-nam ta, ta thử đi cầu viện xem; nếu họ vui lòng giúp thì có thể được việc. Tôi thử đi Xiêm xem sao» Lúc đó Pháp — Xiêm giao thiệp ngày càng thân mật, đảng ta ở Xiêm đã có nhiều người bị bắt, nên nhiều người can ông không nên sang Xiêm.

Ông khẳng khái nói: «Tôi há lại không biết là đường này nguy hiểm sao? Chỉ vì bỏ cửa nhà cha mẹ thân thích ra đi là vì muốn đánh giặc, nay giặc gặp lúc khốn quân, nếu không kịp thời để mất cơ hội này thì không có lại được nữa đâu. Nếu mạo hiểm mà thành công đó là phúc của nước ta, nếu mà có hại thì tôi cũng hết lòng thôi». Thế rồi ông từ châu Ung ra đi, đến Hương-cảng, nhân tàu Xiêm chưa đến, ông lưu lại vài ngày đợi tàu. Mật thám Pháp dò biết, ông bị bắt ở đó rồi người Anh đem nộp ông cho Pháp. Ngày đó là vào tháng 4 năm Ất mao (1). Than ôi! ông mắc phải tai và này thiệt là vì vấn đề tiền bạc, nhưng vấn đề tiền bạc làm sao mà để ông mắc lầm được? Chẳng qua là vì sốt ruột muốn đánh giặc mà thôi. Lấy học thức như ông, tài mao như ông, nếu chỉ tầm thường cầu an, dựa người mà sống, thì trong các bạn quen thuộc ở Trung-hoa, ông ở nhờ đâu lại không được, sao mà lại phải mắc vào lưới giặc? Ông bị giải về Bắc-kỳ, tòa án tra hỏi; ông khai rất là mãnh liệt, cứ nhận thẳng mà không quanh co gì, chỉ việc bí mật trong đảng thì không một lời dụng chạm đến. Người Pháp có người trọng ông không muốn giết ông, nhưng cũng không dám tha ông, mới kết án lưu chung thân.

Ông nói thẳng với người Pháp: «Chúng mày là bọn giặc văn minh, nếu có kinh nê tao thì cho tao một phát

1. 1915.

đạn là sướng hơn». Than ôi! đại trượng phu tha chết không tha nhục, tức là như ông! mùa đông năm ấy, ông cùng một ngày với Nguyễn Thức Đường bị bắn ở Bạch-mai thuộc Hà-nội. Lúc ông chết mới bốn mươi hai tuổi. Tên chữ ông là Báu Thụ, sau khi xuất dương vào các trường Nhật-bản và Trung-hoa, đổi tên là Hoàng Trọng Mậu. Lúc sắp bị bắn, ông có tự văn một câu liên rằng: «Yêu nước tôi gì? chỉ có tinh thần còn sống mãi — Ra quân chưa thắng, hãy đưa tâm sự gửi đời sau» (1).

Cùng đồng huyện với Báu Thụ lại đồng ngày xuất dương, đồng học, đồng sự, chí khí, thân thế, tư cách đại thể đều giống nhau, mà cũng bị chết một ngày với nhau, là Nguyễn Thức Đường, người Đông-chữ. Ông thân sinh là Nguyễn Thức Tự hiệu Đông-kê trước làm chức Sơn phòng sứ. Lúc kinh thành thất thủ ông bỏ quan về vườn ở nhà dạy học. Thức Đường là con trai giữa của ông. Đường tên chữ là Càn Kiện sau khi xuất dương đổi tên là Trần Hữu Lực. Ông tướng mạo đẹp, mặt tròn má đầy, sinh ra có tính khác người, ham phóng túng không chịu bó buộc. Lúc còn trẻ con đã có khí hào hiệp.

Nước mất giặc hoành hành, những bọn vô liêm sỉ đang đua nhau làm nô lệ, ông rất lấy làm thẹn. Lúc mười lăm, mười sáu tuổi ông đã nuôi cái chí đánh giặc phục quốc, nhưng chưa biết làm với ai. Một hôm ông đến nhà Sào Nam, Sào Nam đưa ông xem bản «Lưu cầu huyết lệ tân thư». Ông rất phấn khởi mang sách về nhà suốt đêm đọc không ngủ. Từ đó bỏ nghề học cũ, chuyên giao kết với các khách gươm, rượu. Ông thân dò biết, nhưng cũng không ngăn cấm được. Lúc mười bảy, mười tám tuổi ông đã đi khắp các phủ, huyện tìm

1. Ai quốc hà cô, duy hữu tinh thần lưu bất tử;
Xuất sư vị tiếp, thả tương tâm sự thác lai sinh.

các hảo hán đề cùng nói chuyện, nhưng cũng chưa ra manh mối gì cả. Sào Nam xuất dương chưa kịp nói với ông, ông nghe được bỏ nhà đi theo, đi bộ một tháng đến Bình-dịnh không gặp lại trở về. Lúc đó tân đảng mới thành lập, bọn chó săn cũng mọc ra nhiều. Ông chuyên lo việc kiếm hiệp, phàm bọn mật thám Pháp tàn hại người ta, nếu giết được thì ông giết ngay, không còn kể gì họa phúc. Vài năm như thế, tên ông bị lộ người Pháp biết được⁽¹⁾ truy nã ông gắt gao. Người đảng ta thấy ở trong nước nguy hiểm mới khuyên ông xuất dương. Tháng 4 năm Mậu thân, cùng các đồng chí đồng du đến kinh đô Nhật vào Đồng văn thư viện. Sau vì hết tiền ăn học, ông sang Trung-hoa ở Hộ-tân⁽²⁾ học tiếng Trung-hoa, tiếng phương Bắc, phương Nam đều giỏi cả. Vừa lúc trường cán bộ lực quân Quảng-tây tuyển học sinh, ông mới đổi tên tuổi, mạo quốc tịch Trung-hoa đi thi rồi được vào học, hơn hai năm thì tốt nghiệp. Ông lấy quốc tịch tỉnh Quảng-tây được bổ chức Bài trưởng. Chưa đầy ba tháng gặp cuộc cách mạng Trung-hoa. Ông từ chức. Về học văn quân sự ông đã thông thạo; lại nhân lúc đó phong trào trong nước bắt đầu lên, người đảng ta ra sức hoạt động. Ông nghĩ rằng: Bái Thụ đã đảm nhiệm miền Bắc, thì đã giúp việc được phía ấy rồi, nay về miền Tây cũng phải có người, đề đồng thời về nước làm chỗ dựa cho nhau. Thế rồi ông xin đảm nhiệm đường Tây.

Năm Nhâm tý⁽³⁾ ông rời Hoa đi Xiêm. Đến Xiêm rồi, ông đi lại tổ chức ở vùng Xiêm — Lào, nếm đủ các cảnh gian hiểm, nắng mưa đói rét, thế mà luôn luôn

1. Ông đã ám sát Cử Điem vì Điem báo với Công sứ Nghệ về việc Sào Nam mưu đánh úp Nghệ-an năm 1901.

2. Thượng-hải.

3. 1912.

vui vẻ. Than ôi! cái chí của ông là nếu được mang gươm súng đề gặp gỡ người Pháp ở chốn Long-thành, Thuận-kinh thì dầu chết cũng sướng biết bao! Trời ơi, trời ơi, sao lại nở chặn con đường của ông! Mùa hạ năm Ất mao⁽¹⁾ ông tổ chức đã có kết quả ít nhiều, sắp đem quân về liên hợp với trong nước mà nổi dậy thì bị mật thám biết, báo với Xiêm; người Xiêm bắt ông nộp cho Pháp, giải về Hà-nội. Lúc bị tra tấn ông đã làm lời khai kịch liệt. Người Pháp định kết án lưu hình chung thân như đối với Bái Thụ, nhưng ông cứ đòi được bắn chết. Mùa đông năm ấy ông bị bắn ở Bạch-mai, tuổi mới ba mươi. Ông người rất gan, diện mạo có vẻ nghiêm khắc, lúc ở trại lính, quân lính nhiều người thấy thì sợ. Tiếc rằng không được làm một chiến tướng nổi tiếng. Lúc ông sắp chết có làm một câu liên tự văn như sau:

«Non sông đã chết, ta há lại sống thừa, từ mười năm giữa kiếm mài dao, chỉ mạnh những mong phò Tồ quốc.»

«Ông cũng chưa thành, việc bồng đầu hòa hồng, dưới chín tuổi điều binh khiến tướng, hồn thiêng cầu giúp đội thanh niên»⁽²⁾.

Điều Nguyễn Đức Công

Đồng trụ lẫm Tiêu hán,
Ngư sơn chương hải đào.
Anh hoa chung độc hậu,
Khí phách trác xưng hào.
Phong tiêu xuất tục sáo,
Từ phú nhập phong tao.
Quốc gia đa nạn nhật,
Danh lợi đẳng nhân phao.

1. 1915.

2. — Giang sơn dĩ tử, ngô an đắc du sinh, thập dư niên luyện kiếm ma đao, tráng chí bôn phù hồng Tồ quốc;

— Vũ dục vị thành, sự dĩ tiên trung bại, cứu nguyên hạ điều binh khiến tướng, hùng hồn ám trợ thiếu niên quân.

Minh hồng cô dưỡng cách,
 Thi tửu mạn tiêu dao.
 Á lục phong vân cấp,
 Xuất dương động lưu trào.
 Phiên nhiên phán quyết khởi,
 Mạo hiểm từ bang giao.
 Đông du hoàn bắc khứ,
 Ma chiết kính kỷ tao.
 Triều triều thường học kiếm,
 Dạ dạ hựu phần cao.
 Tâm thượng tàng kinh vĩ,
 Hung trung bão lược thao.
 Tri khu hứa Tồ quốc,
 Thê hàng vong khổ lao.
 Phi tinh độ khe cốc,
 Bát chương xuyên lâm sào.
 Thiết thạch tổ sở trịnh,
 Hồng vũ nan vi dao.
 Bát tải hồ ngư thủy,
 Lương tinh câu tã giao.
 Mỗi đàm cừu sĩ sự,
 Thê cộng huy hàn đao.
 Cảnh ngoại đề kinh lý,
 Nam thiên tri vũ mao.
 Thủ điền bỉ xú lỗ,
 Lực cứu ngô đồng bào.
 Thương thiên hà vô tri,
 Trọc nê khốn long giao.
 Ngẫu thử truy ngư vông,
 Nhất tử biên hồng mao.
 Thung dung tựu quân nghĩa,
 Thâm thống đi ngô tào.
 Bích huyết thảo mộc nhiễm,
 Liệt phân sơn hà cao.
 Ta ngã chư đồng chí,
 Khoái lai sách chiến bào.
 Tảo tảo thâm cừu báo,
 Vô phụ ngã tri giao.

DỊCH :

Cột đồng ngút Tiêu hàn,
 Núi Ngự ngăn sông bể,
 Anh hoa chung đúc dày,
 Khí phách đáng xung hào.
 Phong tư khác thế tục,
 Từ phú rất phong tao,
 Nước nhà gặp nhiều nạn,
 Danh lợi bỏ không thêm,
 Chim hồng nuôi lông cánh,
 Thơ rượu tạm tiêu dao.
 Châu Á gió mây gắt,
 Xuất dương nổi tân trào.
 Tinh dậy khoác áo di,
 Mạo hiểm bỏ đất nước,
 Sang Đông lại đi Bắc,
 Gặp bao nhiêu khó khăn.
 Ngày ngày học múa kiếm,
 Đêm đêm đều đốt đèn.
 Trong lòng sẵn kinh vĩ,
 Trong óc đầy lược thao.
 Rong ruổi vì Tồ quốc,
 Ngược xuôi quên khổ lao,
 Vén sao qua khe hang,
 Vượt chướng chui núi rừng,
 Vốn lòng như sắt đá,
 Mưa gió chẳng lung lay.
 Tám năm như cá nước,
 Hai tình đều keo sơn,
 Cùng nhau chuyện cừu, sĩ,
 Thê cùng nhau mài đao.
 Ngoài cảnh cầm quân mạnh,
 Trời Nam chạy vũ mao.
 Tay giết quân giặc cướp,
 Sức cứu vớt đồng bào,
 Trời xanh sao không biết?
 Trong lầy khốn long giao.
 Bị rơi vào lưới cá,
 Chết nhẹ như lông hồng,

Ông thung dung chịu chết,
Lòng chúng tôi đau thương.
Màu đỏ nhuộm cây cỏ,
Mùi thơm khắp non sông,
Hồi đồng chí chúng ta,
Mau lại đòi chiến bào.
Sớm lo bảo thủ sâu,
Đừng phụ người tri giao.

Liên viếng

Tự huề thủ ly đồng, hốt thất niên gian, phong vũ trùng dương, quan san vạn lý, mỗi ư gian hiểm địa, đảm vì tửu tân vi sàng, thời đối tâm ngôn: sinh tử thế đương hùng chí khi, vô thư chi phục;

Ký phân khâm nhi tây, dĩ nhất tải bán, nhận âm cánh diều, hồng trảo không lưu, hoảng ư mộng mị trung, thanh như lời mục như cự, lai cáo dư viết: chân nam tử ninh ngọc nhi toái, vô ngỗ nhi toàn.

DỊCH .

Từ dất tay đời Đông bằng trong bảy năm, mưa gió ngàn trùng, quan san muôn dặm, mỗi ở nơi gian hiểm, mặt làm rượu gai làm giường, bấm bụng nói thầm: « Sinh ở đời này, thà giống trống mà bay, không làm giống mái mà nấp »;

Đến chia ào đi Tây, đã một năm rưỡi, tin nhà đã vắng, móng hồng không còn, bỗng trong giấc chiêm bao, tiếng như lời mắt như lửa, gọi tôi mà bảo: « Đã người nam tử, thà hòn ngọc mà nát, không làm hòn ngói mà nguyên ».

Phụ lục: Thơ diếu của Trần Quốc Duy

Tư nhân cánh dữ quốc câu vương,
Lỗ hỉ phiên giao ngã bối thương.
Đồ phụ hùng tâm khu vạn lý,
Không dư kỷ khí bạc tam quang.
Long thành tiên bích lưu kim cồ,
Hồng lĩnh đề quyên yết hải tang.
Khoái kiếm nguyện tương thù tử hữu,
Tửu hòa cừu huyết diện Mai-trang.

DỊCH:

Người này với nước mắt cùng nhau,
Giấc sượng nên ta phải ngậm sâu.
Muôn dặm hùng tâm âu đã phụ,
Ba quang⁽¹⁾ kỷ khí vẫn đua màu.
Long thành⁽²⁾ máu chảy trôi kim cồ;
Hồng lĩnh quyên kêu tửu bể dàu.
Gươm sắc xin trao người bạn chết,
Mai-trang⁽³⁾ tể rượu máu quân thù.

Lại một bài thơ diếu của Đinh Nam sau khi nghe Nguyễn Đức Công vì nước mà chết⁽⁴⁾.

Thiên vị thế phong nhất nhận qua,
Kính văn bảo kiếm dĩ trầm ba.
Lăng tằng khi cốt như kim thiêu,
Thất bại anh hùng tự cồ đa.
Nhất tử quang minh đồng nhật nguyệt,
Bán sinh bi phần vị sơn hà.
Tha niên tín sử tu di truyện,
Kỷ sĩ danh cao Việt Thạch qua

DỊCH:

Chim nhận đưa tin gió lạnh lùng,
Bỏ chìm kiếm báu luống đau lòng.
Nêu cao khi cốt đời nay hiêm,
Thất bại anh hùng tự cồ đông.
Một chết sáng ngời cùng nhật nguyệt,
Nửa đời căm giận bởi non sông.
Ngày sau chuyện cũ ghi vào sử:
Việt Thạch ngày xưa tiếng cũng đồng⁽⁵⁾.

1. Mặt trời, mặt trăng, sao.

2. Hà-nội.

3. Tức Bạch-mai.

4. Theo « Nam chí tập » thì bài này là của Nguyễn Thượng Hiền diếu Đỗ Cơ Quang.

5. Việt Thạch là Lưu Côn, tôi nhà Tấn, có chí đánh giặc, thường gối giáo nằm chờ sáng (trầm qua đãi旦).

Phụ lục: Một bài thơ cò phong diều
Nguyễn Thúc Đường của Sào Nam

Ngư đảo chi tây Hồng-lĩnh nam,
Linh tú chung vi khôi kỷ nam.
Đồng cân thiết cốt đặc lập khí,
Khí phách ngang nhiên chân bất phạm.
Hiệp yêu thường bội thiếu niên đao,
Hồ thành kinh khản nhận xuất thao.
Du học phong trào đầu nhiên khởi,
Minh tiên trực chỉ Phù-tang đao.
Tri khu hứa quốc khởi tri quyền,
Bắc lục, nam châu tảo dục biển.
Thao lược thư tăng dạ dạ công,
Kiếm thương thuật hựu triêu triêu chiến.
Thất xích cổ miện thời tự hỉ,
Đan đao sắt mã khoái ngô chi.
Sinh tu tảo tận quyền tu nhi,
Bất nhiên tử hướng sa trường tử.
Toàn Âu chiến vân thiên địa hôn,
Thừa thời cấp hưởng Tiềm thành hôn.
Dục bả nghĩa kỳ hướng nam chi,
Diệt diệt cừu lô tô quốc hôn.
Ngưỡng thiên phẩn tí huy kim qua,
Thời bất ngã dữ thiên nại hà?
Đoạn đầu dài thương khản quân tử,
Thập niên hoài bão không tư ta.
Tích quân tối thị yêu gian kiếm,
Vị thi cừu đầu phong cự liêm.
Tích quân tối thị kiên thương thương,
Đan nhục vị hứa cừu nhân thương.
Bì quân trọng vị giang sơn bì,
Huyết chiến quan hà thất kiện nhi.
Thống quân trọng vị ngô sai thống,
Phong vũ kê minh dữ thủy cộng.
Hu ta hồ quân hôn,
Quân tâm vị tử quân trường tồn.
Sơn hữu thời đảo,
Hải hữu thời phiên.
Ngã quân hữu thời Long thành đảo,
Cừu huyết vị quân châm mẫn tôn.

DỊCH:

Hồng-lĩnh về nam Ngư-dảo tây,
Khí thiêng chung đúc trai khôi kỷ;
Gân đồng xương sắt loài đặc biệt,
Khí phách ngang nhiên không ai bì.
Thiếu niên thường đã lưng mang đao,
Hồ thành⁽¹⁾ kinh thấy lưỡi ra bao,
Phong trào du học bỗng nổi dậy,
Thẳng nước Phù-tang tế ngựa vào.
Vì nước đi về không biết mối;
Bắc, Nam chạy vạy khắp mấy cõi.
Đêm đêm thao lược đọc không ngừng,
Ngày ngày sừng gươm tập rành rọt.
Nhìn thân bầy thước mừng khôn xiết,
Chiếc ngựa thanh gươm chí đã quyết.
Sống phải quét sạch bọn râu xồm,
Không thì thà lới sa trường chết.
Chiến tranh toàn Âu trời đất mờ,
Thừa thời kịp về thành Xiêm-la:
Muốn mang nghĩa kỷ về Nam dựng,
Giết giặc cứu sống hồn nước ta.
Gươm ngang giờ tựa trời cao,
Thời không giúp ta trời biết sao?
Trên đoạn đầu dài nhìn ông chết,
Mười năm hoài bão lũng kêu gào!
Tiếc ông lưng mang thanh gươm sắt,
Đầu giặc chưa thử gươm đã cắt.
Tiếc ông sừng đã mang trên vai,
Đan thịt chưa cho lưỡi giặc xơi,
Thương ông vì nước non mà thương,
Huyết chiến đã mất tay càng cường!
Đau ông đau vì chúng tôi nữa,
Gà gáy gió mưa ai bạn lửa?
Gọi ông hủ ba hồn,
Lòng ông chưa chết ông vẫn còn.
Non có khi ngã,
Bề có khi lay,
Quân ta có khi về Hà-nội,
Vì ông rót máu thù đầy chai.

1. Tức là làm chó săn cho giặc.

Lại phụ: Thơ diếu của Trần Quốc Duy

Cô phụ bình sinh cái thể hùng,
Nam thiên hồi thủ khắp thu phong.
Nhất kiên thư kiếm mai thành ngoại,
Kỷ bối hồ tránh lạc chướng trung.
Dĩ hĩ kiện nhi xưng hữu hiệp,
Đồ nhiên ngô bối thán vô hung.
Quốc hồn diếu diếu bình hồn tịch,
Xạ đầu quang dư vạn trượng hồng.

DỊCH :

Luống phụ bình sinh kẻ có tài,
Trời Nam sùi sụt gió thu bay.
Một vai thư kiếm chôn ngoài phố,
Mấy lũ hồ tránh chết ở tay.
Hào hiệp kiện nhi thôi đến thế! ⁽¹⁾
Chúng ta nhưng sự biết là ai? ⁽²⁾
Hồn quân hồn nước đành im lặng,
Sáng rõ ngôi sao vạn trượng dài.

Lại một bài thơ của Sào Nam

(Ở trong nhà ngục Việt (Quảng-đông) được tìm ba ông: Đỗ Cơ Quang, Nguyễn Đức Công, Nguyễn Thúc Đường chết vì nước mà làm ra).

Bích thiên mǎng mǎng hải mang mang,
Nhất chỉ thư lai vạn lệ hàng.
Đầu hận bất tiên bằng bối đoạn,
Tâm nan tịnh dữ quốc gia vương.
Giang sơn thặng ngã chi tàn kiếp,
Phong vũ tùy quân thiệp viễn dương.
Ngộ dạ đẳng tiền chiêu ảnh vãn,
Bách thân hà kể thực tam lương.

1. Là người có sức mạnh.

2. Việc nhưng tức là quân sự.

DỊCH :

Trời xanh bề cả mệnh mông,
Tiếp thư một bức muôn dòng sa châu.
Đầu không rơi trước bạn bầu,
Thân này há chịu mất theo nước nhà.
Cuộc tàn non nước còn ta,
Gió mưa theo bạn biển xa đi cùng,
Đèn khuya trông bóng hỡi lòng,
Trăm mình khôn chuộc ba ông bạn hiền.

VIỆT-NAM
NGHĨA LIỆT SỬ

thuongmaitruongxua.vn

QUYỂN THỨ HAI

TRẦN VĂN BÌNH

Trần Văn Bình người phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, gia đình theo đạo Thiên chúa, ông thân vừa sinh ông thì chết, nên ông bị mồ côi sớm mà lại nghèo. Ông thông minh, đi học được ít nhiều chữ Hán. Có tính khéo nên thấy đồ vật gì hay mò mẫm suy xét, khác người thường. Tuổi đã lớn thì Pháp chiếm Nghệ-an. Quân Pháp đến đâu nghĩa binh đều nổi dậy chống lại. Nhưng vì súng ống đạn dược kém cỏi nên đều bị tan vỡ không chống nổi. Ông biết rằng binh khí của người Pháp tinh xảo nên muốn học để theo kịp nghề giỏi của giặc. Nhưng thầy học không có, nơi học cũng không, chỉ lo nghĩ buồn rầu mà không đi đến đâu. Có lúc tham khảo những cuốn sách Tây đơn giản trong nhiều năm mà không phát hiện được gì. Không bao lâu người Pháp mộ người trong xứ làm lính. Ông có anh em vào trại lính mới giao du với họ. Có lúc họ đưa lên súng, hòm đạn, ống thuốc cho xem. Được các đồ ấy, ông xem đi xem lại, cách chuyển máy nạp đạn, mở đạn như thế nào, đều hiểu thấu. Cho đến cách chế tạo, cũng mười phần hiểu được bảy tám.

Thế rồi ông mua trộm ống thuốc đạn đem về, mở ra xem xét và đóng cửa nằm nhà suy nghĩ. Bỗng nhiên hiểu rõ, một lúc mà nghề hay tứ khéo đều nắm được. Trước hết ông lấy gỗ làm một cái súng Tây giả, cách

chuyển máy, nạp súng, phát súng được mau lẹ không khác gì súng thiết. Ông đến một nhà nhỏ xây một cái lò, dựng một trường đúc nhỏ lấy những súng cũ nước ta nấu luyện cải tạo lại, chế ra một súng Tây nhỏ, đưa người ta xem, y như là súng Tây. Ông lại chế được thuốc lửa không khói và các thuốc lửa khác, đều không có thầy, tự lấy tinh tứ mình nghiên cứu mà được. Ông có chế ra một cái đồng hồ chơi kỳ xảo. Đồng hồ có cửa, cửa có sáu vệ binh, mỗi lúc đến giờ, vệ binh tay cầm cái thăm bài ra, trên mặt thăm có ghi giờ nào khắc nào. Thăm ra thì cửa mở, vệ binh vào thì đánh chuông, cái số tiếng chuông đánh như chữ ghi trên thăm, thời gian không sai lạc, mà lại máy móc chuyển đều, không phải sức người điều khiển. Cái đồng hồ ấy chế ra, bọn quan to quyền quý đều muốn lấy. Nhưng ông vốn không sợ bọn quyền quý, ông đã không bằng lòng, thì không ai lấy quyền thế uy hiếp được. Bút cục ông không đưa đồng hồ tặng nhà quyền quý. Do đó bọn này ghét ông. Đồng thời với ông có Hà Văn Hải người huyện Nghi-xuân, tuổi ít hơn ông cũng biết chế súng và thuốc đạn, được nhiều người khen. Nhưng lúc đưa ra thực nghiệm thì sự tinh xảo thua ông nhiều. Tính ông quả hợp, hay có khí muốn hơn người, cho nên tuy có kỳ tài mà ít người quen biết. Mùa thu năm Quý mao, Phan Sào Nam muốn mưu khởi sự, nghe tiếng ông mới tìm đến nhà. Lúc đó Đặng Văn Bá, Lê Võ đang ngồi ăn cơm ở nhà ông. Các người cùng uống rượu vui vẻ, ông mới tỏ ý là khi có quân sự xin chuyên trách cục chế tạo. Trước đó ông vốn nuôi chí lớn, nhưng ở trong làng chưa có ai có thể cùng bàn luận được. Ông lại mồ côi cha, nuôi mẹ già rất hiếu, không dám đi xa, đành phải ôm cái chí mà chờ đợi, lấy làm sốt ruột.

Từ lúc gặp gỡ Sào Nam thì đem thân hứa với nước. Năm Giáp thìn ⁽¹⁾ Sào Nam sắp xuất dương, trước đến bàn với ông, ông xin cùng đi, nhưng ông Đặng Văn Bá không đồng ý rồi thôi. Lúc Phan từ biệt, ông có viết thư tống biệt, trong đó có câu: « Chi sĩ không quên ở khe hác ». Quả nhiên về sau ông vì việc công mà chết. Hỡi ôi! Chi ông mạnh làm sao!

Ông với Đặng Văn Bá rất tương đắc, đều có chí làm nhà thực hành. Khoảng năm Bính ngọ, Đinh vị ⁽²⁾ Đặng muốn khởi sự ở Trung-kỳ. Nhân chuẩn bị quân hỏa chưa xong, nghe các nơi thượng du Bắc-kỳ, nhiều thổ dân có súng cũ, vả lại chỗ núi rừng thâm hiểm có thể mở một xưởng chế tạo bí mật, ông mới đem từ đệ vài mươi người đi và ông làm Giám đốc xưởng ấy ở tỉnh mới Lâm-phương. Về tổn phí do Đặng tiếp tế. Ông nhận việc rồi đêm ngày cần cù, không chút mỏi mệt. Các súng chế ra có thể dùng được, nhưng đạn được chưa đủ, còn muốn tìm cách chế tạo. Chưa đầy nửa năm, ông mắc bệnh nặng, việc phải bỏ dở, vì chỗ ấy rừng sâu nước độc, ông tâm thần mỗi mệt lại bị lam chướng, công việc chưa được một nửa mà mang bệnh rồi chết ở Lâm-phương. Người đồng sự đưa về chôn ở làng.

Than ôi! thiệt là đau đớn. Có tài giỏi thông minh như ông, nếu sinh ở các nước Âu, Mỹ văn minh, có thầy có bạn đề mà học hỏi, có sách vở đồ đạc để mà nghiên cứu, thì rất dễ nổi tiếng là nhà đại phát minh. Phương chi cái tinh thần ái quốc, cái khí phách theo việc nghĩa lại ít ai theo kịp! Chỉ chưa thành mà chỉ làm đến chức ấy mà chết, ông xanh kia sao lại vô tri

1. 1904.

2. 1906 — 1907.

như thế? Lúc ông mất, tuổi bốn mươi bảy, diện mạo đỏ
xám, trông như còn ngẫm nghĩ gì sâu sắc, con mắt dài mà
người sâu biếc, trông thì biết không phải là con người
thiên cận. Mang tráng chí mà mất, đáng tiếc biết bao! Ông
mất rồi thì các khí giới tinh xảo mới chế ra cũng đều
mất, đến nay chưa có ai biết làm như ông. Hỡi ôi!
biết người có tài không dễ, mà được người có tài lại
không dễ, nên tôi làm bài ca này để điệu ông; ca rằng:

Hồng-lĩnh chi tây. Phổ-giang chi đông,
Hữu nhân dĩnh xuất trần ai trung.
Tâm ti như thốn tâm,
Xà châu tự song đồng.
Phủ ngưỡng vạn vật tùy sở ngộ,
Đào nhân chương để trình thiên công.
Âu nhân tự vị xảo,
Ngã ngộ Âu nhân tiện áp đảo,
Âu nhân hà túc kỳ,
Bể môn thần vận hữu dư sự,
Quân tài như thử tuần,
Quân số hà nãi kỳ.
Đồ long kỹ thành tuyệt,
Thập niên vô nhân tri.
Tri quân tức hữu nhân,
Lực bạc tài nan thi.
Ai tai quân tài cánh phát dụng,
Tứ cổ thương mang vị quân động.
Lĩnh thụ niên niên mãn địa thanh,
Giang đào nhật nhật kiêm thiên dũng.
Tư nhân nhất khứ Lĩnh-giang không,
Hải nguyệt quan vân hàn cự mộng.

DỊCH:

Hồng-lĩnh về tây Phổ-giang đông,
Có người sinh ra trong bụi hồng.
Ngọc rắn như hai mắt,
Tơ tằm như tấc lòng.

Cái ngang muôn vật tùy gặp gỡ,
Đúc nặn trong tay sánh thiên công.
Người Âu tự xưng xảo,
Ta gặp người Âu ta áp đảo.
Người Âu có gì hay,
Đóng cửa suy nghĩ hơn cả thầy.
Tài ông giỏi như thế,
Số ông sao lại kỳ?
Nghề giết rồng bị đứt,
Mười năm không ai hay.
Nếu có người biết ông,
Sức mỏng tài khó thi.
Thương thay tài ông chưa dùng trót,
Bốn bể mệnh mỏng vì ông xót.
Cây núi hàng năm đầy đất xanh,
Sông sông hàng ngày cùng trời vọt.
Người này đi rồi núi sông không,
Trắng bề mây ngàn mộng cũ xót.

TRẦN ĐÔNG PHONG

Trần Đông Phong người huyện Nam-đường⁽¹⁾ tỉnh Nghệ-an. Ông thân được hàm Cửu phẩm, nhà giàu nhất trong huyện, có tài làm giàu, khắp tỉnh đều biết tiếng. Làm nghề cho vay nợ lãi, đêm ngày tính toán không bỏ sót một sợi lông. Ông sinh ra lại không giống cha, tính thẳng thích không chịu gò bó, ham chơi bởi kiếm hiệp, thấy đương thời ganh đua thế lợi, lấy đời nô lệ tự khoe khoang ông rất khinh bỉ. Gặp người đảng ta nói đến việc phục quốc, thì vui vẻ nhận lời, nói với các đồng chí rằng: « Nếu cha tôi mà không làm tên tôi mọi giữ cửa, thì chỉ một nhà tôi cũng có thể giúp các ông hàng trăm vạn đề khởi nghĩa. ». Ông biết Sào Nam có kế hoạch xuất dương liền đưa của riêng vài trăm đồng đưa làm lộ phí. Ngày Sào Nam ra đi có thiết tiệc, và dặn ông mọi việc về sau, ông vui vẻ nhận lời. Các đồng chí làm việc có cần tiền nhiều khi nhờ ông giúp, ông không hề chối từ. Của riêng hết, thì ông lấy trộm của ông thân để giúp. Năm Đinh vị⁽²⁾ bọn Pháp bắt ông hạ ngục. Các đồng chí lo lót với quan giữ ngục đưa ông ra. Ông ra Bắc-kỳ vào đồn Phồn-xương của Hoàng tướng quân, bỏ tiền túi ra lập một đồn khác để

1. Ở quê tên gọi Đỗ Mương, người Đô-lương, Anh-sơn, cha là Cửu Xán có tiếng giàu lúc đó.

2. 1907.

thu nạp các người Trung-kỳ trốn tránh. Về sau vì tiền không đủ nên hơn một năm thì đồn giải tán. Lúc đó ông đã nhiều lần viết thư yêu cầu ông thân giúp; ông thân không trả lời, ông rất buồn, nghĩ không rửa được thẹn cho nước, mà cái chí phá nhà giúp nạn nước không khi nào thực hiện được, ông buồn ngủ không vui. Năm Mậu thân⁽¹⁾ người đảng ta sang Nhật ngày thêm nhiều, ông sang xem, ở lại vài tháng. Các đồng chí mưu tính trăm việc đều vì kinh tế khó khăn mà khó tiến hành. Ông rất giận tự nghĩ nhà mình có nhiều tiền bạc thế mà ngồi nhìn nước mất, đảng túng mà không chịu giúp, thì còn mặt mũi nào mà làm người con trai ở đời. Ta phải lấy cái chết làm cho cha ta động lòng mới được. Thế rồi ông viết một bức thư bỏ vào kẹp sách, chờ lúc anh em vào lớp học, ông lên đến trước chùa Đông-phong ở khu Tiểu-thạch-xuyên, thắt cổ chết dưới một cây lớn. Bức di thư sau khi ông chết mới tìm thấy. Lúc đó ông mới hai mươi một tuổi: Đó là ngày mồng 2 tháng 5 năm Mậu thân⁽¹⁾.

Thơ điệu

Thử thân hà dĩ bỏ quyền ai,
Cố niệm gia đình bách cảm thôi,
Dung dị thiên kim huy trịch khứ,
Tối nan nhất tử liệt oanh lai.
Bình sinh hiệp khí thiên chung bạch,
Độc lập hùng tâm địa nhấn mai.
Bằng điệu Đông-phong sơn thụ ngoại,
Đàm hoa vân ảnh cộng bồi hồi.

DỊCH :

*Khó lấy thân ta trả nợ đời,
Gia đình nghĩ lại ruột bời bời.
Ngàn vàng đem vắt xem ra dễ,
Một chết liều mình mới khó thôi.
Hiệp khi bình sinh trời sẽ rõ,
Hùng tâm độc lập đất khôn vùi.
Núi Đông thăm hỏi ngoài cây cỏ,
Bóng rợp mây che lũng ngậm ngùi.*

PHAN LẠI LƯƠNG

Phan Lại Lương là con một nhà danh gia ở phủ Hưng-nghuyên, tỉnh Nghệ-an. Tư chất sớm thông minh, lúc tám, chín tuổi cha dạy cho sách Hán văn, đọc vài lần là đọc trăm được.

Khoảng năm Bính ngọ, Đinh vị⁽¹⁾ lúc Tân trào nổi dậy, ông chưa đầy mười tám tuổi. Ông thân rất yêu ông nên năm Mậu-thân⁽²⁾ cưới vợ cho ông. Chưa được hai tháng ông cùng các ông Nguyễn Đức Công, cả thầy 15, 16 người do đường núi Quảng-tây đi Nhật đến Đông-kinh vào ban đặc biệt của Đồng văn thư viện. Lúc đó khí trời rét, mà hàng ngày tập thể thao, quân sự, lại từ xứ nóng đến không quen chịu lạnh, ông vì thân thể yếu chịu lạnh không nổi bị bệnh phế. Nhưng vẫn cố gắng theo học không chịu bỏ trường. Sau vì thiếu tiền ăn học, ông trở về Hương-cảng, bệnh lại thêm nặng, chữa thuốc không khỏi. Lúc đó tôi và các đồng chí thường khuyên ông về nước điều dưỡng, để cho mau khỏi rồi sẽ trở sang. Nhưng ông quyết không về, nếu bệnh không lành thà chết ở nước ngoài. Chưa bao lâu, tôi bận việc đi Xiêm mới từ biệt ông. Sau hỏi ra mới biết ngày tháng 3 mùa xuân năm Canh tuất, lúc đáp tàu

1. 1906 — 1907.

2. 1908.

thủy đi Quảng-dông ông đã nhảy xuống bể tự tử, nhưng người trên tàu đã cứu lên đưa vào y viện rồi chết ở đó. Than ôi! Nam nhi quý lập chí, còn chí thành hay không thành là do may hay không may, việc này có số mệnh nữa. Nhưng Phan Lai Lương, nếu không bị ma bệnh giày vò, mà giữ cái chí kiên quyết, thì sao mà chẳng thành công được?

Hỡi ôi! cha mẹ già, vợ trẻ đều không ngăn cản được ông đi muôn dặm để cầu học. Chí ấy, khí ấy mà không thành được cái gì, trời ơi, trời ơi, sao nỡ làm cho người anh hùng bị mai một như thế?

Thơ điệu

Tang bồng thê liễu thiếu niên tâm,
Phong vũ ba đào nại chí cam.
Cừu lỗ tung hoành thiên âm âm,
Bệnh ma điên đảo dạ âm âm.
Thanh sơn mai cốt hoàn càn thổ,
Bích hải trầm tình uổng bảo cam.
Mộng lý thượng nghị quân vị tử,
Hàn hồng đới nguyệt tống giai âm.

DỊCH:

Tang bồng thê tự buổi ngây thơ,
Sóng gió giây giụa mãi đến giờ.
Giặc cướp tung hoành trời âm đạm,
Bệnh ma điên đảo lối lờ mờ.
Núi xanh xương lấp còn tro đỏ,
Bể biếc gươm chìm đã uổng chưa!
Trong mộng những ngờ ông chữa chết,
Chim hồng dưới nguyệt đến đưa thơ.

Phụ lục: Liên viếng của Trần Quốc Duy

Phù sinh hà lúc bi, khả liên quốc nạn gia cừu, tráng chí bán sinh lưu thủy thệ;

Đồng đảng y nhiên tại, hội khán kiên hoàn khôn chuyển, anh hồn vạn lý liệt phong lai.

DỊCH:

Phù sinh có tiếc gì! đáng thương nạn nước cừu nhà, tráng chí nửa đời theo nước chảy;

Đồng đảng còn đây cả, sẽ thấy trời xoay đất chuyển, hồn thiêng muôn dặm gió bay về.

NGUYỄN QUỲNH LÂM

Người vẫn có khi đồng chí khí, đồng tài thức, nhân cảnh ngộ thời thế không đồng mà rồi thành bại khác nhau xa. Cho nên lấy thành bại mà bàn anh hùng thì rất là khó. Tôi thường đọc truyện « Ý-dại-lợi kiến quốc tam kiệt » thì biết tướng quân Gia-lí-ba-dịch khi chưa thành công chạy sang nước Mỹ, giúp Mỹ đánh giặc, tôi rất lấy làm hâm mộ.

Nay tôi thấy ở trong đồng chí có một người là Nguyễn Quỳnh Lâm. Lấy thành bại mà bàn thì so với Gia tướng quân một trời một vực, nhưng cái chí tức là cái chí của Gia tướng quân. Ông người huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, tuổi mới thành đồng⁽¹⁾ đã có khí lạ lùng. Thân ông không đầy bảy thước mà rất can đảm, thường có cái khí khái « tuy muôn người ta cũng qua »⁽²⁾. Ông sinh ra thì nước vừa mất, thấy chính trị người Pháp không tốt, đồng bào ta lầm than rất mực thì thường lấy làm tức giận không sao đuổi ngay được người Pháp. Nghe tân đảng nổi dậy, ông liền bỏ việc nhà không trông nom nữa mà lấy việc vì nước đánh giặc làm việc mình. Mùa đông năm Bính ngọ⁽³⁾ lúc tôi về nước, gặp

1. Đang độ trẻ, độ mười lăm, mười sáu tuổi.

2. Diễn tích ở sách Mạnh tử, tả người can đảm, tự tin, dầu có ngàn vạn người cũng không sợ.

3. 1906.

ông ở Hà-thành, ông cùng tôi đi Nhật-bản vào ban đặc biệt của Đồng văn thư viện đã gần 2 năm. Nhân hết tiền ăn học, ông mới bỏ đi Xiêm, lên về nước, mưu vận động quân đội khởi sự ở Hà-tĩnh. Việc này bị Pháp dò biết, sắp bị bắt nhưng chạy thoát, lại sang Hương-cảng. Lúc ở Cảng vì việc chở lén quân giới nên phải vào nhà tù của Cảng vài tháng mới được tha. Về sau ông chuyên học nghề chế thuốc súng và chế thuốc tạc đạn, chỉ ông muốn tiến hành việc kịch liệt. Ở Hương-cảng việc làm thuốc tạc đạn nổ ra, ông chạy về Quảng-dông vào trại quân Việt (Quảng-dông) luyện tập quân sự. Ở trại sáu tháng học được nhiều về quân sự nên sốt ruột muốn được thử thách. Nhiều lần ông muốn về nước cử sự, chỉ vì vấn đề kinh tế và quân giới nên chưa làm được. Lúc đó ông không chịu nổi cái cảnh người anh hùng ngồi không để bắp thịt dưới vế nở ra. Lúc đó quân cách mạng Trung-hoa nổi dậy lần thứ hai. Ông nói với các đồng chí: « Đây không phải là trường thí nghiệm của ta sao? Trời sinh cho ta bộ gân đồng xương sắt, mà cứ ngồi ăn uống thông thả, để ngày tháng trôi qua mà làm gì? ». Thế rồi một mình đi Nam-kinh. Lúc ông đi ra, mọi người đều cản trở mà nói: « Đây có can gì việc ông ». Ông không nghe. Đã đến Nam-kinh, ông viết thư trình bày chí mình trước vị Thống tướng quân cách mạng, xin ra tiền trận. Trước đó, lúc ông ở Nhật-bản đã quen với Hoàng Khắc Cường. Đến đây Hoàng rất khen ngợi ông, rồi ông xung vào tiền phong. Ôi! ông làm việc này đâu có phải để mưu cầu danh lợi; chẳng qua ông xem nơi rừng súng mưa đạn là trường học quân sự chân chính. Ngày sau xông vào gươm đạn, làm quân tiền phong cho Tổ quốc, cốt là nhờ chốn này mà tập tành trước. Còn việc nhân đây mà chết, đâu có phải việc trong ý của

ông. Ông đã vào trận thì luôn luôn chỉ huy quân lính tả hữu, kêu gọi mọi người giết giặc lập công. Thành Nam-kinh chống cự với giặc trong hai tháng không có ngày nào ông không ở chiến địa, kết quả ông chết trong chiến dịch này. Trước đó quân cách mạng vì thiếu súng đạn phải tan rã, thành Nam-kinh sắp bị hãm, Hoàng Hưng chạy, người ta khuyên ông nên chạy. Ông gạt nước mắt mà nói: « Tôi đã là một người vong quốc, sau này tôi sẽ đánh giặc cứu nước, nay lại làm ông tướng bại trận thì chạy đi đâu? và lại đại trượng phu sao lại có thể chạy để mà sống? ». Thế rồi ông cố sức đánh đến lúc bị trọng thương mà chết. Lúc đó ông hai mươi hai tuổi. Ngày xưa, Thái sử Công có nói: « Kể hiền rất trọng cái chết ». Chết như Nguyễn Quỳnh Lâm, há lại không phải là trọng sao, chỉ vì có sự không may đó thôi. Quân Trung-hoa thua, cũng vì ai mà thua, còn ông thì không may mà làm một người trong cuộc bại trận ấy. Thiệt là đau thương. Quỳnh Lâm có chí như thế mà lại chết như thế! tình ông thẳng thắn không chút quanh co, bạn hữu có gì không phải thì nói ngay vào mặt, không bao giờ nói xấu sau lưng người ta, gặp việc thì dám làm, gặp nguy nan lại xung phong trước; bình sinh thường lấy việc gặp nguy mà trốn tránh làm xấu hổ. Nay chết như thế, há chẳng oanh liệt lắm ru?

Liên viếng

Y thiên cự táng dư da, lỗi lỗi nhất sinh tâm, phương tượng thôn tứ hải hấp Tam-giang, quyền vạn thiên nô lãng sâu đào, duy ngô khu sách ;

Sử nhân tần như quân giả, mang mang toàn Á lục, hề chí triêu Âu vân mộ Mỹ vũ, bả tứ bách thần châu xích huyện, nhậm nhữ tung hoành.

DỊCH:

Trời làm hại ta chăng? Lỗi lạc một tấm lòng, những đang hồng nuốt bốn bể, hút Tam-giang, cuốn muôn ngàn ngọn sóng kinh đời, để ta sai khiến.

Người đều như ông cả, mệnh mông toàn châu Á, sao đến nổi sớm mây Âu, chiều gió Mỹ, đem bốn trăm huyện châu quý báu cho chúng tung hoành.

VÕ QUÂN

Ông tên chữ là Trọng Kính, sau khi xuất dương, đổi tên Lam Quảng Trung, người huyện Bình-sơn, tỉnh Quảng-ngãi. Tính ông trung trực, dám nói, gặp việc thì mạnh dạn đi trước, không có thói sợ sệt. Năm Đinh vị (1) ông hai mươi hai tuổi, qua Nhật vào Đông văn thư viện, chưa tốt nghiệp nhưng hết tiền ăn học phải bỏ học về nước, góp được ít tiền trở sang Hương-cảng vào trường dạy tiếng Anh và chữ La-tinh. Ông thông minh học tiếng Anh hơn một năm tiến bộ rất nhanh. Nhưng chí của ông không phải muốn nhắm mục đích ngôn ngữ văn tự. Lúc đó cách mạng Trung-hoa thành công, ảnh hưởng đến nước ta. Ông muốn nhân lúc này vận động nhiều việc, mới bỏ trường lên trốn về nước, đưa một ít thiếu niên ra cho vào trại lính học tập quân sự. Ông thì tự đến trường... (2) Đổi tên họ, giả lấy quốc tịch người Việt (Quảng-đông) (3) vào thi trường... (2) Ông thông Hán văn, nói được tiếng Trung-hoa. Thi đậu vào học hơn hai năm thì tốt nghiệp, lúc đó là tháng bảy năm Giáp dần (4). Ông học đã thành rồi thì Âu chiến đang kịch liệt, các đồng chí ta muốn nhân cơ hội khởi

1. 1907.

2. Tác giả giữ bí mật tên trường chăng?

3. Chú thích của người dịch.

4. 1914.

sự. Ông tự nguyện đi các nơi biên giới Điền-Quế (Vân-nam, Quảng-đông) (1) thăm dò địa hình để làm nơi tương lai tiến binh về.

Mùa đông năm ấy, từ Quế sang Điền. Đến mùa hạ năm Ất mao, lại từ Điền trở về Quế. Vì dầm sương dãi gió, gian khổ quá độ nên bị bệnh sưng mũi, chữa thuốc chưa khỏi, dần dần thành bệnh loạn óc, mới đến y viện Dương-thành (Quảng-châu) điều trị mấy tuần không khỏi. Ông tức giận nói rằng: «Người trượng phu ngang tàng bảy thước, nên ra sa trường để uống máu quân thù mà lại nằm thở hơi hóp trên giường bệnh, há không đáng thẹn lắm ru?» rồi ông nhảy xuống Châu-giang trầm mình chết, chết là do ý định của ông vậy. Than ôi, đáng thương làm sao? Tổ quốc mất rồi, ai người dậy lại; nhân dân chìm rồi, ai người vớt lên! Có tài có khí, có học thức như ông Võ mà đến nỗi phần uất lo phiền, theo Khuất Linh-quân (2) mà tự tử! Than ôi! Chúng ta sao lại không may mà sinh làm người mất nước. Hỡi ôi! người mất nước mà không làm trâu ngựa thì cũng làm ma quỷ mà thôi! Tuy nhiên không làm người mất nước thì làm sao mà thấy được chân tướng của Võ. Cảnh ngộ của Võ rất đáng thương, mà chí khí của Võ rất mạnh mẽ. Ông có làm một bài «Trung cáo với Pháp-lan-tây» lưu ở đời. Lúc ông mất mới ba mươi hai tuổi.

Liên viếng

Nhất xoang nhiệt huyết cánh phò đông lưu, thành bại cục nhân nại thiên hà, thiên thu lệ sái Châu-giang thủy.

1. Chú thích của người dịch.

2. Tức Khuất Nguyên đời Sở, can vua Sở không nghe bị đày Trường-sa, được tin Sở mất nước, trầm mình mà chết.

Thập tuế hùng đồ dục phiên tây hải, cảm khái trường kim
do tác dã, vạn lý hồn tri cố quốc sơn.

DỊCH:

Một bầu nhiệt huyết, phó mặc đông lưu, cuộc thành bại người
biết trời sao, nước Châu-giang ngàn thu lệ rưới;

Mười năm hùng đồ, muốn lay Tây-hải, trường cảm khái nay
như xưa vậy, non cố quốc muôn dặm hồn về.

**Phụ lục: Một bài ngũ ngôn của Sào Nam làm khi nghe
Vô nháy xuống sông chết**

Tàn đế Lỗ Liên tâm,
Sở trọc Khuất Bình phần.
Hương cốt đầu thanh lưu,
Giang hải vô thời tận.

DỊCH:

Tàn đế Trọng Liên then,
Sở đục Khuất Bình⁽¹⁾ giận.
Xương thơm gieo dòng trong,
Sông bề không sao cạn.

1. Tức Khuất Nguyên đời Sở.

TRỊNH KHẮC CÔNG

Ông người huyện Thanh-trì, Hà-nội, ông thân ông lúc
Bắc-kỳ thất thủ, theo các tiền bối khởi nghĩa, nhiều
năm gian khổ, sau bị thất bại rồi mất tích.

Ông là người con rể sau khi cha đã chết. Lớn lên
nghe lịch sử cha rất lấy làm đau đớn, muốn nối chí
cha. Mùa thu năm Nhâm tý⁽¹⁾ theo các đồng chí đến
Long-châu, sau đến Ung-thành, lên vào chốn luyện tập
lục quân. Năm Giáp dần lại trở về Long-châu, rồi bị
bệnh lâu không khỏi mới nháy xuống Long-giang mà
chết. Lúc đó ông ba mươi một tuổi.

Liên viếng

Hội khan chiến mã nam hoàn, điền cứu lỗ, ủy tráng tâm,
kỷ ngữ anh linh, hữu tác cứu nguyên ưng mặc hộ;

Sầu kiến chinh hồng bắc thượng, điều trung nguyên, đàm
cự sự, kỷ kinh gian khổ, vô tình nhị thụ nhần tương khi.

DỊCH:

Những mong chiến mã về nam, giết giặc cướp, thỏa tấm
lòng, nhần gửi hồn thiêng, có biết suối vàng nên giúp đỡ;

Buồn thấy chinh hồng lên bắc, thăm Trung-nguyên, bàn việc
cũ, trải bao gian khổ, vô tình ma bệnh nữ giày vò.

1. 1912.

CAO TRÚC HẢI

Ông người tỉnh Hà-tĩnh, thông minh, siêng năng, thuở bé vào học trường chữ Pháp, sau 3 năm lại thi vào Viện y học, bảy năm mới tốt nghiệp. Trong đồng chí ta kể người tinh thông Pháp văn thì ông là bậc nhất. Các bài dịch Pháp văn trong tạp chí Văn-nam phần nhiều là của ông. Tiếc rằng chỉ chưa thành mà đã chết sớm. Mùa đông năm Bính ngọ⁽¹⁾ tôi về nước, họp với ông ở Hà-nội, rồi ông cùng tôi sang Nhật-bản, đang học tập tiếng Nhật, chưa vào trường. Hơn một năm, ông ở Hoàn-tân, mắc bệnh đậu mùa rồi mất. Lúc đó ông mới hai mươi sáu tuổi.

Thơ diếu

Mãn mục sang di thống quốc dân,
Bất từ vạn lý tụy chinh luân.
Tây y uyên thủy tặng khuy áo,
Đông hải trào lưu dục vấn tân.
Dã Á đào Âu phương trước thủ,
Kính phong quái vũ hốt thương thân.
Đạo khuê thù vị tỏ dân mệnh,
Nam vọng thương mang lệ sái tân.

1. 1906.

DỊCH :

Liếc mắt nhìn dân mụn nhọt đần,
Không từ muôn dặm ruồi xe mau.
Tây y nguồn gốc đã am hiểu,
Đông học triều lưu cũng bước đầu.
Á đùc Âu nung tay mới thử,
Gió kinh mưa quái dạ thêm sâu.
Chữa dân liều thuốc nhờ ai nhỉ?
Ngoảnh mặt về nam lệ nhỏ trào⁽¹⁾.

1. Vì Cao Trúc Hải là thầy thuốc nên bài thơ dùng nhiều danh từ thuộc về y khoa.

PHẠM CHẤN YÊM

Ông người tỉnh Hà-nội, thuở bé vào học trường tiếng Pháp, tốt nghiệp rồi được bổ chức thông sự. Năm Mậu thân xuất dương đến kinh đô Nhật, vào Đồng văn thư viện. Sau vì hết tiền ăn học mới trở về Hương-cảng, chưa bao lâu bị bệnh chết. Lúc đó ông hai mươi nhăm tuổi, người anh cũng nhiệt thành yêu nước, nên lúc ông đi người anh rất tán thành. Tiếc ông chết yểu phụ lòng người anh, thật là đáng tiếc.

Thơ điếu

Liên quân lệ sái hải giang thu,
Tâm sự như quân diệp quả trù.
Dĩ tạ khiêu quân chung học phượng,
Tu xưng kê khâu thần tỳ ngư.
Bệnh ma nhân dữ thanh niên chiến,
Tráng chí không dư hoàng thổ lưu.
Định hữu hùng hồn tiêu bất đắc,
Đề quyền tàn huyết mãn Nam châu.

DỊCH :

Thương anh sông bể lệ mệnh mang,
Tâm sự như anh ít kẻ bằng.

Học phụng đã là đàn cú bản,
Theo trâu khinh cả mổ gà ngang.⁽¹⁾
Bệnh ma nữ giết người non trẻ,
Tráng chí vui theo nắm đất vàng.
Chắc có hùng hồn không mất được,
Máu tàn tiếng cuộc cõi Nam vang.

1. Ngạn ngữ Trung-quốc có câu : « Thà làm mổ gà không làm đuổi trâu », đây nói mổ gà cũng khinh, huống là đuổi trâu.

LÊ CẦU TINH

Lê Cầu Tinh người huyện Nghi-lộc, tỉnh Nghệ-an, xuất dương đồng thời với các ông Báu Thụ, Càn Kiện. Năm Mậu thân ⁽¹⁾ vào trường Đồng văn thư viện, chỉ hơn một năm thì hết tiền ăn học, phải trở về Hương-cảng. Tính ông khoan hòa ôn hậu, có vẻ người lớn, mà từ khéo trí sáng thì nhiều người không bằng. Lúc đang nhỏ; thấy cái súng săn thì chế ra một khẩu súng nhỏ để đi săn rất là khéo, ai cũng khen là giỏi. Đến nay được thấy súng quân dụng của Nhật-bản kiểu năm thứ 30 niên hiệu Minh Trị, thì chế ra một chiếc súng đồng nhỏ: súng tay nhỏ, nhưng nạp đạn vào thử, có thể bắn xa hơn 100 thước. Nếu xem kiểu mẫu thì không ai biết là không phải súng Nhật-bản kiểu năm thứ 30 Minh Trị. Ông ở Nhật-bản, vì rét quá mắc bệnh đau chân, chữa mãi chưa khỏi. Mùa hạ năm Kỷ dậu, cùng đi Xiêm với tôi, mới hơn một tháng, bệnh cũ phát lại rất nặng. Vào bệnh viện điều trị hơn một tháng, rồi lại bị bệnh dịch nguy kịch, sắp chết vẫn còn lấy bút viết thư di chúc để từ biệt các đồng chí. Những lúc đó tay chân đã rung, thư viết không hết, rồi quăng bút ra mà chết. Than ôi, thiệt là đáng thương. Lúc đó ông hai mươi tám tuổi.

1. 1908.

Liễn viếng

Kiến quân chi khứ bất kiến quân chi hoàn, tha niên tẩu hải thanh trung, Hồng-lĩnh, Ngư-phong, thảo mộc vị quân tề truy lệ;

Dữ ngã đồng lai ninh dữ ngã đồng tử. Kỷ độ ăm sâu bôi lý, Bàn-thành, Đảo quốc, phong trần thặng ngã tối thương tâm.

DỊCH:

Thấy anh đi chẳng thấy anh về, ngày nào trong tiếng hải hoàn, núi Hồng, cồn Ngư, cây cỏ vì anh đều nhỏ lệ;

Cùng tôi ra không cùng tôi chết, mấy bận cùng nâng chén rượu, thành Bang, nước Đảo ⁽¹⁾ phong trần để tôi phải thương tâm.

1. Tức Bang-cốc kinh đô Xiêm, và nước Nhật-bản, vì Nhật là gồm một số hòn đảo.

CHUYỆN NGUYỄN QUỐC THỤY, NGUYỄN DỤC TRÍ CHÉP CHUNG

Hai ông đều người Quảng-nam, anh em ruột. Khoảng năm Ty, Ngọ, Vị⁽¹⁾ Dục Trí ra làm việc đàng, hay đi lại với Ngự Hải, làm một kiện tướng ở Trung-kỳ. Sau khi Ngự Hải bị nạn, thì ông bị truy nã rất gắt. Đến năm Kỷ dậu⁽²⁾ ông chạy sang Xiêm. Đi mới đến Nông-hán thì bị nhiệt chứng rồi chết. Than ôi! làm chương nước độc lại không chọn người mà giết hại, đau đớn biết bao! không bao lâu người anh là Quốc Thụy theo đến, rồi cũng chết về bệnh ấy. Hai anh em đều chết vì nạn nước, mà lại không được chết theo chí của mình, phải đem xương nghĩa gửi khe ngòi đáng thương biết chừng nào!

Liên viếng

Tâm bất năng vị chi ai, nhất mộng thái thê lương, lục thập niên lai, cổ quốc giang sơn cam ngã khi;

1. Ty, Ngọ, Vị -- tức Ất ty, Bính ngo, Đinh vị 1905, 1906, 1907.

2. 1909.

Thiên cánh hà tòng nhi văn, đồng bào đồ nghĩa liệt, tam thiên lý ngoại, tha bang chương lệ nhần dư cứu.

DỊCH :

Lòng thương biết làm sao? một mộng quá buồn rầu, sáu chục năm nay, nước cũ non sông đành bỏ lỡ;

Trời theo đâu mà hỏi? đồng bào đều nghĩa liệt, ngoài ba ngàn dặm, quê hương làm chương nở thù ta.

ĐÌNH DOÃN TẾ

Đình Doãn Tế người huyện Hương-sơn, tỉnh Hà-tĩnh, trầm nghị ít nói, thiết là một người quân tử dốc thực. Năm Mậu thân⁽¹⁾ vào Đồng văn thư viện Nhật, vì hết tiền ăn học nên phải bỏ đi Xiêm, ngụ ở thành Băng-cốc. Do Xiêm ông định về nước vận động cử sự, nhưng vì đau chân chưa đi. Lúc đó là mùa xuân năm Canh tuất⁽²⁾ tôi và Phan Bá Ngọc, có mưu sự ở biên giới Nghệ-Tĩnh, đi đường Xiêm trước qua thành Băng-cốc. Ông gặp xin cùng đi. Tôi thấy ông đau chân chưa khỏi hẳn, ngăn cản lại mà không được, thế rồi cùng đi, trên núi lội khe, ngủ rừng uống suối, phấn đấu với lam chương như thế hơn một tháng. Đến phủ Xa-quân bệnh ông lại phát lên mạnh. Lúc đó nhân việc chúng tôi làm hơi lộ, nên mọi người chia nhau trốn tránh. Ông cũng nhân thế bệnh nặng thêm gần chết, nhưng còn nuôi tiếc chúng tôi nên mắt nhắm rồi lại mở, hình như bụi ngủi không nở ra đi. Lúc bệnh, nói mơ thì không có gì khác là gọi tên tôi và tên ông Phan, và nói: « Giết giặc Pháp! Giết giặc Pháp! ». Cứ như thế đến năm, sáu ngày. Hôm ấy ông Phan đến, ông rất mừng, tinh thần trở lại như thường ngồi dậy nói chuyện với Phan đến độ sáu tiếng đồng hồ, rồi bỗng nhiên chết. Lúc đó ông hai mươi sáu tuổi.

1. 1908.

2. 1910.

Thơ diêu

Sắt vũ khu phong tráng thử hành,
Quan sơn thiên lý cường nam chinh.
Mã tài lập bí ta hà nhật,
Kiếm hốt ly thao khái bán trình.
Bệnh đao trầm kha tổn nhiệt huyết,
Nhân ư sinh tử kiến giao tình.
Cửu-long giang thượng trào thanh cấp,
Nhất vọng mê ly tổng bất bình.

DỊCH:

Đuổi gió gào mưa mạnh bước đường,
Quan sơn ngàn dặm hướng nam sang.
Yên vừa đóng ngựa đang chờ đợi,
Võ rút gươm rồi phải dờ dang.
Bệnh đến mê trầm còn máu nóng,
Người khi sống chết thấy giao bằng.⁽¹⁾
Tiếng triều kêu mạnh trên sông Không,
Trông cảnh mê ly lại bất bằng.

Liên viếng

Bất năng tử hựu bất năng sinh, triển chuyển bệnh trung hồn, quốc nạn gia cừu, thống sử đao quân vô đề thống;

Dữ câu xuất thùỵ dữ câu nhập, tiêu điều vong hậu kiếp, thiên nhai hải giác, bi trường nhậm ngã tự do bi.

DỊCH:

Chết không được sống cũng lại không xong, bệnh hồn dần vật bấy lâu, nạn nước thù nhà, đau đớn anh ơi khôn kể xiết!

Ra với nhau về biết cùng ai nhỉ? thân thể tiêu điều lắm nỗi, chân trời góc bể, thương thầm tôi cũng biết sao đây?

1. Tình giao thiệp giữa bằng hữu.

PHẠM TƯ TỀ

Ông người huyện Thu-trì, tỉnh Thái-bình, con đầu ông giải nguyên Phạm Tư Trục. Người cần kiệm nhu hòa, chịu đựng gian khổ. Mùa đông năm Tân hợi⁽¹⁾, ông sang Quảng-châu, xin vào quân giới học tập quân sự. Vì luyện tập siêng năng, mệt quá sức nên mắc bệnh phổi mà chết vào ngày mồng 7 tháng 2 năm Quý Sửu⁽²⁾. Lúc đó ông mới hai mươi hai tuổi.

Liên viếng

Tạo thiếu niên quốc, tiên tạo thiếu niên nhân, điền hải bổ thiên, cái thế kỷ công hy nhữ dục;

Dữ đồng chí xuất, bất dữ đồng chí nhập, bi phong thăm vũ, mãn thành phương thảo vị thùy thê?

DỊCH:

Tạo nước thiếu niên, trước tạo người thiếu niên, lấp bể và trời, công việc hơn đời nhờ ở bác;

Cùng đồng chí đi, không cùng đồng chí lại, mưa sâu gió thảm, cỏ hoa đầy phố để cho ai?

1. 1911.

2. 1913.

LÝ TỬ YÊN

Ông người tỉnh Sa-đéc, Nam-kỳ, bình sinh cần kiệm, tính rất nhân nại. Lúc đầu tân trào nổi dậy, các thiếu niên Nam-kỳ xuất dương chiếm hai phần ba số thiếu niên xuất dương toàn quốc. Nhưng không bao lâu, đều trở về nước vì cơ này cơ nọ. Cho nên người thủy chung chịu gian hiểm như Lý, không thể không gọi là tuấn kiệt ở Nam-kỳ. Ông qua từ năm Quý Sửu ở Quảng-đông, rồi vào chỗ luyện tập lục quân. Sau đi Xiêm bị bệnh mà chết lúc hai mươi tám tuổi.

Liên viếng

Lữ hướng hà túc bi, thỉnh khan Thủy-chân-lạp cựu dư địa đồ, phá toái sơn hà, kỷ bách niên lai vô tĩnh thờ;

Quốc tính năng bất cải, hội tu Đại Việt-nam tân nhân vật chí, chanh vanh tinh tự, bất thiên lý ngoại ủy anh hồn.

DỊCH:

Đất khách có gì thương! thử xem địa đồ cũ của Thủy-chân-lạp xưa, phá nát non sông, mấy thế kỷ nay không đất sạch;

Tính nước mãi không đổi, sẽ viết nhân vật chí nước Đại Việt-nam mới, nêu cao tên họ, ngoài non ngàn dặm thỏa hồn thiêng.

ĐỖ HUY NAM

Ông người xã Thượng-lâu, tỉnh Hưng-yên, sinh ra là có tư tưởng yêu nước. Ông tức giận nhà nghèo, tuổi trẻ côi cút khổ sở, không giúp gì được cho nước nhà. Nghe tân đảng nổi dậy, ông xin vào đảng mà chưa có ai giới thiệu. Ông lại nghe có cơ quan đảng ở Việt (Quảng-châu) nên mùa đông năm Tân hợi, ông tự sang Việt, tìm chỗ ở người đảng. Đến năm Quý sửu mới gặp được các đồng chí. Tính ông thông minh lanh lẹ, có tư khéo. Lúc ở Việt thương làm thợ may thuê cho người Hoa thương để có tiền ăn. Lúc đó người đảng ta định mở tiệm may đồ Tây Đại-thành ở Dương-thành (Quảng-châu) để làm cơ quan bí mật. Ông tự nguyện làm nghề may mà giúp việc đảng. Nửa năm sau tiệm may bị giải tán, ông vẫn lưu lại ở Việt. Mùa hạ năm Giáp dần, tôi nhân có việc đến Việt, mới đưa ông về Ung (Quảng-tây). Mới được một tháng ông mắc chứng phong đàm mà mất. Lúc đó là 2 giờ chiều ngày mồng 9 tháng bảy. Ông mới ba mươi hai tuổi.

Liên viếng

Vấn nhữ Hán gian, tức kim nô lệ vũ đài. bể mạt hậu cứu cánh hà như, mộng lý hôn hôn thiên quái nhữ;

Ái quân nghĩa chúng, tông cổ anh hùng lịch sử, phát nhận sơ đại đô tự thử, dong trung giáo giáo tối liên quân.

DỊCH :

Hỡi mày bọn Hán gian, hiện nay sân khấu tôi đòi, hạ màn rồi sau sẽ ra sao? Trong mộng tối tăm mày thiệt quái ;

Thương bác giống nghĩa hiệp, tự cổ anh hùng lịch sử, đẩy xe trước toàn như thế cả, làm thuê sáng tỏ bác nên thương.

DƯƠNG VĂN QUANH

Ông tên chữ là Quốc Quang, người thôn Văn-quán, xã Động-cứu, huyện Thanh-oai, tỉnh Hà-nội, (nay là Hà-đông), Ông giận bọn tay sai của Pháp hoành hành không muốn ở dưới ách thống trị. Năm Nhâm tý⁽¹⁾ lên sang Điền (Vân-nam) theo đảng ta. Năm Quý sửu, từ Điền đi Long-châu, hết lòng làm việc đảng, không ngại gian khổ. Ông lại tự phụ trách việc kiếm hiệp, tôi rất trọng tư cách của ông. Năm Ất mao⁽²⁾ mùa hạ tôi nhân có việc đi xa, ông cũng vì việc công đi châu Giang-minh. Đến đó vài hôm, bị bệnh nặng không dậy được, đến giờ thìn, ngày 20 tháng mười thì mất. Lúc đó ông ba mươi tuổi.

Thơ diếu

Quan sơn tài biệt nhữ,
Phong vũ nhãn phao dư.
Thảm đạm sinh tiền sử,
Thê lương bệnh hậu thư.

1. 1912.

2. 1915.

Thập niên cô bảo kiếm,
Vạn lý uổng chinh xa.
Bằng diếu Minh-giang nguyệt,
Kiên khôn hận hữu dư.

DỊCH :

Quan sơn vừa xa bác,
Mưa gió nổi rồi tôi.
Sử một đời thảm đạm,
Thơ sau bệnh ngậm ngùi.
Bỏ kiếm mười năm lại,
Uổng đường muôn dặm dài.
Trăng Minh-giang ngó lại,
Còn khôn cứ giận hoài.

NGUYỄN DUY CƯU

Ông người xã Hoàng-vân, tổng Thường-xuyên huyện Phú-xuyên, tỉnh Hà-nội (nay là Hà-đông). Cháu họ ông Nguyễn Siêu. Lúc nhỏ ông có chí lớn. Mùa thu năm Nhâm tí ông theo các đồng chí đến...⁽¹⁾ châu vào đội giáo luyện lục quân. Chưa bao lâu, chú ông là Nguyễn Siêu về nước bị bắt, ông lại đến...⁽²⁾ vào trại lính luyện tập. Vì làm việc mệt nhọc nên bị bệnh phổi, uống thuốc hơn một năm không khỏi. Tôi và các bạn khuyên ông về nước điều dưỡng, nhưng ông không muốn về. Mùa thu năm Giáp dần ông trở về Long-châu, bệnh phát nặng mà chết. Năm ấy ông hai mươi tuổi.

Thơ diếu

Sái lệ thương như ngã,
Thương tâm cánh đào quân.
Trùng lai phương lệ nhận,
Nhất bệnh cánh ly quần.
Thăm trực hồi dinh nguyệt,
Sầu sinh độ lĩnh vân.
Tây phong tà chiếu ngoại,
Nhấn sử thúc ông văn.

1, 2. Các chữ đề thiếu.

DỊCH.

Mắt tôi muốn nhỏ lệ,
Lòng bác lại riêng đau.
Mặt gương vừa trở lại,
Bệnh mất xa bạn bầu.
Trại lính lòng đeo thắm,
Mây núi bước thêm sầu.
Gió tây ngoài bóng xế,
Nỡ để chú buồn rầu.

PHẠM ĐƯƠNG NHÂN

Phạm Đương Nhân người xã Thái-hà, phủ Đức-thọ, tỉnh Hà-tĩnh, thuở bé học chữ Hán, tư chất thông minh, anh là tú tài Ngôn rất quý mến ông. Tú Ngôn bị án đày đi Côn-đảo thì ông sang Nhật vào Đồng văn thư viện ở Đông-kinh. Sau vì hết tiền ăn học ông bỏ đi Xiêm chịu đựng hết mọi gian khổ. Năm Nhâm tí ông trở về Trung-hoa được các đồng chí giao cho trách nhiệm về nước để ám sát tên yếu nhân nọ. Bình sinh ông vốn cương trực, có khí khái và có lòng nghĩa hiệp. Được ủy nhiệm thì nhận lời ngay rồi ông lên đường đi Xiêm. Trong lúc đi đường, người cùng đi đem tiền tiêu phí gần hết, nên lại bỏ lỡ công việc (1).

Ông trở về Trung-hoa rất giận đã không làm nên gì. Ông vẫn muốn thực hiện lời hứa trước, nhưng vì vấn đề kinh tế, nên không thực hiện được ý muốn, ông lấy làm phần uất vô cùng. Về sau bị bệnh mà chết, đó cũng là một nguyên nhân. Mùa xuân năm Giáp dần, ông cùng Hồng Phấn đổi họ đổi tên thì vào trường Bảo-định. Năm Bính thìn (2) mùa thu đậu tốt nghiệp. Lúc ông vào học nỗ lực học tập cho mau, mỗi lúc thí nghiệm đều được ưu đẳng. Cũng vì thế mà mang bệnh

1. Người cùng đi là Đặng Tử Vũ tức Đặng Thái Chang.

2. 1916.

khạc ra máu. Vả lại mùa đông ở Bắc-kinh rét quá, ông quen ở xứ nóng, không thích hợp nên mang bệnh nặng, đến ngày rằm tháng 9 năm Bính thìn thì mất. Lúc đó ông ba mươi tuổi.

Thơ điếu

Nguyên phiên Nam hải tây tinh phong,
Nhất khứ ninh tri bão hám chung.
Cảnh hưởng cứu nguyên tàng vũ khổ,
Không liên vạn địch phụ anh hùng.
Bán sinh tuần quốc tâm nan bạch,
Thùy tử ưu thiên huyết thương hồng.
Cực mục thần kinh dư vạn lý,
Hồn lai hồn phản thụ vân trung.

DỊCH

Bề Nam mong rửa gió tanh hôi,
Một bước ngờ đâu giận trọn đời.
Đem đến cứu nguyên chôn vũ khổ,
Những thương muôn địch phụ anh tài.
Liều mình vì nước lòng khôn tỏ,
Đến chết lo trời máu vẫn tươi.
Liếc mắt thần kinh muôn dặm cách,
Hồn đi hồn lại núi mây xuôi.

ĐẶNG HỮU QUỲ

Đặng Hữu Quỳ, tên chữ là Hồng Phấn, người xã Hành-thiện, phủ Xuân-trường, tỉnh Nam-dịnh. Ông cần mẫn ôn hòa, lại lanh lợi mau hiểu, hễ học gì là lĩnh hội được ngay, chính là một người hiếm có của đảng ta. Năm Canh tuất⁽¹⁾ ông mới xuất dương. Nhưng trước đó ông đã nghiên cứu sơ lược về lý, hóa học, vẫn nuôi cái chí làm người dân nước độc lập. Ở dưới ách cường quyền, hàng ngày vẫn giận hờn rồi không làm được gì. Mùa xuân năm Canh tuất, ông xuất dương họp với các đồng chí. Lúc đó đảng ta đang khó khăn về kinh tế. Ông mới tự đi Xiêm làm kế dinh điền, cùng đồng chí vài người, khẩn ruộng núi, dầm mưa dãi gió, ăn rau uống suối, đều làm trước người ta, dầu những người quen nghề nông phố, dậy sớm thức khuya cũng không làm được như ông. Người Xiêm và những Việt kiều ở Xiêm, không ai biết ông là người trí thức. Ôi! cái dụng tâm của ông khổ biết bao! Lúc nghề cấy cấy nhàn rồi, ông lại cùng các anh em luyện tập võ nghệ, đến khuya mới đi ngủ, vì ông muốn làm một người quốc dân cường kiện. Lúc ông xuất dương mục đích là đi học, nhất là học quân sự; sau vài năm việc cấy cấy đã có ít thành tích, cơ sở kinh tế đã có triển vọng,

1. 1910.

thì ông muốn thực hiện chí mình. Nhân lúc đó, tôi có việc đi Ai-lao, đi qua Bang-cốc được gặp ông. Ông mới cùng tôi sang Trung-hoa, mưu cầu học quân sự. Mùa đông năm Nhâm tý, đến...⁽¹⁾ vào sở giảng tập lục quân. Ở đó không bao lâu, ông thấy trình độ học tập thấp quá, mới tìm chỗ cao hơn, tôi khuyên ông lên Bắc-kinh⁽²⁾. Thế rồi ông từ biệt tôi đi Bắc, vào trường Bảo-định⁽³⁾. Rồi đậu tốt nghiệp vào mùa thu năm Bính thìn⁽³⁾. Lúc ông ở trường, học tập rất siêng, cũng như Đương Nhân muốn thành công chóng, nên cũng bị bệnh thổ huyết. Lại vì Bắc-kinh rét quá, bệnh ngày càng tăng, đến mùa đông năm Bính thìn thì chết. Than ôi! đau đớn biết bao! Lúc đó ông hai mươi tám tuổi.

Than ôi! ông với Đương Nhân, hai người đều nhiệt thành, đều khổ tâm, đều có nghị lực, đều trải không biết bao gian khổ, lại đều chưa kịp thử thách lòng hoài bão mà đều chết bệnh sau khi việc học đã thành công, hỏi xanh xanh kia, có hay là không?

Phan Sào Nam nghe tin buồn hai ông có bài thơ điều như sau :

Thử sinh thiên khổ vạn tân dư,
Nhất bệnh liên⁽⁴⁾ thành cánh táng dư.
Quân khởi nhận phao ngô bối khứ,
Ngã chân dục bạn quĩ hùng cư.
Chước thiên không trịch tôn tiền kiếm,
Nhập địa chung mai phúc lý thư.
Thử hận thương mang hà xứ tố,
Sở hồn nhất dạ điều Tam lư.

1. Chữ này đề thiếu.

2. Các chữ này nguyên văn đề thiếu.

3. 1916 (?)

4. Theo tài liệu thơ chữ Hán Phan Bội Châu, chúng tôi tìm thấy chữ *liên* nên điền vào nguyên bản của V.N.N.L.S. Trước nay để trống.

DỊCH :

Đời này cay đắng biết bao lắm!
Một mệnh lìa ta nghĩ lại căm.
Anh bỏ bạn bầu đi nữa dứt,
Tôi cùng hùng quỷ ở mà cam.
Gươm quăng trước rợp trời lơ lửng,
Thơ để trong lòng đất vắng tăm.
Mỗi giận mệnh mong đâu ước hỏi?
Tam lư hồn Sở khóc ngày đêm⁽¹⁾.

Thơ điếu

Từ gia tiên hậu xuất dương quan,
Vãng sự hồi đầu lệ âm san.
Chính vị đồ long ma bạch nhận,
Khởi kỳ bão hổ ngọa thanh san.
Nhất thiên phong vũ các lân khổ,
Lưỡng địa tâm trường cầu xích đan.
Dị nhật Long-thành bả bôi khóc,
Đồng du kim ngã nhất nhân hoàn.

DỊCH :

Xa nhà sau trước vượt dương quan,
Việc cũ quay đầu lệ chứa chan.
Những muốn chêm rồng mài kiếm bạc,
Ngờ đâu ôm cọp ngủ thanh san.
Một trời cay đắng cơn mưa gió,
Hai đất son vàng lăm ruột gan.
Ngày khác Long-thành nâng chén khóc,
Cùng đi nay chỉ một tôi còn!

1. Khuất Nguyên là Tam lư đại phu đời Sở, Sở mất, ông tự tử chết.

HÀ TỬ KÍNH

Người tỉnh Hà-dông, mất ở Dương-thành (Quảng-châu).

NGUYỄN TÔNG DUY

Cũng người Hà-dông mất ở Long-châu.

LÊ THANH HƯƠNG

Người tỉnh Nam-dịnh mất ở Bang-cốc.

LÂM ĐỨC MẬU

Ông xuất dương năm Nhâm tý, chuyên học tiếng Đức, vào trường Đức văn Quảng-dông. Năm Giáp dần đi kinh đô Xiêm để mưu tính công việc, bị người Xiêm bắt nộp cho Pháp, giải về Hà-nội. Người Pháp buộc ông tội câu thông với kẻ địch xử tử hình. Tên thật của ông cùng quê quán và sự thực của ông nhiều chỗ chưa rõ, đợi tra cứu thêm sẽ chép sau, nay chỉ nói đại khái ra đây.

Một bài thơ điệu ba ông và đồng chí cũ

Thiên trùng vân thụ vạn trùng san,
Tứ cổ thương mang lệ ám đàn.
Nguyệt ám dăng vi nhân ảnh đặm,
Phong thê vũ thiết kiếm quang hàn.
Mộng trung xích tử đề thanh khô,
Cục lý thần châu chiến huyết ân.
Bằng bối linh tinh cứu vị bảo,
Hải thiên phủ ngưỡng đoạn sầu nan.

DỊCH :

Mây núi xa xa mấy vạn trùng,
Mênh mang bốn phía lệ tuôn ròng.
Trăng mờ đèn tối người phai bóng,
Gió thấm mưa thê kiếm lạnh lòng.
Mộng thấy trẻ con gào tiếng khóc,
Cuộc nhìn trận đánh, máu xông hồng.
Bàn bầu thừa thốt thù chưa báo,
Trời bể sâu này khó dứt xong.

LÊ KHÁNH

Ông người huyện Chân-lộc (nay là Nghi-lộc) tỉnh Nghệ-an, thuở bé cha mẹ ông gửi cho một người tuyên giáo nọ, ông chịu sự giáo dục, dự định tương lai làm người tuyên giáo. Lúc mười lăm tuổi ông thi vào Thuận minh học đường (La điện học trường : nguyên văn). Ông người thông minh, tính ôn hòa, học được sáu năm, đi thi các khoa khảo nghiệm đều chiếm ưu đẳng. Các thầy tây, thầy ta đều khen ngợi ông. Các bạn học đều thân ái với ông. Ở trong tôn giáo, ông có sự khế ngộ đặc biệt, do đó cái nhiệt huyết yêu nước với lòng yêu tôn giáo đồng thời phát triển. Ông thấy Tồ quốc trầm luân, giặc Pháp hoành hành, thường có chí bỏ mình cứu nước. Lúc ông ở lớp 4 của trường thì tôi là học sinh lớp 3, ông cùng tôi rất tương đắc.

Ông thường thở dài nói với tôi rằng : « Chúa ta và các môn đồ đều lấy máu rửa cái dơ của người đời, nay Tồ quốc đồng bào bị tai ách như thế, chúng ta không biết bỏ mình cứu vớt, ngồi nhìn nước mất chủng diệt, tương lai ta sẽ tuyên cái giáo gì ? » Than ôi ! đó là lời nói ruột gan phôi mật của đời ông, đến nay tôi chưa bao giờ quên. Ông tuy nuôi cái chí cứu quốc đã lâu, nhưng các thầy tuyên giáo ở trường đều là người Pháp, chúng thường ngăn cấm học sinh không cho biết việc ngoại quốc, sợ sinh lòng khác. Chúng tôi ở trường tuyên giáo, trừ kinh thánh và giáo quy ra không có chỗ

nào để mở tai, mở mắt cho rộng hơn. Riêng chúng tôi mà có tư tưởng ái quốc ấy cũng là nhờ Thượng đế ban ơn cho rất hậu vậy. Khoảng các năm Quý mao, Giáp thìn, chiến dịch Nga — Nhật ảnh hưởng đến khắp châu Á, chúng tôi có nghe ít nhiều. Mỗi lúc báo ngoài về, thầy tuyên giáo Pháp cứ giấu kín, không cho người mình biết. Chúng tôi lúc đó rất thù ghét người Pháp, nhưng không biết làm sao được. Trong các thầy tuyên giáo có Bạch-nhị-nghĩa (người Tỳ-lợi-thì⁽¹⁾) dò biết ý chúng tôi, mới làm thân với hai chúng tôi, có lúc đem tình thế Nga — Nhật và ngoại quốc nói với chúng tôi, mà lại khuyến khích chúng tôi nữa. Ông thường nói với chúng tôi rằng: « Tôi ở Việt-nam tuyên giáo đủ ba năm thì sẽ về nước, lúc đó tôi sẽ đưa các anh về nhà tôi, để các anh được hưởng cái giáo dục hoàn toàn của Tây dương ».

Nhưng thầy tuyên giáo ấy vì có làm thân với hai người chúng tôi, làm cho người linh mục Pháp ghét, nên trong năm ấy bị bãi chức tuyên giáo. Thân với người Pháp muốn bưng bít người ta đến thế là cùng! các năm Bình ngô, Đinh vị⁽²⁾ Lê và tôi đều trước sau đậu tốt nghiệp. Lê làm thầy giảng thuộc bộ tòa giám mục, rồi đến thầy giảng ở Mai-tiên, tôi cũng được sung chức thầy giảng thuộc bộ tòa giám mục. Chúng tôi xa dần thầy tuyên giáo Pháp, mới được tự do cùng những người ngoài tôn giáo giao thiệp. Nhân được cậu tôi Trần Văn Bình giới thiệu với các người tân đảng, Lê và tôi ra làm việc nước từ đó là đầu. Các nhà tôn giáo nước ta, có chỉ mưu độc lập cho nước thời bấy giờ thì Lê là một người, mà ba thầy tuyên giáo Mai-tiên là lãnh tụ toàn bộ. Năm Mậu thân, ba thầy tuyên giáo đã cử Mai Lão Bạng xuất dương giúp đỡ Hội chủ, tham gia

1. Tỳ-lợi-thì: phiên âm chữ Belgique, tức nước Bỉ.
2. 1906 — 1907.

việc ngoài, lại cử Lê và tôi chia trách nhiệm ở trong về việc liên lạc nhân dân các địa phương. Tôi trú ở địa phương huyện Quỳnh-lưu, còn Lê làm việc tại huyện Hương-sơn. Ông nhiệt thành cổ động những nhân dân tin đạo. Các người này lấy làm cảm động, góp của góp sức, giúp vào việc đảng ngày càng nhiều. Năm Kỷ dậu ông lại mưu với ba thầy tuyên giáo là trong tin đồn nên có người xuất dương lưu học. Thế rồi tôi và ba đồng chí được đi Nhật du học, đó là muốn hấp thụ văn minh ngoại quốc để làm cho sự nghiệp cứu quốc phát triển. Về việc tiếp tế học phí, thì ông và ba thầy tuyên giáo đảm nhiệm.⁽¹⁾

Tháng 3 năm ấy tôi đến Hương-cảng. Ở Cảng hơn một tháng, tiếp được thư ông nói rằng: « Ở trong phong trào khá thịnh, nguồn cung cấp lương ngày càng lên, cứ an tâm học tập cho đạt mục đích ». Tôi rất mừng liền sang Nhật-bản vào trường Thành, thành Đông-kinh. Vài tháng sau, được thư bí mật của Lê nói: « Hiện nay mưu đảng bị lộ, người Pháp vây bắt ráo riết người ta, lưới chằng khắp nước, ba thầy tuyên giáo đã bị án tử hình. Nhưng các thầy đã đem công lý, chính đạo ra biện luận. Vả việc đảng cũng chỉ là nghe nói, chứ không có chứng cứ gì đích xác, người Pháp chỉ làm án về việc đưa học sinh xuất dương, nên chỉ làm án chín năm đày Côn-lôn ». Tháng 11 năm ấy được thư ông nói rằng: « Sau việc ba thầy tuyên giáo phát ra, tôi bị truy nã rất gắt, hiện tôi và Ngự Hải đang định hành động cách khác, xin báo cáo với các lãnh tụ ở ngoài kịp chỗ quân giới về nước, để làm cách viện trợ cuối cùng cho chúng tôi ». Tháng giêng năm Canh tuất ở ngoài người đảng đã mua quân giới từ Nhật-bản chở về Hương-

1. Ba tuyên giáo sư là Nguyễn Tường, Nguyễn Thần Đồng và Đỗ Văn Lĩnh đều bị đày ở Côn-đảo.

cảng. Nhưng vừa lên bộ thì người Anh biết nên phải tịch thu. Nguyễn Quỳnh Lâm vì việc chở súng bị tù ở Hương-cảng. Kế hoạch chở khí giới về thế là tan vỡ. Vì thế các đồng chí ở trong, ngày càng lâm vào cảnh nguy khốn. Ba tháng sau thì được thơ ông Kim Thanh nói rằng: « Ông Ngư Hải vào ngày mừng một tháng hai bị người Pháp đưa mấy trăm lính bao vây nhà trọ, chống lại không được nên đã tự bắn mà chết. Nhân Ngư Hải bị nạn, Lê định đánh Pháp giải vây, nên cũng trúng đạn mà chết ». Hỡi ôi, tận tụy báo nước, là do thành tâm, gặp nguy chịu chết không muốn cầu miễn như Lê thiệt là người trối của nước ta, mà cũng là kiêu mầu của tôn giáo. Đảng ta gọi là Hiếu Tôn, lúc ông chết mới hai mươi năm tuổi. Hoặc có người hỏi tôi rằng: « Tên Hiếu Tôn nghĩa là gì? » tôi nói: « Con con yêu của Thượng đế, là Hiếu Tôn, cũng là hiếu với Tổ quốc vậy ». (Sử của Hiếu Tôn do Lưu Song Tử thuật lại, tôi biết được đem đăng ngay).

Ba bài thơ thương Hiếu Tôn của Lưu Song Tử

I

Tứ hải vạn đào dũng,
Thiên sơn nhất nhật chinh.
Tư quân độc bất kiến,
Nam vọng khốc thôn thanh.

II

Ngô đảng tiền phong thất,
Trung nguyên bích huyết dư.
Đảng tiền phong vũ dạ,
Bất nhân độc di thư.

III

Thiên đường quân dĩ hĩ,
Hải quốc ngã thê nhiên.
Hồn mộng đồng ca khốc,
Bồi hồi tình nguyệt biên.

DỊCH

I

Bốn bề muôn cồn sóng,
Ngàn non một chim nhàn.
Nhớ anh chẳng được thấy,
Nhìn nam tiếng khóc khan.

II

Tiền phong đảng ta mất,
Trung nguyên giọt lệ thừa.
Trước đèn đêm mưa gió,
Chẳng nở đọc di thư.

III

Thiên đường anh đã vậy,
Bề nước tôi buồn rầu.
Hồn mộng ca lẫn khóc,
Búi ngùi bên trăng sao.

CÙ SỸ LƯƠNG

Con người mà một mình nếm đủ các mùi dùi sắt, gươm máu, đóng đủ vai trò người học sinh mặt trắng và người hào khách rừng xanh, sinh ở nơi mất nước, chết làm hồn yêu nước, há lại không phải là người con trai lỗi lạc lắm ru? Đồng chí ta Cù Sỹ Lương là như thế. Ông họ Cù, tên Lương, tên chữ Nghĩa Trai, biệt hiệu Đồ Quỳnh, vì ông là người thôn Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, nên người trong đảng lấy tên riêng ấy mà gọi ông. Ông đầu óc giàu tính giác ngộ, lại có tính tiến thủ hăng đã không biết thì thôi, hề biết thì nhất định làm, cần phải thực nghiệm mới chịu. Thuở bé đọc được nhiều sách xưa hay của nhà, nuôi sẵn chí làm việc thiện, làm thì phải có thành hiệu mới chịu. Đối với những tiếng dâm sắc đẹp, thì tránh như là tránh rắn rết. Cho đến một con sâu, con kiến nhỏ cũng xét kỹ rồi mới giết. Khi đã hơi lớn lên, thông hiểu sơ sơ các sách và sử chữ Hán, lại hăm mộ việc làm của các nghĩa nhân, hiệp sĩ ngày xưa. Thấy người khác bất bình thì hết sức, hết lòng báo thù thay cho họ. Thấy ai cậy giàu khinh nghèo, cậy mạnh hiếp yếu, tuy là thân thích cũng cứ trách mắng mà không bênh vực. Xét bình sinh của ông là người dân ngay thẳng thuở xưa. Người Pháp cướp nước ta, xem dân ta như gà, lợn, phạm những kẻ ngoan ác không có tính người thì được chúng dùng làm tay sai để giúp

Kiệt làm ác⁽¹⁾, dần phá hủy lẽ trời, chà đạp quyền người, mà bọn tay sai đã làm thì người Pháp trông thấy cũng làm ngơ. Ông vốn ôm sẵn nghĩa khí, chí uất hận, cái tính hăng hái không để ai xâm phạm được, thì thường phát hiện ra những lúc nghe thấy được. Có một lần, nhân ngày mừng ba tết Nguyên đán, ông có việc đến thành phố Nghệ-an. Ông là người Nghệ.

Lúc đến ga, xe lửa chưa đến. Có người đứng đón ông, sắc rất đẹp mà lại rất buồn, đó là một người con gái trạc tuổi hai chín⁽²⁾; bỗng hỏi ông rằng: « Ông có phải người Quỳnh-đôi không ». Ông trả lời: « Phải ». Người con gái hỏi: « Ông nay đi đâu? » Ông nói: « Sắp đi tỉnh ». Người con gái nói: « Nay tôi gặp nạn, xin nhờ ông cứu, tôi trông đã lâu ». Ông ngạc nhiên hỏi: « cô cần việc gì? » Người con gái nói: « Nhà tôi ở trong thành chỉ có mẹ già và tôi mà thôi. Hôm qua nhân năm mới đến mừng tuổi bà ngoại tôi, nay muốn đi xe về tỉnh nhưng tôi đến đây còn sớm quá, mấy người làm trong ga đều đi mất, chủ nhà nhìn tôi, giành nhau giỡn cợt tôi, tôi chắc đó là triệu xấu, tôi sợ quá không dám lại gần họ mua vé xe, muốn trở lại nhà bà ngoại nhưng trời tối rồi, con gái không dám đi bộ một mình, không biết làm sao. Tôi mong ông làm như Lỗ Trọng Liên⁽³⁾ ». Ông nói: « Thế thì tôi sẽ mua vé xe cho cô và xin bảo hộ cô ».

Người con gái rất mừng, theo lời ông bảo, ông mới mua giùm vé cho người con gái. Xe đến người con gái theo ông lên xe. Đến chỗ người xét vé ra cửa thì bị hắt

1. Vua Kiệt nhà Hạ tàn ác, ai giúp kẻ ác làm bậy thì thường nói là giúp Kiệt làm ác.

2. Hai chín là mười tám.

3. Lỗ Trọng Liên là người trọng nghĩa không chịu tôn Tần làm đế.

ta cản trở không di được. Ông xông đánh tên giữ cửa, tên này la ầm lên, mọi người làm việc khác xúm lại đánh ông, đánh vào mặt ông đến hàng trăm đấm. Ông không chịu lùi, tìm cho được người con gái, người con gái đã bị nhốt trong nhà ga, kêu khóc gọi ông. Ông gõ cửa thì cửa đã đóng chặt, ông càng giận đánh vào cửa kính ngay chỗ tên xếp ga ở, ông tay đánh, chân đá, gặp ai đánh nấy, nhiều đồ đạc ở chỗ điện báo bị tan vỡ.

Ông kêu to nói: « Chúng mày phải thả người con gái ra, không thì tao không để chúng mày sống đâu ». Bọn kia thấy ông lẽ thẳng và lại nghĩa dũng không đương nổi mới thả người con gái ra. Ông đưa người con gái lên xe, đến tỉnh thành đưa người con gái về nhà. Người nhà đều cảm ơn ông, hỏi tên họ, ông không trả lời rồi ra đi. Bình sinh ông thấy nghĩa thì mạnh bạo làm, đó cũng là một việc, than ôi! bọn cáo mượn uy thế con cọp Pháp đề nuốt sống nhân dân ta, quan lại Pháp há lại không biết, nhưng chúng vẫn vui lòng dùng bọn ấy là cốt cần có lợi cho Pháp, còn dân ta oan khổ có hại gì đến chúng. Cọp beo đặc chí, ma quỷ đầy trời, dân ta bị cái lây độc của Pháp, nói ra không xiết. Một ông Cù có làm gì được bọn chúng, hàng ngàn, vạn người.

Các năm Ất tị, Bình ngô, phong trào mới nước ta nổi dậy, các quyền « Hải ngoại huyết thư, Việt-nam vong quốc sử » từ Đông-dương⁽¹⁾ gửi về, ông được đọc mà say, đến câu: « Ra mặt xưng nam tử, tên đẹp trên thế gian, quỳ gối thờ kẻ thù, vật uế trong vũ trụ », ông thôi đọc mà than thở mãi, đến tối bàng hoàng không ngủ, ngồi chờ sáng, tự nghĩ đồng sách cũ nát chỉ làm hại đời ta, ông rộng áo dài, có ích gì cho thời nguy này, nếu được kẻ hào kiệt thiên hạ để cùng làm việc thì

1. Nguyên văn Đông-dương — Ở đây, ý nói từ Nhật-bản gửi về.

nên vì non sông mà hy sinh thân này. Thế mà nhìn lại các bạn quen biết từ xưa đến nay toàn là bọn khoa trường thờ tục. Ông lấy làm tức giận, từ đó ông bỏ nghề cũ không thêm ngo tới, mà có chí hiến thân cho nước. Đồng ấp có ông Thiếu Tùng họ Hồ, là con Hồ án sát, trước làm Án sát tỉnh Nam-dịnh. Hồ đánh nhau với Pháp bị tử trận. Con là Thiếu Tùng, không theo học cử nghiệp, ham giao du với các hiệp khách. Trong nhà có lúc khách khứa ăn uống, đến vài mươi người mà cách hành động không giống người thường. Ông chắc với người này có thể tỏ bày tâm sự của mình được. Ông mới đến nói chuyện với Hồ. Bình nhật Hồ vẫn coi trọng ông, nhưng cũng chỉ cho ông là một người quân tử có phẩm hạnh thuần chính mà thôi. Khi nghe ông nói rất lấy làm lạ. Ôi! cái tư tưởng dốc bể tuôn sông lại từ miệng một tiên sinh bát cổ⁽¹⁾ mà ra, há lại không đáng lạ lắm ru; Thiếu Tùng nói với ông: « Tôi bất tài, làm sao giúp đạt được chí muốn. Tuy nhiên tôi xin giới thiệu ông với những người giỏi đương thời ».

Lúc đó những người trọng yếu trong đảng như Đặng Thái Thân, Lê Dật Trú đang họp nhau bàn mưu kế ở Hà-nội. Thiếu Tùng và ông đi Hà-nội gặp hai ông Lê, Đặng. Lê thấy ông thì cười mà nói: « Phải chăng ông là thầy đồ dạy tư ở làng ». Ông nói: « Phải ». Lê nói: « Thế thì tôi rất sợ ». Ông hỏi: « Tại sao vậy? ». Lê nói: « Thầy đồ dạy tư chỉ biết ăn cơm người ta mà làm văn bát cổ, ngoài ra còn làm được gì, cho nên tôi sợ ». Ông trả lời: « Ông nhầm rồi, tôi đã tuyệt giao với bát cổ lâu rồi. Trời nghiêng, đất ngã, giặc cướp tung hoành, nếu có tâm huyết, ai lại chịu trở lại chốn gà lợn tìm ăn nữa. Xưa nay tôi khổ không biết nói với

1. Người học nho quen làm kinh nghĩa để đi thi.

ai mà thôi. Ông là con em nhà có thù với giặc, có danh vọng lúc này, tôi khó nhọc ra đây, để cầu được gặp, rất muốn cùng các ông sống chết, sao lại cho tôi là bất cớ tiên sinh mà bỏ tôi». Lê khâm phục lời nói, mới nói ra những việc nguy hiểm để thử lòng ông. Lê nói: «Thế thì ông có thể làm một người bạo động được không?» Ông nói: «Tôi muốn là muốn làm việc của kẻ nhân nhân chí sĩ, nay gặp ông, ông lại đem việc làm người bạo động ra hỏi, làm cho tôi hoang mang». Lê nói: «Ông nghi lời nói của tôi, tôi xin vạch ra ông rõ. Hoàng kim làm ra thế giới, có thể làm việc lớn mà không cần đến tiền không? Nước ta tiền bạc nhà giàu hàng ngày cung cấp cho người Pháp tiêu xài, cũng vì sợ súng đạn mà thôi. Chúng ta lấy tay không và lời nói suông đến xin họ một đồng tiền, cũng không thể dễ dàng mà được! Chúng ta tự xét không mấy may vì kẻ thân gia, thì nếu có dùng bạo lực mà lấy tiền để giúp vào việc, thì không phải là không hợp đạo lý. Thực ra hành vi của người bạo động, chỉ là hòa bình có vỏ trang mà thôi».

Ông nghe đến đó vỗ tay nói rằng: «Phải, phải, nay tôi xin làm một người bạo động». Các ông Lê, Đặng đều khen ông và từ đó phái kịch liệt có làm điều gì Lê cũng đem ông đi theo. Ông thí nghiệm đều thành công, Lê khen ông giỏi. Thế rồi ông cùng Đại Đầu, Long Sơn cùng làm việc độ một năm, ngày thì ngồi bàn cầm bút, như một thầy đồ, đêm thì mang đèn giấu súng, làm người hảo hán. Nếu không biết lòng ông thì ít người không cho ông là cuồng vọng. Các lão khoa cử ở trong làng rất khinh bỉ ông, ông không thêm biện luận gì cả.

Một hôm ông đưa một số đồ đệ vào một nhà nọ; chủ nhân rất giàu mà lại rất keo bần. Bộ hạ ông trăm cách dọa nạt, mà chủ nhà vẫn không chịu đưa tiền ra

nộp. Có người đòi trời lại mà đánh. Ông không chịu, gạt nước mắt nói với chủ nhà: «Chúng tôi làm như thế này cốt để làm việc giết giặc cứu nước, vì kinh tế thiếu nên mới phiền đến các ông. Các ông phải biết là tiền chúng tôi làm được, chuyên dùng cho việc công, nếu có một hào nửa đồng vào túi riêng chúng tôi để nuôi vợ con, thì trời đất tru diệt, không ra khỏi cửa các ông một bước». Nói xong rồi khóc to lên. Chủ nhà thấy thế cảm động mới chỉ chỗ để tiền cho lấy. Cái nghĩa khí của ông cảm được người đại để như thế. Nhà ông vốn nghèo, trước thường đi dạy học nuôi mẹ già. Từ lúc làm đảng viên, ông không ngó gì việc nhà nữa. Người đảng muốn lấy tiền giúp nhà, ông không chịu, nói với các người đồng sự rằng: «Tiền chúng ta làm được, một giọt một sợi đều là mồ hôi và máu của nhân dân, nay lấy mà cung cấp cho nhà riêng ta tức là trái với lương tâm đã đành, lại còn mặt mũi nào đối với đồng bào được nữa?» Thế rồi từ chối không lấy số tiền được ấy. Vì thế đảng ta rất trọng ông. Ông hết sức làm việc, tiền công càng dồi dào, thế đảng ngày càng mạnh, nhờ công của ông rất nhiều. Không bao lâu, tiếng của ông đồn ra đến tai chính phủ Pháp. Chính phủ Pháp bỏ nhiều tiền thuê mật thám theo dõi rồi bắt được ông đem vào Hà-tiên. Ông phần uất mắc bệnh rồi chết ở chỗ bị đày. Lúc đó ông ba mươi bảy tuổi. Than ôi! ghét điều ác như kẻ thù, quý điều nghĩa như tính mạng, đã nói là làm, sống chết cũng mặc, chỉ có một người như Cù mà thôi. Thế mà không làm trọn chí mình, đáng tiếc biết bao!

LƯỢC TRUYỆN CÁC LIỆT SĨ KHỞI NGHĨA Ở MÓNG-CÁI

Dưới trời mưa gió ở biên thùý, trên đất súng đạn tối tăm, mà lại có người nổi dậy lấy gậy gỗ mà diệt nhà Tần⁽¹⁾. Chỉ vì Chúa, Trời đang say, không giúp cho thành công, nên nhiều lần mưu toan mà bỗng chốc lại hỏng, nhưng cái chí lỗi lạc, việc làm oanh liệt cũng đủ treo với nhật nguyệt, thề với non sông, mà làm cho bọn cam tâm làm nô lệ thời nay phải xấu hổ, thế thì tuy thất bại mà vẫn vẻ vang.

Mùa thu năm Giáp dần, Âu chiến bùng nổ đã năm, sáu tháng. Ở nước ta những người có thân, nghịet tử⁽²⁾, chí sĩ nghĩa dân, giành nhau đánh giặc Pháp trong lúc này. Việc khởi nghĩa Móng-cái cũng phát hiện vào lúc này. Xét ra ngoài thủ mưu khởi nghĩa lúc bấy giờ là các ông Quản cơ họ Đặng, Công tử họ Đào, và Nhị lang họ Hoàng⁽³⁾ độ vài mươi người, ngoài ra còn có các

1. Nhà Tần độc ác, bọn Thảng, Quảng chỉ lấy gậy gỗ nổi dậy mà diệt được.

2. Ý nói con mà cha bị giặc giết đi rồi.

3. Vì không rõ tên nên cứ chép chức vụ như Quản cơ, hoặc con họ nào như Công tử, hoặc con thứ mấy như Nhị lang (con thứ hai).

Hoa kiều ở ta và nghĩa dân ở nơi đó đều có dự mưu. Kế hoạch vạch ra là trước lấy Hải-ninh, tiến đánh Quảng-yên sau đến Hải-phòng, mưu đồ toàn cuộc Bắc-kỳ, phương lược tiến hành là ngoài kết hợp với người Hoa, trong liên kết với thổ binh, trước đánh úp lấy đồn Móng-cái, giết quân quan giặc, lấy khi giới làm khởi điểm. Định kể rồi, ước hẹn người đảng đến ngày nọ thì khởi sự, rủi thay trước một ngày thì việc bị liết lộ, bọn Pháp biết được. Các người dự mưu bị bắt đồng một ngày và bị chém ở thị xã Móng-cái: Việc đó xảy ra trong mùa xuân năm Ất mao⁽¹⁾.

Tính ra những người bị chết thì có Quản Đái họ Đặng (tên chưa rõ) là một bộ thuộc cũ của Chấn trung tướng quân Nguyễn Thiện Thuật. Công tử họ Đào (tên chưa rõ) tức là con tri phủ họ Đào ở Móng-cái trước, Nhị lang họ Hoàng là em Bát phẩm Hoàng Xuân Soạn. Ngoài ra còn nhiều người nữa đợi nghiên cứu xong sẽ chép thêm, Nhị lang họ Hoàng lúc sắp bị hành hình, thì từ sắc khảng khái, ngó xung quanh mà nói rằng: «Chúng tôi vì việc nước mà chết, chết còn phàn nàn gì, giận chưa thấy nước ta khôi phục mà thôi. Thời kỳ nước ta khôi phục quyết không lâu nữa, đồng bào ta cần phải cố gắng để rửa giận cho người đã chết ở dưới suối vàng. Chúng tôi sẽ cười mà tạ ơn các ông». Những người nghe lời đều rất cảm động. Hoàng tuổi hơn hai mươi, thông minh dũng cảm, rất ham nghĩa khí. Khi trước Đĩnh Nam xuất dương, đến Bắc-hải gặp ông rất khen ngợi ông. Đĩnh Nam⁽²⁾ sang Nhật, ông đi hộ

1. 1915.

2. Tức Nguyễn Thượng Hiền.

về từ Bắc-hải đến Hương-cảng mới trở lại. Lúc từ biệt ông nói với Đinh Nam là ngày sau nếu có cơ hội giúp sức cho quốc gia thì xin hết trung với nước, sống chết không kể gì cả. Sau mười năm thì có việc tỵ nã ở thành Móng-cái, quả như lời nói. Ôi, thật là người nghĩa liệt⁽¹⁾!

TRUY LỤC HOÀNG VĂN KỶ

Không gì đáng yêu bằng thanh niên, không gì đáng thương bằng chết uổng. Con người đáng yêu mà gặp cảnh đáng thương thì thiệt là đau xót. Huống chi lại ôm trống chí mà chết, thì đáng đau xót biết là dường nào! Người bạn tôi Hoàng Văn Kỷ là như thế đó. Ông thân ông ngày xưa là Hoàng Văn Cát, là một nghĩa dân Nam-kỳ. Ông sinh ra thì gặp nước mất nên cần răng giũa bon giặc cướp, nhưng sức mình nhỏ, thế mình mỏng không làm thế nào được. Vừa năm Bình ngô⁽¹⁾ niên hiệu Thành Thái, Hội chủ xuất dương, có bài « Phò cáo lục tỉnh » truyền đến tỉnh Vĩnh-long. Ông thân ông rất phấn khởi, mới đưa ông xuất dương yết kiến Hội chủ, và bảo ông lưu học.

Ông lúc đó mới là một hào kiệt nhỏ, mười hai tuổi mà thôi. Nhưng nghe được lưu học thì vui sướng không muốn về. Thế rồi ông thân ông gửi ông cho một nghị sĩ nọ ở Đông-kinh, còn ông thì tự nguyện về nước làm việc đảng.

Ông với người chú là Hoàng Hưng đều trú ở Đông-kinh vào học trường người Nhật. Ôi! một thiếu niên chưa thành đồng mà lưu học hải ngoại, ông với Trần Văn An, Trần Ngọc Thư, ba người thật là mở một lệ rất mới cho nước ta vậy. Ông tốt nghiệp ở tiểu học hiệu

1. Theo Phan Bội Châu niên biểu, thì sau khi nhận được tiền viện trợ của Đức thì Nguyễn Mạnh Hiếu được phân công về Đông-hưng định đánh Móng-cái. Theo tài liệu Pháp thì Nguyễn Trọng Thương (con Nguyễn Thiện Thuật) định đánh Móng-cái với lính khổ đở Bắc-kỳ và các thú hạ cù của cha là Tân Thuật. Các việc này có dính líu với nhau chăng?

1. 1906.

rồi, thì ông thân Hoàng Văn Cát vì việc đảng bị lộ nên bị Pháp bắt bỏ tù, còn ông chú Hoàng Hưng lại vì thiếu tiền ăn học nên về nước trù liệu, ông tuổi trẻ như thế, một mình ở Nhật không lấy làm buồn nản mà bỏ việc học hành. Lúc đã vào trường trung học, nhờ tư chất thông minh mà lại siêng năng, nên mỗi lúc thi là ông chiếm ưu đẳng. Lúc đó chú ông là Hoàng Hưng ở Hương-cảng, nghiên cứu việc chế thuốc đạn bị thuốc nổ, nên nhà đương chức Anh ở Cảng biết được ông là người dảng cách mạng nước ta nên bắt ông giao cho chính phủ dịch (tức là Pháp). Chính phủ Pháp buộc tội ông mưu làm loạn mới làm án đầy ra Côn-lôn. Ông được tin này cái lòng thù giặc Pháp lại sôi sục không thể ngăn được, mới có cái chỉ viết bút cầm gươm. Ông mưu vào trường học quân sự Nhật-bản, nhưng không có văn bằng của Pháp, người Nhật không cho. Ông nhân có bạn Trung-hoa mới học tiếng Trung-hoa, bỏ Nhật về Quảng-đông, đổi họ đổi tên, giả làm quốc tịch Quảng-đông rồi lên Yên-kinh vào trường lục quân quân quan học hiệu. Chỉ ông cốt là đánh giặc. Đã vào trường quân rồi, ông càng mãn nguyện, nên mài nanh rửa vuốt, chỉ đợi lúc được thử thách. Các buổi học và buổi luyện tập, không những không khi nào thiếu mà lại siêng năng hơn người. Ở trường chỉ hơn một năm mà rất được thầy, bạn khen ngợi. Than ôi, dao còn đang đúc mà màu sáng đã thấy rõ, thuốc chưa ra lò mà hơi vàng đã nổi. Nếu được lâu năm để học cho xong thì cái thành tựu sau này chưa có thể lường được. Trời hạn chế tuổi thọ của ông, cái chí mạnh của ông chưa thực hiện được. Đến năm Đinh tị⁽¹⁾ bỗng bị bệnh truyền nhiễm mà chết ở bệnh viện của quân quan học hiệu. Đau đớn biết bao! nạn nước chưa hết,

1. 1917.

tiền đồ đang dài, một người thanh niên có tài có trí, mà không được chết vì việc nước, đó không những chỉ một mình ông không may mà đảng ta, nước ta cũng không may vậy. Tuy nhiên, đồng bào đồng chí giận kẻ thù, trung với nước, chăm lo tu dưỡng, đang còn hàng trăm hàng ngàn người như ông. Cho nên ông ở dưới chín suối, ắt cũng có ngày sẽ vui cười. Vì thế tôi viết ra việc này để lại đời sau.

Thơ điếu

Vũ hám vân bi vạn lý hôn,
Thư lai nhất tự lệ thiên ngân.
Hàn phong Dịch-thủy Kinh Kha khứ,
Cổ trủng Yên-kinh Đỗ Vũ tồn.
Bắc đầu vọng thời huy oán lệ,
Sóc phong xuy đảo tưởng trung hồn.
Việt-nam hà nhật trùng khôi phục,
Ứng vì chiêu quân hoán cứu nguyên.

DỊCH:

Mây mưa muôn dặm cảnh hoàng hôn,
Một lá thư sang lệ nhỏ tuôn.
Sóng Dịch Kinh Kha cơn gió lạnh,⁽¹⁾
Thành Yên Đỗ Vũ năm mồ chôn.⁽²⁾
Trông sao Bắc đầu sầu rơi lệ,
Hắt gió sóc phong tưởng đến hồn⁽³⁾.
Nam-việt ngày nào khôi phục lại,
Gọi ông xin gửi xuống hoàng tuyền.

1. Kinh Kha qua sông Dịch-thủy để đi ám sát Tần Thủy Hoàng. Sau có câu thơ: Phong phiêu phiêu hề Dịch-thủy hàn, tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn — Gió thổi hiu hiu sông Dịch lạnh, tráng sĩ đi rồi không trở về.

2. Đỗ Vũ: Đỗ Vũ tên vua Thục, Đỗ Vũ chết hóa thành con chim gọi là Đỗ Quyên cũng gọi là Tử qui.

3. Sóc phong là gió Bắc thổi lại.

HỒ BÁ KIỆN

Năm Đinh vị niên hiệu Tự Đức, quân Pháp đánh thành Nam-định, tổng đốc Võ Trọng Bình bỏ thành chạy, Niết đài⁽¹⁾ là Hồ Bá Ôn cùng Đề đốc Điem hết sức chống cự. Đạn bị hết, viện không có, thành mất ông chết theo. Ông để lại ba người con, Bá Kiện là con đầu, Kiện tư chất thông minh, đọc sách nhiều, làm thơ văn giỏi. Khi Niết đài chết vì nước, thì ông bỏ cử nghiệp không nhìn đến nữa, chuyên giao du với khách kiếm hiệp. Cầm gươm kẻ thù của Hàn và ao ước tìm được người tráng sĩ Xương-hải⁽²⁾. Phàm những kẻ hào kiệt cùng đường thất cước đều tụ tập ở nhà ông. Nhà có bao cửa dự trữ đều bỏ tiếp khách hết.

Vì thế các người giỏi Nam Bắc đều có biết ông. Khoảng năm Đinh tị, Bình ngô, tân trào nổi lên, ông chạy vạy hô hào rất mạnh. Phàm học sinh xuất dương, các việc vận động, đưa đón, ông rất mệt nhọc, đảng càng mạnh thêm, tiếng tăm ông cũng thêm rõ. Bọn mật thám định bắt cho được ông. Khi việc đảng phát ra ở Hưng-yên, ông bị khép án đày đi Lao-bảo. Đến nhà lao thì có tù vài trăm người. Có người mưu đồ

1. Tức là chức án sát.

2. Trương Lương muốn báo thù cho Hàn, tìm được tráng sĩ ở Xương-hải.

chống Pháp, có người thông với đảng ngoài, bị tội cũng như ông. Đại đề non sông đã mất thì lao tù là nơi an lạc của các chí sĩ, nghĩa nhân. Ông ở ngục được các tù khác coi trọng, mới cùng mưu phá ngục trước khi giới, họp sĩ binh đánh thành Lao-bảo. Việc phát ra, người Pháp đem trọng binh đàn áp, ông bị chết tại trận.

Ông người thôn Quỳnh-đôi, huyện Quỳnh-lưu, tỉnh Nghệ-an, lúc mất đã năm mươi tư tuổi.

Liên viếng của Đinh Nhạc⁽¹⁾

Phương tương liên nhất khí vi địa cầu, vô sở vị hợp tịnh vô sở vị ly, quán giao địa hạ nhân gian, tổng y nhiên đăng tiền kiếm ảnh, chăm bện kẻ thanh, đặc ý đã đồ vong nhĩ ngã;

Thả dục đạo chúng sinh ư Thiên quốc, hữu vi chí nhân, tất hữu vi chí quả, bằng trường thiên linh phật lực, hội tu khán trần lý Âu văn, hảo đoạn Mỹ vũ, mục trường na phục kẻ đông tây.

DỊCH :

Cũng toan liên một mạch làm địa cầu, không gì là hợp, cũng không gì là ly, khiến cho dưới đất giữa người, đều y nhiên trước đèn bóng kiếm, bện gối tiếng gà, khi đặc ý lại quên mây tớ.

Lại muốn dẫn chúng sinh lên Thiên quốc, đã làm ra nhân, ắt sẽ làm ra quả, dựa ở oai trời sức phật, tất phải thấy trong bụi mây Âu, đầu tia mưa Mỹ, trường chấn⁽²⁾ chỉ sá kẻ đông tây.

1. Tức Nguyễn Thượng Hiền.

2. Trường chấn nuôi (chữ này còn nghi).

HỒ BÁ PHẤN

Người Pháp chinh phục nước ta, cái thủ đoạn độc ác nhất là dùng người Việt đánh người Việt. Chúng lấy con em ta luyện tập thành binh sĩ, rồi đưa binh sĩ đó đánh nghĩa đảng của ta. Còn người Pháp thì ở trong cửa cao nhà rộng, ngồi hưởng cái quyền lợi của chủ ông, vì chúng đã ngu muội lính tập chúng ta mà sai khiến như trâu ngựa thì người ta chỉ có thể bị giày xéo dưới bàn chân của chúng.

Cái thủ đoạn nhà cường quyền đến thế là cùng. Nhưng về thực tế thì lại khác thế. Cái tinh thần yêu nước, yêu đồng bào thì trong lính tập ta thường thường vẫn xuất hiện những bậc nhân nhân chí sĩ như Hồ Bá Phấn người tỉnh Hà-tĩnh trước là lính tập, cũng đã vai vác súng, lưng mang đạn ở dưới sự chỉ huy của quan binh Pháp, nhưng rồi vì khởi nghĩa mà chết, đó chẳng phải là đặc sắc của lính tập ta sao?

Ông xuất thân gia đình làm ruộng, ít được học hành, nhưng bản tính cương dũng, vui làm việc nghĩa, rất giàu tư tưởng chủng tộc. Khi giặc Pháp hạ thành Nghệ-an thì ông còn ít tuổi. Lúc đầu ông theo nghĩa quân, quân đang ô hợp hễ đánh nhau với Pháp là thua.

Nhưng lúc đó các phủ huyện nổi dậy như ong khắp đông khắp tây, người Pháp phòng ngự cũng rất chật vật. Chúng mới bỏ ra nhiều tiền để mộ thổ binh, làm cái kế « lấy Tần đánh Tần » bắt đầu từ đời Hàm Nghi. Ông đã đánh trận nhiều và biết rằng bọn Pháp về kỹ thuật đánh rất tinh và có khi giỏi tốt, còn quân ta chỉ tay không rất là bất lợi. Thế rồi ông thay đổi kế hoạch, thay áo về làng tự đến trại lính Pháp, ứng mộ làm thổ binh, hàng ngày ra thao trường tập kỹ thuật đánh trận không biết mỏi. Đến đêm về trại thì cùng các đồng ngũ nói chuyện rất vui vẻ, như là ngoài trại lính ra không còn có sinh hoạt gì nữa. Hay là vì mỗi tháng 6, 7 đồng bạc lương mà xoay chuyển được ông như thế chẳng? Không đâu, không đâu. Con điều hầu lấy mây làm tổ tất phải sửa bộ lông, con giao long lấy bề làm hang thì tất phải sửa bộ vảy. Những người binh sinh có hoài bão như ông, há lại chịu cái kiếp trâu ngựa đến già đời! Ở trại lính vài năm, ông lập được nhiều công trạng, quan binh Pháp cho ông là giỏi, nên cho làm đội trưởng, được đốc suất một tiểu đội lính tập 50 người. Vài năm nữa, ông được lên chánh đội trưởng, được điều khiển một trung đội lính tập 100 người. Lúc bấy giờ ông tự nghĩ cho rằng hy vọng của mình đã sắp đến nơi. Ông đã nhận chức đội thì nghiên cứu chiến lược, tìm tòi kế hoạch. Lại cùng binh sĩ các đội lân cận phôi gan vạch ruột đêm ngày gần gũi nhau. Người ta đều kính mến ông. Lính tập trong một thành hầu như có miệng đều nói Đội Phấn, có tai đều nghe Đội Phấn. Ông tuy đã thông thạo việc binh, thu phục được nhân tâm, nhưng cái ý muốn vẫn chưa tuyên bố ra, vì cưỡi ngựa mang cung vẫn có lòng khác, không phải cái mộng

tướng « con út nhiều tiền »⁽¹⁾. Nhưng người Pháp dùng thổ binh ta, một mặt nuôi như lừa ngựa, lại một mặt đề phòng như trộm cướp, tuy có tin cậy gia ân lắm, cũng chỉ cho làm đến chức quan một mà thôi. Từ chức bài trưởng trở lên, không có người Nam ta. Ông ở ngũ đã lâu, nuôi sẵn mũi nhọn, thời cơ chưa muôi, do dự khổ tâm, nhưng trận tuyến đã cùng, không có chỗ phát triển nữa. Ông bùi ngùi lo nghĩ sợ người Pháp nghi ngờ, người Pháp đã nghi thì tai vạ đến ngay, thế thì lòng mình sẽ không tỏ được với đời, làm cho người thế giới lại bảo người Việt-nam đều là trâu ngựa mà thôi. Thế rồi ông bỗng nhiên quyết kế.

Tháng 5 năm Mậu thân, nhân việc kháng sưu bùng ra, ông mới tụ họp bộ hạ mình, quay giáo đánh thành Hà-tĩnh. Lúc đó tân trào đang thịnh, người Pháp đề phòng nghiêm ngặt, các tỉnh thành đều có trọng binh đóng giữ. Ông ra sức đánh nhau với giặc, sắp hạ được thành thì thuốc đạn vừa hết, địch cho nhiều viện binh tới. Bộ hạ của ông hoặc chết, hoặc chạy, ông may thoát được chạy lên thượng du hội với các nghĩa đảng ở rừng núi. Các nghĩa đảng cử ông cầm đầu. Ông lại đi khắp các phủ huyện, liên lạc với các lính tập đã giải ngũ, mưu đánh thành Nghệ-an. Nhưng súng đạn chưa đủ, còn phải đợi hàng tuần nữa, để tìm cách cướp xưởng binh khí của địch. Việc ấy bị bọn mật thám Pháp dò biết, Pháp đem đại binh vây đồn ông. Lúc đó quân trong đồn đang phân tán các nơi để cướp súng đạn. Còn ở đồn chỉ hơn 10 người mà thôi. Địch nhiều mình

1. Tô Tần lúc hàn vi về nhà chị dâu không nấu cơm cho ăn. Sau mang tướng ăn lộc quốc về, người chị dâu không dám nhìn thẳng. Hỏi vì có gì? Chị dâu nói: « Vì chú em út nhiều tiền ».

ít không thể chống nổi, lại không có lương ăn, nên bị địch cướp đồn, ông bị bắt. Giặc bắt được ông rồi, rất lấy làm mừng, mở tiệc ăn mừng như đã bình được một địch quốc. Hỡi ôi! Cái nỗi lo âu của người Toại diệt Tề⁽¹⁾ rất là đáng sợ.

Ông tên chữ là Càn Thái. Có thổ binh như Càn Thái thì người Pháp có thể nô dịch được không? Lúc ông bị giết, có một người lính vệ tự tử theo. Cửa ông kiện tướng không có người hèn thiệt là như thế⁽²⁾.

1. Điển tích này chưa nghiên cứu được.

2. Theo chỗ tôi biết thì Đội Phấn vẫn trốn tránh mãi. Khoảng năm 1920 Pháp mới bắt được, chém ở quán Thầu-dầu, Vinh (người địch).

PHẠM NGÔN

Trước tôi ở đất khách được tin từ Yên-kinh đến, đau lòng xót ruột, tôi khóc Phạm Đương Nhân. Bỗng hai năm nữa lại được người từ đảo Côn-lôn về, làm cho nước mắt khóc Đương Nhân lại tràn trề hơn xưa. Than ôi, người anh của ông cũng đã chôn ở đảo Côn-lôn rồi! Nhà ông bốn anh em, Phạm Ngôn là trưởng, Phạm Ngôn sinh ở xã Việt-yên, huyện La-sơn chính là quê của Phan Đình Phùng, thống suất đảng cần vương sau khi nước ta mất. Lúc Phan chết vì nạn nước ông còn trẻ tuổi. Nhưng mỗi lúc nói chuyện tới Phan thì ông khảng khái thở than, khôn xiết cảm kích. Tấm lòng nghĩa liệt trời sinh rất là sâu sắc. Non sông đổi chủ, loài cáo loài chó kêu căng, trên đỉnh núi Linh-cảm lại có người dựng bia cho tên chó săn Pháp Nguyễn Thân. Nguyễn Thân là con chó săn đã đàn áp nghĩa đảng Nghệ-Tĩnh. Trần Bạch Sa có nói: « Ghi công tạc đá Trương Hoảng Phạm, người Hán nào đâu có phải Hồ »⁽¹⁾. Thế đạo bị giày vò, còn gì hơn thế nữa. Lúc vừa lớn lên, hàng ngày ông bụi ngủi đi lại ở vùng núi Linh-cảm sông Phố-giang, lòng ông căm giận lại thêm ngứa đến trợn mắt đứng tóc lên, không thể ngăn ngừa được.

1. Minh công lặc thạch Trương Hoảng Phạm, bắt thị Hồ nhi thị Hán nhi.

Lúc đó các ông Sào Nam, Ngư Hải tổ chức đảng mới, ông liền cho em là Đương Nhân xuất dương, còn ông thì ra Bắc-kỳ gặp tướng quân Hoàng Hoa Thám kiểm một miếng đất xây một cái đồn, vừa để mở mang thể lực cho Hoàng lại để thu nạp các người vong mạng ở Trung-kỳ ra, vì thế Bắc-kỳ có cái tên đồn Tú Nghệ. Các đồng chí Đàm Kỳ Sinh và Nguyễn Tuyên đã có vào đồn ông cho nên thường nhắc đến lòng nhiệt thành và chí khắc khổ của ông; lại thở than công việc của ông không thành cho nên Hoàng thêm bị cô thế.

Trước đó ông ở đồn điền Yên-thế, công việc đã có manh mối, thì lên về Nghệ-Tĩnh, định thu góp một khoản tiền lớn để mở mang thêm vây cánh.

Chính lúc đó người Pháp tuyên chiến với Hoàng. Ông lập tức ra Bắc định vào đồn giúp Hoàng đánh giặc. Nhưng đồn đã bị bao vây bốn phía. Hoàng cũng giữ đồn chống giặc, trong ngoài không thông được tin tức với nhau. Ông mạo hiểm tìm đường mà tiến. Giặc thì đông, đường mắc nghẽn, ông bị vây đánh và bị bắt. Lúc giải về Nghệ-an, bọn chó săn theo chỉ thị Pháp dùng nhục hình tra tấn ông, lòng được chứng cứ của đảng. Ông kiên trì không nói gì về việc đảng nên bị dầy Côn-lôn. Bấy giờ là năm Canh tuất niên hiệu Thành Thái⁽¹⁾. Người em út cũng tổ chức nghĩa đảng đánh quân Pháp, bị đạn mà chết. Than ôi! Hy sinh thân mình để thực hiện chí mình, hy sinh gia đình để cứu nạn nước, anh em ông Ngôn gồm có cả hai điều. Nước mất, nói giống tiêu diệt có phải cái tội một mình một nhà đâu, mà chịu đau đớn như thế! Ông và gia đình ông thiệt là hùng tráng!

1. 1910, là niên hiệu Duy Tân — trên bài tựa đã có giải thích.

Liên viếng của Đặng Nguyên Càn

Huyền hoàng vị định, như thử thể tu tài, hữu kỳ phần hỷ
nhĩ cánh quệ, hữu kỳ quệ hỷ nhĩ phục năng phần dư, ngọa
ngã ư cùng đảo hoàng sơn, thi chúc vạn nhân tề cứu quốc;

Đào thái vô tình, chỉ ghi thiên diệc túy, bĩ nghị tử giả hà
dĩ sinh, bĩ nghị sinh giả hựu hà nhĩ tử dã, liên quân dĩ không
quyền bạch diện, bôn tri thập tải bất tri gia.

DỊCH :

Cao dầy chưa định thể, đời còn cần kẻ có tài, có người
đã dầy rồi lại ngã, có người đã ngã rồi trở lại dầy chăng? Đầy
ta ra đảo vắng rừng hoang, muôn kẻ ước mong đều cứu nước.

Lựa lọc khéo vô tình, trời hắt như người say rượu, kìa
kẻ đáng chết sao lại sống, kìa kẻ đáng sống sao lại phải chết
thế? Thương anh chỉ tay không mặt trắng, mười năm chạy vạy
biết chi nhà⁽¹⁾.

1. Câu liên này ở quyển Việt-nam nghĩa liệt sử có nhiều
chữ khác, chúng tôi nghĩ là sai mới hỏi lại ông Đặng Thai Mai
con cụ Đặng Nguyên Càn, thì ông Mai cho biết như trên.

LƯƠNG LẬP NHAM

Thân không đầy bảy thước mà lòng mạnh bằng muôn
người, tuổi không quá bốn tuần mà tinh thần suốt muôn
thuở, người như thế ấy há lại không khó lắm ru! Lương
Lập Nham gần như thế đấy.

Thân sinh của ông là cụ Hiếu liêm⁽¹⁾ phẩm giá tài học
nổi tiếng khắp Bắc-kỳ, học sinh Bắc-kỳ vui lòng theo
học rất đông nhiều người hiền đạt, đến bọn tay sai của
địch quyền vị to mà cũng kính trọng ông. Nhưng trong
trường nô lệ, tuyệt không có bước chân ông bước đến.
Con trưởng ông là Đàm, thi hương đậu, cũng không xu
thời, không vào hàng ngũ của bọn nô lệ. Lập Nham là
con thứ của ông. Từ khi đến tuổi thành đồng thì đã có
chí khí không chịu bó buộc. Gặp lúc nước mất, bọn
tiểu nhân vô liêm sỉ bôn xu chốn nô lệ, ông rất căm
tức. Thấy ông rong chơi, bọn tầm thường có kẻ nói
xấu ông. Ông không thêm để ý.

Lúc đó cuộc chiến tranh Nhật — Nga bùng nổ, Nhật lại
thắng. Ông nghe tin phấn khởi mà nói: «Người Á có
thua kém gì người Âu! Những bọn cứ nằm im khiếp
sợ, chỉ chuốc lấy nhục mà thôi». Tức thì ông bỏ việc
nhà mưu đi xa, cần những học thức mới để làm kế tự
cường. Được tin Sào Nam qua Đông, ông một mình

1. Tức là cụ Cử nhân Lương Văn Can.

vượt bể vào tháng chín năm Ất tị niên hiệu Thành Thái⁽¹⁾. Đến Hoàn-tân, ông ở với Sư Triệu⁽²⁾ vài tháng. Năm sau ông vào Chấn võ học hiệu Đông-kinh. Lúc đó ông mới mười bảy tuổi. Nhưng người có khí khái nên các bạn học Trung-hoa đều coi trọng ông. Đến lúc tốt nghiệp, Bộ tham mưu Nhật vì lý do ngoại giao không cho ông vào liên đội. Ông yêu cầu với Tham mưu trưởng Phúc Đảo mà cũng không được. Ông tức giận mà nói rằng: «Chí của tôi là muốn học lục quân nay đã không được vào liên đội thì còn luyến tiếc nước này làm gì nữa?» Thế rồi ông bỏ nước Nhật trở về Quảng-đông xin vào trường Lục quân trắc hội⁽³⁾. Hai năm sau, vừa lúc cách mạng Trung-hoa lần thứ nhất nổi lên, nhà trường đóng cửa, ông đi Nam-kinh, bày tỏ ý nguyện của mình với lý trưởng Trần Dụ Thời, xin vào quân dinh luyện tập chiến thuật kỵ binh.

Không bao lâu, Nam-kinh lại có cuộc cách mạng lần thứ hai. Ông đi Thượng-hải mưu liên kết các đồng chí tổ chức một đội quân đánh Viên Thế Khải. Đang còn sắp đặt công việc thì thời cuộc thay đổi, nên lại bỏ dở. Ông lại trở về Việt (Quảng-đông) rồi lên về nước, đưa một nhóm thiếu niên trong đó có Hoàng Chấn Đông, độ hơn mười người đồng thời xuất dương vào quân dinh Lương-Việt (Quảng-đông, Quảng-tây), còn ông thì đi lên Bắc-kinh vào quan quân học hiệu. Chí ông là muốn được về Long-thành uống máu quân thù không thì da ngựa bọc thây cũng đành. Mỗi lúc nằm nghĩ không

1. 1905.

2. Tên chữ Tăng Bạt Hổ.

3. Là đo và vẽ.

giây phút nào bỏ quên điều đó; vì thế cho nên ông đã tự mình đầu quân để cho những người được ông dìu dắt cũng đều theo ông muốn tập luyện cho thông thạo việc súng đạn. «Bàn công then kẻ số bắt sống, chém thẳng Lâu-lan báo quốc ân»⁽¹⁾. Cái chí nguyện và việc làm như thế há lại không vĩ đại ru? Tào vật ghét tài, anh hùng không vận, không những chí nguyện và việc làm không đạt mà lại rơi vào lưới giặc, thế thì đáng thương cho Lương biết bao! Mùa đông năm Quý sửu, ông định lên về nước để làm mấy cuộc vận động. Đi đường qua Hương-cảng thì mật thám Pháp biết và ông bị bắt đem về Hà-nội. Chính phủ Pháp kết án ông 10 năm tù, đày đi tỉnh Thái-nguyên. Đến chỗ đày, hàng ngày ông cùng các bạn tù, nhỏ nước mắt nói chuyện nước mất, nòi giống bị diệt, lời lẽ đau đớn xót xa làm cho mọi người cảm động. Nhân đó mà tạo ra cái quái kích các tù phạm ngục. Ông ra khỏi ngục, lính khố xanh ở tỉnh cũng trở súng hướng ứng với ông, các tỉnh Yên-bái, Thái-nguyên kẻ nhau nổi dậy. Điện báo đến Hà-nội, toàn thành hoảng sợ. Lúc đó ông tự cho là chí mình tạm thỏa mãn dầu chết cũng vui lòng. Điều thoát lồng mà liếc, cộp xỏ chuồng mà găm, việc tuy hiện ra chỉ chốc lát như đám mây, nhưng không thể không gọi là cái kết quả của tráng sĩ! Tiếc rằng ngoài không có viện trợ, trong lại thiếu tiền của, mà toàn quốc dân ta trình độ đều quá thấp, không có ngàn vạn người như ông để làm hậu thuẫn, cho nên khi địch đem sức mạnh đàn áp thì một mình ông chống sao được ngàn

1. Luận công sỉ kẻ sinh cầm số, trực trảm Lâu lan báo quốc ân.

vạn giặc! Huyết chiến hơn vài tháng, ông bị trúng đạn mà chết. Lúc đó ông mới hai mươi tám tuổi. Ông có người em là Lương Nghị Khanh cũng lưu học ở Nhật. Học sắp xong thì bị bệnh phổi về nước, rồi bị án đày như cụ Hiếu liêm, phát vãng sang thành Nam-vang. Lúc đó cụ Hiếu liêm đã hơn bảy mươi tuổi. Nghị Khanh chết ở chỗ đi đày. Than ôi! Nạn nước chưa xong, thù nhà lại nặng. Lương ở dưới chín suối, đau lòng biết là chừng nào!

PHẦN CHỮ HÁN

thuongmaitruongxua.vn

曾公拔虎

詩

填淵電遠非揮里濱遊舟授手多波下左
 難龍風定人山萬盾遠歸所攜日蜀臺水
 石埋追班主西十申飽穩天共來淘泉香
 海底逸師故指迴洒陽夜音桑洋流志啼
 仇獄俊願猶怒迂空迷一知扶重清埋哀
 心何才筆山戈馬庭足京迤向蒂挽君鶴
 傷柰驥披江金單秦傷春邈東一誓哭遼

吊

年承健蓬微厲志何秋待秀披河海夜墳
 十蛇且柔式仇牆柰幾有禾與先腦風孤
 三窟剛矢慨斬依可經聊披相導注秋弔
 涯莽生志今呼耿心痒蛇已瞻力潮賴暮
 生莽平壯於狂歌違困蟄路肝鼎新無日
 瞻卅公齡運臂奔竟塵蠅時朝公界頭涼
 薪神憶弱國奮出事風屈去一憑學船淒

附魚海弔曾公拔虎對聯

國泣交戰 去大劍知力旗 三忽埋五端的紅 兵忽京書端族 提清神讀筆黃 耶於我也以吾 世泣向物戰為 於一風何或常 戲英秋為台溫 作於入之以塗 生泣思死戰血 虛一令知或使 其年誰不輩直 堂餘東亦十鐵 君廿於我數以

輓聯

家非家死 家破不雄 何苦死生 為最所欲悲 家若死悲 以中得外 何夢欲度 國國生 報家捐死 身家義死 許是在殉竟埋 史家尚心死難 年何仇片欲志 步亦亡一未烈

附錄陳國維哀公詩並聯

生。此身輕撐。中惜一隻手不平。生。死。萬。北。天。怒。橫。光。眼。流。雨。夜。創。雙。群。風。戰。坤。把。江。百。乾。欲。香。閨。亞。翻。日。報。歐。海。他。

留生。尚。半。同。提。况。一。窮。原。有。中。日。步。有。進。勁。湧。後。初。仇。潮。復。戰。導。新。當。公。月。殉。國。人。知。我。閱。國。吾。多。公。哉。數。隨。乎。許。告。壯。東。竟。嗟。志。願。

抗租遇害諸義民

拳。權。天。然。望。利。何。沛。仗。概。柰。已。計。山。暗。潮。無。江。霧。新。山。與。膏。氣。推。誓。雲。民。填。理。日。意。血。公。此。窮。膏。寧。如。無。將。命。啼。望。難。性。石。南。堅。將。泣。頭。德。折。鐵。回。

附錄陳國維弔詩一律用前韻

拳。權。雙。舌。碑。伸。寸。白。傷。心。迎。終。屬。鬼。義。骨。累。已。了。三。滿。壑。生。劫。

陳公季怡

吊詩

摩	浮	淚	眼	看	東	球	風	雨	年	來	欲	捲	歐
國	種	向	榮	還	自	播	舌	鋒	到	死	不	曾	柔
雄	魂	擬	把	強	權	倒	碧	血	翻	因	正	誼	流
南	望	江	山	斜	照	外	傷	心	七	字	竟	千	秋

附陳國維輓詩

鷄	脉	已	謝	舊	生	涯	美	雨	歐	風	枕	畔	來
獨	立	堂	壇	憑	氣	築	自	由	世	界	藉	魂	開
胸	襟	板	可	全	球	小	歌	哭	驚	將	萬	夢	回
此	去	化	為	潮	陣	陣	南	漠	日	夜	浪	如	雷

黎公潔

吊詩

迷	途	慣	慣	誤	青	年	夢	裡	遽	然	忽	慄	然
藥	石	數	言	空	風	病	頭	顧	一	擲	補	前	愆
波	濤	舌	底	真	咸	海	雲	霧	晴	餘	便	見	天
畢	竟	人	生	都	有	死	流	芳	遺	臭	看	誰	賢

會	念	未	平	寧	有	海	楚	魂	欲	問	奈	無	天
憑	誰	繪	出	遺	黎	慘	紅	血	江	山	黯	黯	然

朱公書同

獄中詩

淚	痕	旁	午	獄	中	書	懷	慨	臨	風	恨	有	餘
身	不	英	雄	生	亦	累	事	非	宇	宙	死	徒	虛
強	權	字	下	無	天	日	民	族	叢	中	儘	肉	魚
撫	劍	願	成	千	萬	臂	民	間	魔	障	一	時	鞭

吊詩三絕

右一

種	固	非	吾	矧	是	仇	先	人	排	滿	我	排	歐
祇	今	沱	海	濤	聲	怒	想	像	當	年	罵	賊	囚

右二

平	生	豪	氣	吸	三	江	罵	賊	聲	嘶	忿	未	降
令	日	修	公	獄	中	史	驚	風	怪	雨	襲	寒	憲

右三

惜	公	不	及	見	誅	仇	氣	到	泉	臺	罵	未	休
南	盛	從	容	公	慷	慨	英	雄	笑	罵	各	千	秋

附陳國維輓詩

吾驅逐無
真浪前也
認萬洗醒
始將我中
今期迎場
頭海山夢
回茫茫壯
奴戴史客
入仇舊蟬
誤諸翻鳧
涯共公輩
生恥照一
浪天月憐
孟南日可

阮公誠

存言魂奔
獨前里峯
我痛萬萬
堪計涼湯
那大要怒
去秋國清
詩公千愛狂
吊坤死志總
乾後年島
檐悲廿鳧
北生結將
南殘鬱欲
肩敗仇氣
比百鐵英

又一律合吊崑崙死義諸同志

何多波霞
爾聲頃紅
素哭萬染
茫暗山血
滄黯吞香
回首煙氣秋
回雲壯千
家怯月島
為夢更烈
海歸三忠
宅橫塚稱
為縱照合
天雨魂此
碧風殘從

附錄陳國維輓聯

造舉流志
奇孤怨同
絕起何呼
奇湧怨驚
人中死裡
多波一夢
許期宅只去天
客無古值哭立
偏與萬所以獨
幾期雄來去河
若有英得歌山
積問個購以我
面寧留血不還
崑崙初高國日戰
崑崙當高越此戰
崑崙故高大離戰

河城殉義諸烈士

胞刀茅豪
吾一前獨
極快氣膽
日還上年
今心陣當
戈賊烟看
倒殺硝請
曹刻袒在
若三左雄
痛遲魂英
冀乃中萬
燃計聲廿
豆勳雨仇
煮策風同

附陳國維吊詩

謀愁秋流
戈地橫暗
倒天尚淚
蓄歸劍陽
時魂一斜
戈北餘立
枕城氣獨
仇哭賊黑
事神罵風
肯鬼仍西
仇滴泉赤
誅血九水
為前到河
不寺恨珥

女烈士丁夫人

吊詩

奇詩眉兒
中命鬚眼
女絕好碧
楚餘有鬚
翹魂隊虬
中雨釵教
人風裙驚

輓聯

翻思
歸臭
安凝
嫗屏
趙一
作死
不一
王渠
徵多
河年
山十
大數
許史
嗟歷
嗟教

附陳國維輓詩

磨家斜花
難有秋一
志別帶第
換圖影秋
幾基日千
滄越山筆
桑大屏遺
他漢涕種
靡知怒蘭
矢寧兼羅
山膽聲學
江所濤花
許微海由
身二泣自

陳國維讀河城烈士傳題後

然天博傳
濱回古聲
一直令噪
燈事羊袒
寒心紅左
夜戈換聞
午倒超驚

女烈士丁夫人題壁三絕

右一

潮燒
夜儂
日為
江紙
香一
斷前
腸墳

右二

傷槍
自千
祇臂
鵬臂
雌十
血身
啼願

右三

知兒
自男
哭幾
空屢
沙冠
潤心
海傷

行耶杜公選

吊詩

風雨連年惡石聖友
 討仇酒愁誇故友
 詩九泉
 乾坤一老遺
 憂國川夢薄
 山薇
 絲痴齊
 成裡夷

附陳國維吊詩

賦天川邊
 鄉後山瘴
 醉事鄭到
 托題古風
 暫休萬隨
 時敗殘夜
 憂成夢月
 年地子鴈
 壯前甲飛
 自眼陶南
 纓仁編作
 簪一數願
 跡夷老公
 謝險詩哀

鄧君蔡坤

吊詩並聯

悲為知飛
 堪敢天電
 重是帝逐
 耗生有隣
 死輕應青
 君自心夜
 聞敢寸夜
 垂辱惜在
 陪先輩秋
 淚母朋十
 悠碑惟血
 悠飲豈鮮
 望先死頭
 南寧一簷

一雨風
 海外寄
 時所
 於其
 補得
 無淚已香
 生洩死餘
 我空君有
 嗟天噫古

附陳國維輓聯

度鑄場有
 初世牧弟
 明鑄苦有
 文時辛叔
 是鑄哉有
 好磨哀德
 贖十聲同
 其鍊無心
 終百竟一
 身將後慟望生
 百誓樂一所猶
 分原前否碑死
 沒燎光在吞雖
 傑火山魂天友
 邦星江國仰朋

阮君伯選

吊詩

霜滄亡堂
 雪桑未高
 幾任國慰
 橫夢河事
 縱一閑心
 劍夷戰兒
 寶險百真
 腸月在劇
 剛日何壯
 鑄懸家稱
 範肩雨然
 家雙風居
 君孝年劇
 憑忠廿悲

渠胥惜申枉有粗楚才存姪家子吾我笑慙下終泉負聲仇一兄日父何

附陳國維輓詩

公中忠風
黃雨爲怒
祖殫國吼
臂林毒西
一槍爲城
將賣家底
獨身於夜
推外戀壯
倍山不龍
魄腥生辭
來海逃肯
歸濁不來
島凌死魂
囚氣能英

又黃玉龍輓聯

虜席 仇子 鐵夫 誓吾 天風 壁父 劍乃 拔有 嘗大 閭蘊 遊素 同韜 憶畧 少個 年真
 雄海 英軍 失將 遽老 日鏡 挽儕 吾 作開 欲留 全爾 方 極兩 孝日 忠哀 憐聞 獨外

阮公網

詩 吊

居餘月空日淚心雄身賊憂殺百如斷何欲意魂望山四江天慟海一

忠世阮士俠

詩 子

乾坤 亞醒 盪聲 震雷 俠動 風地 奔騰 倒仇 海寒 流氣 潮劍 美霄 歐冲

雲一聯

父家老名遺屬天涯史教豈管胞士同義念亦國民祖頌念亦傳板真印青無孝難忠慕

附陳國維輓聯

場看氣語
 好回奇聲
 烈幾勅一
 烈城勅海
 轟狐賊擣蔭仇
 轟殉殺鬱莽誅
 無再猶抱平厲
 豈刃原常山志
 間虜九日崙同
 來櫻到此崑先
 以三魂至拔身
 覆家中沉手外
 翻君掌浮吾海
 坤似劍世揮兒
 乾誰寶身欲姪

信貞金石心難死 碧染山河血有香
奇氣已堪寒賊膽 至今白日貫虹光

附陳國維輓詩三絕

右一
歎息奇功竟不咸 悲歌聲咽短長亭
群丸未擲頭先擲 何日重泉笑一聲
右二
奇功豈必自身咸 同志猶存死亦生
一片誅仇心事在 將軍頭借與荆鄉
右三
脫却儒衣謝故山 輕衫短袖出南關
片心已與紅雲白 不殺仇奴誓不還

讀二俠傳(阮世忠阮克勤)題後

醉迷場裡震雷驚 兩付頭顱一擲生
同志看洗山橫劍 此身赤魂共俠魂
血二傳好讀完 鮮傳好讀完 鮮傳好讀完

附陳國維詩

那堪一死一生存 兩俠相期種俠根
豈為勲名垂竹帛 要將心血洗乾坤

安氏名留韓未滅 溫生身殉漢方存
英雄血脈長無盡 且種千秋義俠根

輓聯

霹靂一聲群奸膽散 江山千古大俠魂

附陳國維詩聯

森心臨今 陰魘頭古 日懸汝照 氣寒已煌 鬼光神煌 堪震自由血 那一自鮮
沉蟄放彩 陸蛇掌新 久龍予呈 山起隨史 江欲光年 息春夜千 歎三不四
為字亦類 君姪汝醒 乃懸矧淨 傳高仇洗 客辰國郭 俠星吾城 傳月仇山 客日民江
讀開語亞 四卷五黃 千第十真 年一萬貴 歷人同種 史固胞好 刺應吾與 客日民江

俠士阮君克勤

予詩

英賢襟抱俠肝腸 成事歸人敗獨當
豈為豹皮名可愛 竟甘虎口毒先嘗

魂 士 武 鳴 長 劍 寶 膽 人 寒 落 已 鐘 警
昏 黃 日 雨 怒 風 驚 淚 帶 聲 時 讀 傳 二

銘 心 尚 藻 一 書 遠 誓 血 曾 杯 三 酒 濁
零 涕 淚 山 江 首 回 我 慙 空 在 猶 仇 國

黃烈士文車

吊詩

堅 天 泉 賢 彌 共 忠 死 老 羞 咽 餓 事 梁 裡 知 心 跳 洞 寧 仇 賊 清 古 誅 國 三 千
年 地 瘡 志 幾 無 怒 生 十 苦 蒸 平 涯 武 南 遂 生 用 臺 倘 劍 雄 德 呼 槍 英 二 一

阮公誠憲

吊詩

揮 違 飛 微 斜 竟 南 影 挽 願 鴈 燈 欲 知 逐 前 猶 寧 怯 樽 戈 國 魂 兩 單 報 夢 風
非 用 失 句 已 能 水 遺 事 書 龍 讀 山 信 同 恣 崑 自 悲 不 海 家 勢 心 片 傳 時 傷

附陳國維吊詩

頭 秋 因 留 白 橫 楚 今 到 鬱 刺 到 嶠 氣 坤 血 岐 劍 乾 齋 骨 間 仰 亟 奇 腰 俯 遺
流 電 市 國 泉 閃 燕 在 七 遲 聊 心 抱 光 世 鄉 環 刀 身 餓 峯 上 歌 在 九 掌 哭 身

附陳國維吊詩

崖 臺 來 哀 骨 頭 土 餘 健 斷 捲 有 稜 稜 上 年 岸 瘦 骨 生 後 何 倚 斜 陽 此 才 斜
頽 史 問 咽 山 血 天 誰 富 流 招 為 共 傳 夜 聲 不 定 連 潮 心 死 魂 海 石 縱 國 片

又黃玉龍吊詩

星 零 各 苦 辱 刑 北 忘 都 分 鎖 銜 途 分 南 北 各 苦 辱 刑 青 眼 生 願 老 平 抱 知 仍 戴 弓 劍 十

陳公福定

吊詩

橫 征 縱 萬 里 涕 淚 辭 寧 山 險 江 難 鳴 債 夜 夫 濤 了 匹 狂 未 海 亡 片 興

魂赫惜奔魂關說零生滅兄
仇雷復千樓照不空完珍父
奪天生雨日樓凉心土未來
必四微挾紅城凄如淨虜重
死為區風雲我象不片一仇江東

血亭前門淚月迎攀地原日
仇之戈國我明為人武中面
吮下决笑河夜拜父無平何
不靈志天處魂潮天雄嗟何
生精我仰到我新蒼英吁獨

擎情 天肉 向骨 手於 赤深 將國 敢君
照意 日泉 回重 心解 丹應 把兒 擬真

詩吊維陳附

雷來才咳 風里英九 挾萬失望 志從歲間 壯身連雲 生國危我 平殉時坐
灰落士志 劫更正清 委三悲澄 君向人抱 憐淚幾獨 玉天葬山 珠憂道江

傳合勸文君阮集文君黎士烈

怒祖京城應慶傳先仍曾
聲黎越頑響天綿我雲高
濤痛趨無萬普綿羞之莫
夜河馳北聲民裔河皇血
夜山雷以一越聖山黎仇
河戰轟南呼國苗我復斟
耳血雷廣大越神辱况誓
輓布除兵省聖都年種稱冰
詞雲人吳十神故百異人如
輓慘無萬數出還五事越寒
朝牒十捲裡兵今頭既刀
朝腥五疾洞吳垂低幸寶
城目昔驅山蕩德朝生間
龍極憶長藍掃功一我腰

詩集文君黎弔龍王黃錄附

旋年天前 南匝何墓 又近奈莫 去樓重杯 北難情三 借別山酒 誓鳳江血
鞭夏日誠 策開此人 共初如仇 閑網深斬 間魚感願 里罹樹刀 萬鴻雲龍

勸文君阮一律又

癡兒 石辱 木薄 寧隸 心奴 重老 山腐 江慙 亦紳 身縉

篇二崗花黃弔君基光

其一

忘湯強張
可金莫旗
不定強旗
花氣心立
黃俠人立
古靈國
萬最新獨

其二

涼像羊
淒繡紅
重繡紅
此新入
對胞劫
人胞劫
旁同浩
黃中我
種我

thuongmai.org.vn

又摘錄鼎南公南枝集內一篇

讀真鐵黃花崗詩感賦

死紫生聲客
日痕死先作
同血忘揚猶
人愁義擊成
二啼赴一無
十魄夫非我
七蜀壯孰偏
起曠羸鹿冊
霧日厭奔簡
妖白如殪輝
天頭胡此歎
賞崗厭從功
虹花方戈國
長黃萬群民

支私披厄隨悲
木身衆和黨餘
群一許血我咽
傾豈肝恨終水
厦利精飲魂鴨

有共補枕戰烈
夫下君當權奇
匹天勞戈強弔
責閑憾仇與時
國義缺誓氣他

杜君基光

弔詩

渠塵車膏
誰總填血
爲海越染
哭旗滿年
勳坤載當
山轉雲慨
江乾愁懷
戴終市花
六心街黃
今驟殘憶
於北照竟
去馳月君
君南慘思

弔同日殉義五十八君

封蜂虹龍
痕螫長駱
碧有吐愧
血寒欲曾
烈心氣何
城廬前冑
一強墓神
蟲鬼劍輩
路頭寶君
夾無貽登
冤落應史
啼淚魂國
切人下秋
凄行泉子

遭膏韜勞巢搖膠刀旄胞蛟毛曹高袍交
幾焚畧苦林為漆寒羽同龍鴻吾河戰知
經又抱忘穿難相揮馳吾困拚貽山策我
折夜中航瘴雨情共天救泥死痛募來負
磨夜胸梯撥風雨誓南力濁一慘烈快無

去劍緯國谷負水事旅虜知網義染志報
北學經祖溪所魚恥勁醜無魚君木同仇
還常藏許渡素互仇提彼何墜就草諸深
遊朝上驅星石載談外殄天此容血我早
東朝心馳披鐵八每境手蒼偶從碧嗟早

輓聯

山對關時鴻爪
洋牀伏香
重為之竟
雨薪雌音
風酒母鴈
間為飛半
年膽之載
七地雄一
忽險當已
東艱世而
離於斯而
手每生襟
揭里言分
自萬心暨

魄奇悲虎莽萬曹爾史絃噪
毅亦亦千林蓬吾尚新八嶂
與計天敵委長歸今壯圍俱
魂就天勇山國罪人雲香氣
忠弗灑之如故此遜風流教
無雖血夫骨心嗟方國骨秋
宣事碧百白傷吁才海俠十

吳夷士虜骨勞沒恥河貞水
吳泉壯強塵馳埋讐山忠一
雲秘聚批煙奔竟雪復耐隔
極黨上年地里聲心戰酒旬
南義臺三匝萬英盟百舉越
頭京頭世聲人使此當人城
回東斷安戰亡坐共終萬羊

傳合唐武君阮功德君阮

詩功德君阮

濟豪駭拋遙潮郊
海樞風閣道流邦
鹽卓入等漫動辭
山魄賦利酒洋險
魚氣詞名詩出骨

漢厚套日翻急起
霄獨俗難養雲袂
凌鍾出多姑風奮
杜華標家鴻陸然
銅其丰國冥亞翻

告來炬如目雷如聲中寐夢於恍留空
予曰真男子寧王而碎母氏全

詩吊維國陳附

傷光桑庄 輩三海梅 我薄咽奠 教氣賜血 翻奇啼仇 喜餘嶺和 虜空鴻酒 亡里古友 俱萬今死 國驅流酬 與心碧將 竟雄鮮願 人負城劍 斯徒龍快

詩吊以國死功德君阮公南鼎又

波多河戈 洗古山石 已自為越 劍雄憤高 寶英悲名 驚敗生士 驚失半奇 過少月傳 鴈今日遺 一如同修 風骨明史 淒氣光信 未嶺死年 天峻一他

一篇風古詩唐式君阮公南巢附

男凡韻迷 奇不出桑 瑰真刀扶 為然看指 鍾昂驚直 秀魄悵鞭 靈氣狐鳴 南器刀起 嶺立年然 鴻特少陡 西骨佩潮 之鐵常風 島筋腰學 魚銅俠遊

通戰志死奔魂何嗟歛嘗兒共存翻樽
欲朝吾塲城國索咨遽人健誰長滿
走朝快沙暹蘇天空鋒仇失與君時斟
洲又馬向向虜與抱頭許河鳴死君
南術匹死急仇我懷仇未關難未有為
陸槍刀然時滅不年試肉戰兩心血
北劍單不來殄時十未碑血風君海仇
倦攻喜兒昏指戈死劍槍悲痛魂倒搗
知夜自鬚地南金君間上山儕君城
豈夜時拳天向揮看腰肩江吾時龍
國曾盼盡雲旗臂上是是為為乎時
許書顧掃戰義奮臺最最重重有有
驅畧尺須歐把天頭君君君君有有
馳韜七生全欲仰斷惜惜悲痛時山我

詩吊維國陳附又

風中戎紅 秋掌無丈 泣落嘆萬 回首張輩餘 回孤吾光 天輩然斗 南幾徒射 雄外俠寂 世城有魂 蓋埋稱兵 生劍兒渺 平書健渺 負肩矣魂 辜一已國

湧夢天寒兼日雲日濤月江
青空地滿年年樹嶺斯

東風

詩

惟來理徘徊
感轟志
百烈地共
庭死心影
家一雄雲
念難立花
顧最獨曇

吊

埃去白外
涓擲終樹
補揮天山
以金氣峯
何千俠東
身易生吊
此容平憑

德君阮光基君杜聞公南巢又
至時同信哀國死唐式君阮功
得詩一律

行亡洋良
淚家遠三
萬國涉贖
來與君計
書並隨無
紙難雨身
一心風百

茫斷劫問
茫輩殘影
海朋支招
莽先我前
莽不刺燈
天恨山夜
碧頭江午

陳君文東

歌以吊

中腫工倒師奇知施慟
埃雙天壓餘乃人難君
塵似底人運何無才茫
出似底人運何無才茫
挺珠掌歐神數年薄顧
人珠甄遇門數年薄顧
有蛇陶我閉君十力四

東心遇巧奇俊絕人用
之寸所謂足此誠有弗
江寸隨謂足此誠有弗
浦如物自何如技即才
西如物自何如技即才
之絲萬人人人才龍君哉
嶺絲萬人人人才龍君哉
鴻蠶俯歐歐君居知哀

潘君資良

吊詩

今陰金音
至陰實佳
素夜枉送
濤倒星月
波顛沉帶
雨魔海鴻
風病碧寒

心暗土死
年暗乾未
少天還君
了橫骨疑
誓縱埋尚
蓬虜山裏
桑仇青夢

附陳國維輓聯

逝來流水烈風
生里萬魂
壯英轉
仇家坤
難施
國乾
可憐看
悲在會
足然
何依
浮生黨
同黨

阮君瓊林

輓聯

四策歐橫吞驅朝縱將吾至汝方惟矣任心濤陸縣生愁亞赤一浪全州磊怒茫百耶萬者四予捲君把衷江如雨遽三儘美天吸人暮噫海使雲

武君慣

輓聯

何天索人司敗成流東付江翻國山一腔熱血竟珠欲故熱淚雄魂秋歲里千十萬

附巢南子五言一絕聞 武兄投江感成

暫流連清魯投秦帝骨香

憤盡平時屈無楚濁海江

鄭君克功

輓聯

英語經艱寄幾事壯心舊談慰庸原珍默中欺仇護原談慰庸原珍默中欺旋應上忠南原北豎馬九鴻二戰作征情看有見無會靈愁苦

高君竹海

詩

輪津神頻征問傷洒瘁欲忽淚里流雨茫萬潮怪滄辭海風望不東驚南

范君振淹

吊詩

儔牛寡隨亦矧君口如雞心事稱羞秋鳳江學海終涕泉君謝已憐

留土黃餘空志壯 洲南滿血殘鵲啼 戰年不得 青消不 與魂 恐雄 魔有 病定

程情不平 半交不 慨見總 離死離 離生迷 忽於望 劍人一 日血急 何熱聲 嗟存潮 疊疴上 立沉江 纔到龍 馬病九

黎君求精

輓聯

中聲凱奏年他還之君為我同我 聲杯裏 凱愁飲 奏度心 年幾傷 他遂義 還齊死 之君同 之君同 去岑來 之魚同 君嶺我 見鴻與 盤

輓聯

家難天涯海 國魂劫天 中病後 轉痛條 展底入 生無俱自 不能無 又不君與我 又到誰任 死史出 能痛俱悲 不仇與再

范君思齊

輓聯

世蓋天補海填人少年造先國年造 奇功同布志出 與芳草為誰 與同志入悲風慘雨滿城 與同志入悲風慘雨滿城 與同志入悲風慘雨滿城

阮國瑞阮育智二君金錄

輓聯

來六十年來 涼六十年來 大夢一棄 哀我問 之甘而 為江山從 不能江何 心故國竟 他

李君子安

輓聯

破圖地興舊 真水無淨土 看年來 請百年 悲幾百 足幾百 何山河 況山河 旅碎

丁君允濟

吊詩

征南強千里關山 此行壯風驅雨 此

嶠志人物新南越 大憇修會不改性能
嶠姓字八千里外憇英魂

南輝君杜

聯輓

竟完後幕閉臺舞隸奴今印姦漢汝問
大都初軼史歷汝怪偏骨骨裏夢如何
自哀此備中佼佼最憐君

楊君

詩吊

余書車餘拋後征有
風雨悲病枉恨乾坤
汝史劍月別前寶江
纔生孤明山淡年吊
關慘十憑

鳩惟阮君

詩

吊

君到離群傷心更竟
傷一病傷心更竟
我如礪刃傷方礪刃
洒淚來

月營回慘
外照斜風西

雲嶺度生愁
聞翁叔使忍

仁當君范

詩吊

終雄紅中憶英尚雲
抱負血樹知敵天返
寧萬愛魂去憐死來
一空垂魂風庫白里
暱武難萬洗藏心餘
南海原國京願翻南
九殉神願竟平極

仁當君范聞公潘南
云詩有耗凶達君鄧

予居書閣喪雄裏三
竟鬼腹吊城伴埋夜
連欲終日病真地魂
一我入楚生豈天恨
此君所此苦拋擲何
萬吾樽辛輩前處
餘去劍訴

登君有達

吊

詩

辭家先後出陽關	往事回頭淚	暗青山丹還
正為天日龍城把	期地心腸我	青赤一人
一吳	兩同遊	

何子敬阮宗維黎清卿三君並
故同志

吊

詩

千重雲樹萬人山	四顧滄茫淚	暗裏血殷難
月暗燈微子星	風裏神州仰	寒斗望何日
夢中輩	海天俯仰	越南何日

黎君磐黨人稱之曰孝孫

哀孝孫詩三絕

其

一

四海萬濤湧	一鴈征聲
君獨不見	山望哭吞
四思	南望

其二

吾黨前鋒失	中原碧血餘
燈前風雨夜	不悲讀遺書

其三

天堂君已矣	海國我淒然
魂夢同歌哭	徘徊星月邊

黃君文紀

吊

詩

雨憾雲悲萬里	書來一燕字	淚杜想喚	十字忠九	痕存魂原
寒風易望何日	孤塚風為招	胡應		
北斗南何日				

胡君伯樵

岳輓聯

方謂枕畔	將離難	聯一教聲	氣地得意	為下人也	地球間都	無總忘爾	所謂然我	合燈前	並創	無所影
------	-----	------	------	------	------	------	------	-----	----	-----

且欲導衆生於天國有爲之因必有爲
之果憑仗天靈佛力會須看塵裏歌雲
毫端美雨收場那復計東西

范公言

輓聯

玄黃未定如世須才有其奮矣而更
蹶有其蹶矣而復能奮歟卧我於窮島
荒山尸祝萬人齊救國
淘汰無情祇疑天亦醉彼宜死者何以
生彼宜生者又何而死也憐君以空
白面奔馳十載不知家

鄧元瑾弔
(由鄧台梅頂正)

MỤC LỤC

Lời người dịch	5
Phạm lệ	13
Bài tựa thứ nhất	14
Bài tựa thứ hai	15
Bài tựa cũ thứ nhất	15
Bài tựa cũ thứ hai	19
Một bài thơ viếng liệt sĩ được phổ nhạc	21

VIỆT-NAM NGHĨA LIỆT SĨ (quyển thứ nhất)

Tăng Bạt Hổ	25
Sơ lược việc nghĩa dân các tỉnh Trung-kỳ chống sưu thuế bị hại	38
Chu Thư Đồng	41
Trần Quý Cáp	44
Lê Khiết	50
Nguyễn Hàm	54
Sơ lược việc các liệt sĩ Hà-thành Bắc-kỳ hy sinh	62
Đinh phu nhân	66
Đặng Thái Thân	72
Đỗ Tuyển	78
Nguyễn Bá Tuyển	81
Nguyễn Cương	87
Nguyễn Thế Trung	90
Nguyễn Khắc Cần	94
Hoàng Văn Xa	99
Nguyễn Thành Hiến	102
Trần Phúc Định	105
Lê Văn Tập, Nguyễn Văn Khuyến	109
Đỗ Cơ Quang	116
Nguyễn Đức Công, Nguyễn Thức Đường	125

VIỆT NAM NGHĨA LIỆT SỬ (quyển thứ hai)

Trần Văn Bình	145
Trần Đông Phong	148
Phan Lại Lương	151
Nguyễn Quỳnh Lâm	154
Võ Quán	158
Trịnh Khắc Công	161
Cao Trúc Hải	163
Phạm Chân Yên	164
Lê Cầu Tinh	166
Nguyễn Quốc Thụy, Nguyễn Dục Tri	168
Đinh Doãn Tế	170
Phạm Tư Tề	172
Lý Tử Yên	173
Đỗ Huy Nam	174
Dương Văn Quanh	176
Nguyễn Duy Cửu	178
Phạm Dương Nhân	180
Đặng Hữu Quý	182
Hà Tử Kính — Nguyễn Tông Duy — Lê Thanh Hương	185
Lâm Đức Mậu	186
Lê Khánh	187
Cù Sỹ Lương	192
Lược truyện các liệt sĩ khởi nghĩa ở Móng-cái	198
Hoàng Văn Kỹ	201
Hồ Bá Kiện	204
Hồ Bá Phấn	206
Phạm Ngôn	210
Lương Lập Nham	213
<i>Phần chữ Hán</i>	217

VIỆT NAM NGHĨA LIỆT SỬ • NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

In lần thứ hai 7.100 cuốn tại Nhà máy in Tiến Bộ Hà-nội.
 Khổ 13 × 19 — Số xuất bản: 7 — Số in: 146 — Xong 25-6-1972
 Gửi lưu chiều tháng 6 năm 1972 — Bìa: NGÔ MẠNH LÂN